

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 15 tháng 04 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2
 - Mã chứng khoán: C32
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.
 - Điện thoại: 0274 3759 446 - Fax: 0274 3755 605
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lữ Minh Quân, Chức vụ: Phụ trách QTCT.
- Loại thông tin công bố: Công bố thông tin định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*): Báo cáo thường niên năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/04/2019 tại đường dẫn: <http://cic32.com.vn> (Mục Quan hệ cổ đông – Báo cáo thường niên – Năm 2018).

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Người được ủy quyền công bố thông tin

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2018.

Lữ Minh Quân



**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2018**



“Năng suất – Chất lượng – Hiệu quả nhất”



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01

THÔNG TIN CHUNG



Tên giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Tên giao dịch bằng tiếng Anh

CONSTRUCTION INVESTMENT CORPORATION 3-2

Tên viết tắt

CIC3-2

Giấy CNĐK doanh nghiệp số

3700146225 ngày 24/12/2008 so Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng kí thay đổi lần 10 ngày 08/08/2018

Vốn điều lệ

150.301.450.000 VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

150.301.450.000 VND

Địa chỉ

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

Số điện thoại

0274 3759446

Số fax

0274 3755605

Website

www.cic32.com.vn

Email

cic32bd@gmail.com

Mã cổ phiếu

C32

Sàn chứng khoán

HOSE

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh

và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển



1993

Tiền thân của Công ty CP Đầu tư Xây dựng 3-2 là Công ty Kinh doanh phát triển nhà Sông Bé (SB.P.Corp) – là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 08/1/1993 của UBND tỉnh Sông Bé, chuyên kinh doanh nhà, kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng công trình...

1994

Song song với việc thực hiện các công trình nhà ở, Công ty mở rộng sang lĩnh vực khai thác, sản xuất và kinh doanh đá xây dựng tại mỏ Đá Đông Hòa – huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1997

Tỉnh Sông Bé tách thành hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước, để đáp ứng yêu cầu phát triển phù hợp với xu thế mới, Công ty đổi tên là Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2

2001

Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà ở như Khu dân cư Nguyễn Văn Tiết, Khu dân cư An Phú....

2007

Công ty xin giấy phép khai thác trực tiếp và làm chủ đầu tư mỏ đá xây dựng Tân Đông Hiệp. Đồng thời, Công ty thành lập Sàn Giao dịch bất động sản và Trung tâm Vật Liệu Xây Dựng 279 mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh cho thuê thiết bị thi công.

2006

Công ty phát triển thêm lĩnh vực sản xuất cống bê tông cốt thép; gia tăng lắp đặt cơ khí công trình; thi công điện nước; dịch vụ vận tải hàng hóa và thành lập Xí nghiệp cơ khí và cấu kiện bê tông nằm trên địa bàn Ấp Hòa Lân 1, P. Thuận Giao, TX.Thuận An, Bình Dương.

2004

Nhãn hiệu hàng hóa CIC 3-2 đã được nhiều khách hàng biết đến trên thị trường trong và ngoài tỉnh, được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp giấy chứng nhận theo Quyết định số A5461/QĐ- ĐK ngày 18/08/2004

2003

Công ty tiến hành xây dựng áp dụng và được chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn ISO 9001 : 2000, nay là ISO 9001 : 2015.

2008

Ngày 11/12/2008, Công ty tổ chức Đại hội cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 và chính thức đi vào hoạt động đánh dấu bước phát triển mới của Công ty

2011

Công ty mở rộng xây dựng nhà xưởng sản xuất cống Bê tông tại xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích 4ha, công suất 30.000 cống/năm, đồng thời đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất gạch bê tông tự chèn, gạch block,... nhằm đưa sản phẩm mới vào thị trường.

2012

Công ty thành lập Xí nghiệp Xây lắp và đổi mới về tổ chức hoạt động từ đơn vị thi công thành đơn vị nhà thầu quản lý thi công. Cuối năm 2012, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE).

2018

Công ty triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đã phát hành thành công 10% cổ phiếu thưởng để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 150.301.450.000 đồng, tương đương số cổ phần đang lưu hành là 15.030.145 cổ phần. Mua thêm 413.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Miền Đông, nâng số lượng cổ phần sở hữu lên 2.985.150 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 28,91% số cổ phiếu đang lưu hành.



Giải Bạc chất lượng Quốc gia năm 2009

Năm 2009, Công ty đã vinh dự được Thủ tướng Chính phủ trao tặng "Giải Bạc chất lượng Quốc gia". Giải thưởng nhằm tôn vinh các doanh nghiệp đạt chất lượng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, vai trò của lãnh đạo trong hoạt động điều hành doanh nghiệp, chiến lược hoạt động, định hướng chính sách với khách hàng, việc phát triển nguồn nhân lực tại doanh nghiệp....



Sản phẩm vàng Hội nhập WTO 2013 sản phẩm gạch bê tông tự chèn.

Năm 2013, Công ty đạt danh hiệu Nhà cung cấp Chất lượng năm 2013 do Viện Doanh nghiệp Việt Nam bình chọn. Đây là chương trình nhằm đánh giá các doanh nghiệp đáp ứng tốt và hiệu quả các yêu cầu của các thương vụ trong và ngoài nước, do Viện Doanh nghiệp Việt Nam tổ chức đánh giá.



Giấy chứng nhận và Cup Top 100 sản phẩm ưu tú thời hội nhập WTO năm 2010

Năm 2010, Công ty lọt vào "Top 100 sản phẩm ưu tú thời hội nhập WTO" do Liên Hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam tổ chức. Giải thưởng đánh giá sản phẩm/dịch vụ có khả năng cạnh tranh rất cao, chứng tỏ sự trưởng thành và phát triển vượt bậc, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế của đất nước.



Ông Võ Văn Lãnh – Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty (đứng thứ ba từ trái sang phải) nhận giải thưởng

Năm 2015 ông Võ Văn Lãnh Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Xây dựng 3-2 (CIC3-2) đạt Top 10 lãnh đạo có hiệu quả kinh doanh nhất trong 50 gương mặt lãnh đạo xuất sắc nhất năm 2015.



Giấy chứng nhận và Cup "Nhãn hiệu cạnh tranh năm 2011"

Năm 2011, Công ty lọt vào "Top 50 Nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam" do Hội Sở Hữu trí tuệ Việt Nam bình chọn. Đây là giải thưởng ghi nhận và tôn vinh các tổ chức - doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong xây dựng, phát triển Nhãn hiệu theo các tiêu chí đánh giá, công nhận về Nhãn hiệu nổi tiếng.



Thương hiệu vàng năm 2015



Giải thưởng "Sao vàng Đất Việt 2015"



Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững năm 2016 và 2017 và 2018

Năm 2016, 2017 và 2018, Công ty đạt chứng nhận danh hiệu Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững do Hội đồng phát triển doanh nghiệp bền vững doanh nghiệp Việt Nam bình chọn.



Khen thưởng của Tổng cục Thuế



Bằng khen của Chủ tịch UBND về những đóng góp xã hội



Năm 2015, Công ty đạt giải thưởng "Thương hiệu vàng 2015" do Bộ Công thương ủy quyền cho Hiệp hội chống hàng nhái, hàng giả Việt Nam tổ chức. Giải thưởng đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, việc phát triển thương hiệu, hàng hóa có định hướng lâu dài và biện pháp chống hàng giả, hàng nhái và việc quản lý chất lượng hàng hóa của Công ty....

Liên tục trong các năm 2015, 2016, 2017 Công ty được Cục thuế tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Tổng Cục thuế trao tặng giấy khen về việc chấp hành tốt việc khai báo, nộp thuế và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước. Công ty đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính tặng Bằng khen đã có thành tích chấp hành tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2016.

Bằng khen của Chủ tịch UBND tặng vào năm 2017 do có thành tích nhiều đóng góp trong phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm lo cho gia đình chính sách, thương binh, liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2012 - 2017.

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương tặng Công ty có thành tích đóng góp trong hoạt động bảo trợ, chăm lo cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn giai đoạn (1997 - 2017).

Năm 2018, Công ty được trao tặng giải thưởng như:



Top 100 Giải thưởng "Sao Vàng đất Việt 2018" do Trung ương Hội doanh Nhân trẻ Việt Nam chứng nhận. Danh hiệu Top 100 "Thương Hiệu Việt Nam" trong hội nhập quốc tế.



Bằng khen của UBND tỉnh Bình Dương đã có thành tích hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế năm 2017



Giấy khen của BHXH tỉnh Bình Dương đã thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2017



Top 5 Doanh nghiệp quản trị Công ty tốt nhất - Nhóm vốn hóa nhỏ do Báo Đầu tư và Sở GD chứng khoán TPHCM bình chọn năm 2018



Giấy khen của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP.HCM đã có nhiều đóng góp cho hoạt động chăm lo đối tượng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Chánh Phú Hoà năm 2017



Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) có quyết định số 2395/QĐ-QUACERT cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp Công ty đạt chuẩn OHSAS 18001 : 2007...

KHAI THÁC VÀ KINH DOANH ĐÁ XÂY DỰNG

Chế biến và khai thác tại mỏ
Quy mô khai thác trên diện tích 20 ha
Sản phẩm đá xây dựng có ưu điểm

- Tính chịu lực cao
- Ít hút nước
- Độ chống mài mòn cao
- Sử dụng rộng rãi trong xây dựng cầu đường, hạ tầng kỹ thuật,...

SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH CẤU KIỆN BÊ TÔNG ĐÚC SẴN

- Cống bê tông ly tâm
- Cống H30
- Cống H10
- Cống VH
- Cống hộp bê tông cốt thép

XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG, CÔNG NGHIỆP VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

- Bề dày 20 năm kinh nghiệm
- Uy tín cao trên thị trường
- Tự túc nguồn nguyên liệu đầu vào
- Chất lượng công trình cao

LĨNH VỰC KHÁC

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ xi măng: gạch tự chèn, gạch Terrazzo
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, cho thuê thiết bị xây dựng
- Kinh doanh bất động sản



• **Thị trường hoạt động chính:** Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh

• **Thị trường đang phát triển thị phần:** Đồng Nai, Bình Phước, Long An,...

• **Khách hàng mục tiêu**

- + Các công ty xây dựng, thi công công trình giao thông, dân dụng, hạ tầng khu công nghiệp
- + Chủ đầu tư, ban quản lý dự án các quận, huyện
- + Các đại lý, nhà phân phối, kinh doanh vật liệu xây dựng

Lĩnh vực đá xây dựng



Đá 1x2

Đá 0x4

Đá 4x6

Đá hộc

Mỏ Tân Đông Hiệp với đá chất lượng cao và vị trí thuận lợi cho vận chuyển tiêu thụ. Mặc dù khai thác xuống sâu nhưng chất lượng đá được đảm bảo nên công ty vẫn giữ được vị thế cạnh tranh cao trong ngành.

Mục tiêu chủ yếu lĩnh vực đá xây dựng

Trong năm 2019, dự trữ nguồn đá hộc nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu xây dựng trong năm 2020. Bên cạnh đó, mở rộng nguồn nguyên liệu, đồng thời tham gia đấu giá khai thác mỏ đá mới khu Bình Phước nhằm giúp ổn định sản xuất lĩnh vực đá xây dựng trong những năm sắp tới.



Cống bê tông

Vị thế cạnh tranh lĩnh vực cống bê tông duy trì ở mức ổn định. Việc đưa xưởng Bê tông Thạnh Phước vào hoạt động giúp cải thiện yếu tố về năng lực sản xuất cống bê tông. Sản phẩm chưa đa dạng nên khách hàng còn hạn chế, sản phẩm tiêu thụ chủ yếu ở các công trình hạ tầng có vốn công. Sản phẩm của công ty chưa có vị thế trên thị trường do mẫu mã chưa đa dạng, giá bán chưa cạnh tranh.

Mục tiêu chủ yếu lĩnh vực cống bê tông

Tập trung hoàn tất giai đoạn 2 xưởng bê tông Thạnh Phước sản xuất cống sử dụng công nghệ rung lõi để đưa vào vận hành trong quý I/2019 nhằm gia tăng công suất sản xuất.

Lĩnh vực xây lắp



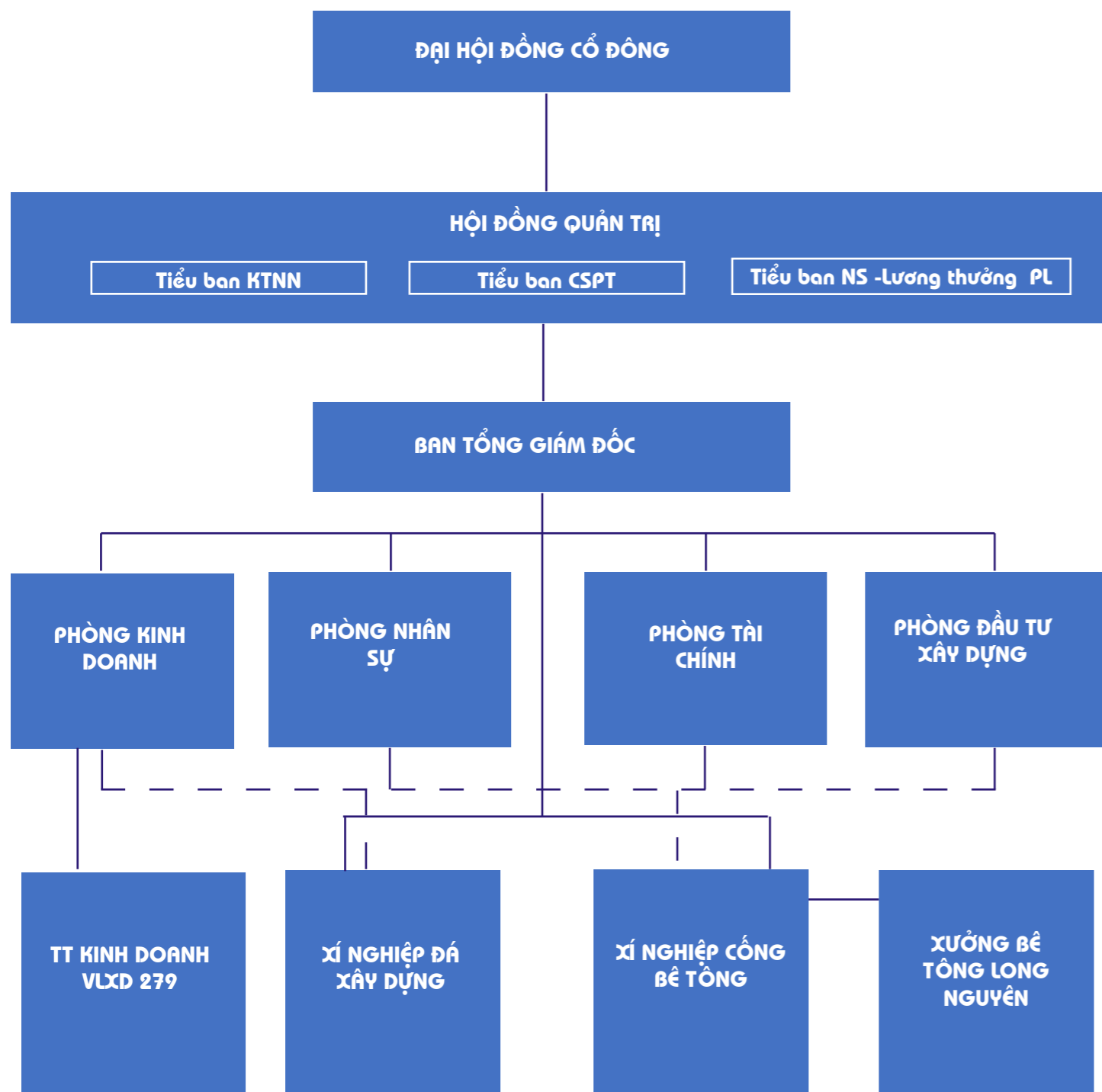
Trong lĩnh vực xây lắp Công ty còn yếu ở cả 3 khâu là tiếp thị, tổ chức đầu thầu và tổ chức thi công. Công ty chủ yếu tập trung vào các công trình hạ tầng, công trình văn hóa xã hội có vốn công nên còn phụ thuộc nhiều vào việc giải ngân vốn ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, việc cạnh tranh không lành mạnh trong việc tổ chức đầu thầu các công trình đã làm ảnh hưởng đến kết quả lựa chọn thầu của Công ty trong năm qua.

Mục tiêu chủ yếu lĩnh vực xây lắp

Cải tiến, hoàn thiện việc phối hợp các bộ phận của công ty để nâng cao chất lượng hồ sơ đầu thầu, quản trị giá thành, cung ứng vật tư, giám sát và điều phối thi công hiệu quả.

Mở rộng tìm kiếm công trình vốn công, vốn từ, thực hiện liên kết đầu thầu, cải thiện năng lực xây lắp ở các công tác tiếp thị, tổ chức đầu thầu và tổ chức thi công.

Cơ cấu bộ máy quản lý



Mô hình quản trị

Công ty hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần nên mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Tiểu ban chính sách phát triển
- Tiểu ban kiểm toán nội bộ
- Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng - Pháp lý
- Ban tổng giám đốc

Trong bộ máy hoạt động có sự xuất hiện của các tiểu ban dưới sự quản lý của Hội đồng quản trị. Có 3 tiểu ban, cụ thể là Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, Tiểu ban Nhân sự, lương thưởng và pháp lý.

Chủ tịch HĐQT, đồng thời là Tổng Giám đốc công ty nên rất thuận lợi trong công tác quản trị công ty, tạo ra mối quan hệ chặt chẽ giữa HĐQT và Ban TGD.

Trong năm, công ty đã thay đổi cơ cấu quản trị từ mô hình Ban Kiểm soát (BKS) sang mô hình Tiểu ban Kiểm toán nội bộ thuộc Hội đồng Quản trị và miễn nhiệm BKS; thực hiện sáp nhập Xí Nghiệp Xây Lắp và Phòng Đầu tư thành Phòng Đầu tư Xây dựng. Tất cả những thay đổi mới đều nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động và mang lại hiệu quả kinh tế.



Công ty con, công ty liên kết

Công ty con: Không có

Công ty liên kết:

1. Công ty Cổ phần Miền Đông



Địa chỉ: Đường 1 – KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa – Đồng Nai.

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, Bất động sản, Khai thác khoáng sản, kinh doanh vật liệu xây dựng.

Số lượng cổ phần và tỷ lệ nắm giữ: 3.485.150 VND – 33,76% số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Website: www.miendong.com.vn



Công trình tiêu biểu của MDG - Thủy điện Thác Mơ

2. Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm Thủ Đức – Long An



Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh các loại cọc, dầm bê tông

Số lượng cổ phần và tỷ lệ nắm giữ: 3.667.268 – 24,33% số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Website: www.thuduclongan.com



Xưởng sản xuất của CTCP Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An



Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế tác động trực tiếp đến việc tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là một yếu tố tác động mạnh mẽ đến kinh doanh địa ốc, đầu tư xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng, từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm.

Tình hình kinh tế trong nước năm 2018 ghi nhận kết quả nổi bật: Tăng trưởng GDP năm 2018 tăng 7,98% - đây là mức tăng cao nhất trong 10 năm qua. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,89%, đóng góp 48,7%. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đang phải đối mặt với không ít thách thức như:

- Sức ép lạm phát còn lớn do tác động của nhiều yếu tố, nhất là biến động tỷ giá, lãi suất, biến động giá dầu thô trên thị trường quốc tế và yêu cầu thực hiện lộ trình giá thị trường đối với điện, dịch vụ giáo dục, y tế... .
- Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn ở nhiều bộ ngành, địa phương chậm. Năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, tỷ lệ nội địa hóa của nhiều ngành, lĩnh vực còn thấp.

Trong môi trường vĩ mô như vậy, đòi hỏi Công ty phải chủ động, linh hoạt để thích ứng. Công ty luôn chú trọng việc theo dõi sát tình hình kinh tế để có những điều chỉnh về chiến lược, kế hoạch kinh doanh phù hợp.

Rủi ro ngành

Ngành khai thác tài nguyên nói chung và khai thác đá nói riêng trong những năm gần đây phải đối diện với nhiều khó khăn. Theo Bộ Công Thương, tốc độ tăng trưởng ngành khai khoáng tiếp tục giảm 2,7% so với năm 2017.

Về ngành xây dựng: Theo số liệu Tổng cục Thống kê ngành xây dựng 09 tháng đầu năm duy trì mức tăng trưởng khá với tốc độ 8,46% đóng góp 0,55 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành xây dựng là ngành tăng trưởng bền vững hàng năm và đóng góp lớn vào cơ cấu tăng trưởng GDP của cả nước. Đặc biệt năm 2018, với việc triển khai nhiều dự án hạ tầng giao thông trọng điểm và bất động sản đã làm cho hoạt động ngành ngày càng sôi động đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng ngành đáng kể.

Ngành xây dựng của Công ty vốn có lợi thế với những dự án đầu tư công của tỉnh Bình Dương. Nhưng thời gian trở lại đây, số lượng dự án đang giảm dần, buộc công ty phải tìm kiếm dự án ngoài tỉnh và vốn tư nhân nên khó cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành khác.

Về ngành vật liệu xây dựng: Nhu cầu vật liệu xây dựng tăng nhẹ trong năm 2018 nhờ tăng trưởng tích cực của thị trường bất động sản và ngành xây dựng. Giá các mặt hàng vật liệu có nhiều biến động như:

- Giá cát xây dựng tăng khoảng 20% do ảnh hưởng từ việc kiểm soát chặt nguồn cung cát, cụ thể giá cát xây dựng đã tăng từ 272.727 đồng/m³ lên thành 322.727 đồng/m³ (giá chưa VAT);
- Diễn biến giá xăng dầu cũng tăng nhẹ lên mức giá 14.318 đồng/lít (giá chưa VAT) do chính sách cắt giảm sản lượng dầu từ khối OPEC;
- Giá thép xây dựng trên thị trường chỉ điều chỉnh tăng nhẹ từ 1% - 2% do nguồn cung từ thị trường Trung Quốc khá ổn định, giá fi6, fi8 Trung Quốc ổn định ở mức 13.455 đồng/kg (giá chưa VAT); giá thép Pomina trong nước tăng nhẹ từ 13.560 đồng/kg lên 13.610 đồng/kg (giá chưa VAT).
- Giá các vật liệu như bê tông tươi giảm 4,9%; bê tông nhựa nóng tăng 15% so với đầu năm 2018.
- Các sản phẩm gạch xây không nung cũng được sử dụng rộng rãi ở các công trình lớn, cao tầng thay thế gạch truyền thống, tuy nhiên giá các sản phẩm gạch trong năm nhìn chung được duy trì ở mức ổn định, riêng gạch tuynel giảm 8,9% so với đầu năm 2018.

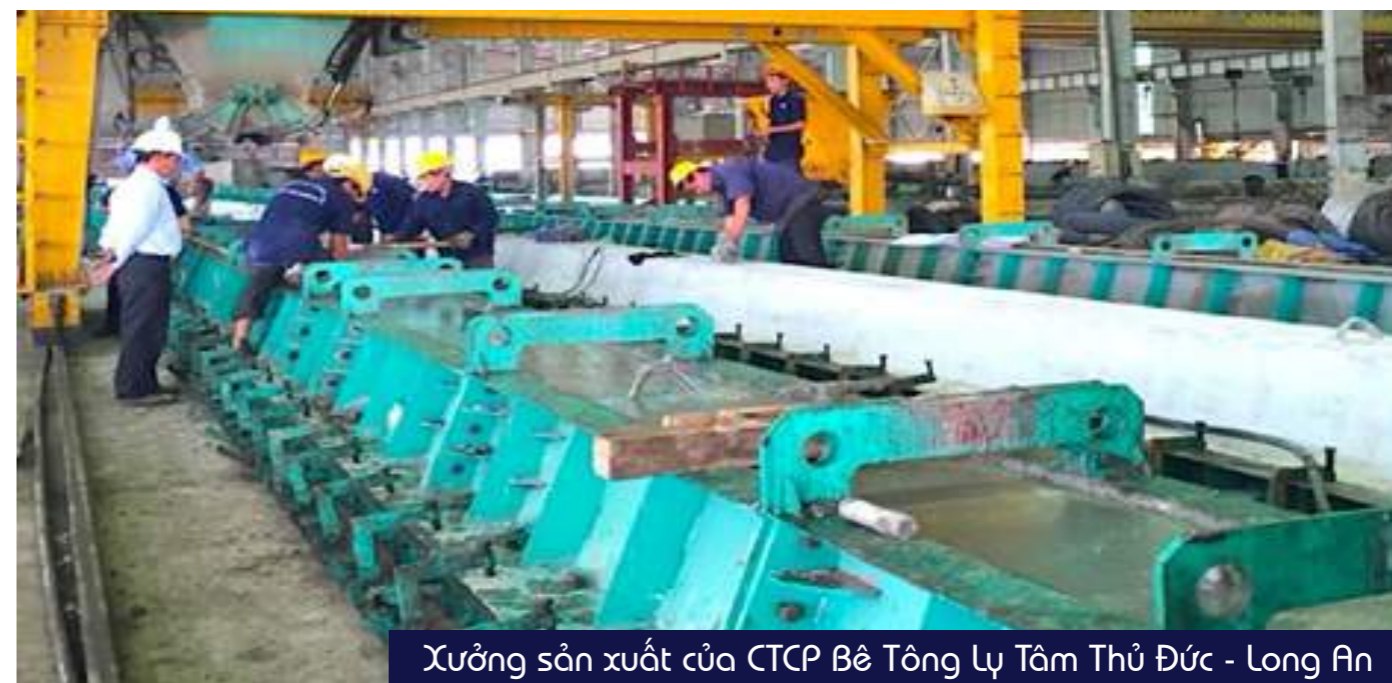
Rủi ro đặc thù của C32 ở mảng vật liệu xây dựng đến từ việc giấy phép khai thác mỏ đá Tân Đông Hiệp hết hạn vào cuối năm 2019. Hoạt động khai thác tại mỏ Tân Đông Hiệp trong năm 2019 sẽ khó khăn hơn khi xuống cos -150m. Tuyến đường vận chuyển và mặt bằng chế biến chật hẹp sẽ làm giảm hiệu suất hoạt động của thiết bị vận chuyển và ảnh hưởng tới sản lượng sản xuất cũng như giá thành sản phẩm đá xây dựng.

Bên cạnh đó, việc phát triển thị trường cho sản phẩm công bê tông cũng ngày càng khó khăn do sản phẩm công rung ép ngày càng được khách hàng ưa chuộng nhờ giá rẻ hơn từ 10%-12%.

Nhận định được những rủi ro đó, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động đề ra chiến lược kinh doanh để hạn chế những tác động rủi ro trên. Cụ thể, công ty liên kết với doanh nghiệp cùng ngành ở từng dòng sản phẩm khác nhau để tận dụng được những điểm mạnh của các doanh nghiệp này. Với hoạt động khai thác đá, Công ty liên kết kinh doanh với Công ty cổ phần Miền Đông (MDG) - đang sở hữu quyền khai thác mỏ đá Tân Mỹ để đảm bảo nguồn đá khai thác trong dài hạn. Về mảng sản xuất, kinh doanh bê tông, công ty liên kết kinh doanh với Công ty cổ phần bê tông lỵ tâm Thủ Đức – Long An.



Mỏ đá ở Tân Mỹ của MDG



Xưởng sản xuất của CTCP Bê Tông Lỵ Tâm Thủ Đức - Long An

Rủi ro lãi suất

Năm 2018, lãi suất huy động có xu hướng tăng mạnh bắt đầu từ quý III và tiếp tục kéo dài đà tăng sang các tháng còn lại của năm 2018. Dự đoán về triển vọng thị trường tiền tệ năm 2019, theo các chuyên gia tài chính, lãi suất tiếp tục chịu áp lực tăng trong năm 2019 do nhiều nguyên nhân.

- Thứ nhất, FED nhiều khả năng sẽ tăng tiếp lãi suất trong năm 2019, đạt mức lãi suất điều hành dự kiến là 3,5%.
- Thứ hai, lạm phát trong năm 2019 có thể sẽ tăng cao hơn 2018, tạo ra áp lực tăng lãi suất tiền gửi với hệ thống ngân hàng.

Các dự án xây dựng, bất động sản chủ yếu được sử dụng từ nguồn vốn vay nên khi lãi suất tăng sẽ đội chi phí đầu tư lên cao gây bất lợi cho việc triển khai dự án. Đặc biệt đối với các dự án công, lãi suất vốn vay nước ngoài không còn được nhiều ưu đãi như trước đây.

Công ty chủ yếu sử dụng nợ vay ngắn hạn nên biến động lãi suất cũng tác động ít nhiều đến Công ty. Vì là nợ vay ngắn hạn và được thanh toán trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh nên phần lớn chi phí lãi vay sẽ được tính vào chi phí hoạt động trong kỳ, điều này gây áp lực đến dòng tiền kinh doanh trong kỳ của Công ty, đòi hỏi doanh nghiệp cần phải có chiến lược kinh doanh khôn ngoan để có thể quản trị được rủi ro lãi suất tăng.

Rủi ro pháp luật

Bất cứ doanh nghiệp nào cũng chịu sự chi phối của Pháp luật Việt Nam, điển hình như Luật doanh nghiệp. Riêng với những công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán như C32 phải chịu sự quản lý của Luật Chứng khoán. Hơn thế nữa C32 hoạt động trong ngành khai thác đá xây dựng còn phải chịu sự chi phối của Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

Để hạn chế rủi ro pháp luật Công ty luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình những thay đổi trong quy định. Định kỳ tập huấn cho CB-CNV ở từng bộ phận về những quy định pháp luật có liên quan.

Rủi ro môi trường

Ngành khai thác là ngành ảnh hưởng rất lớn tới môi trường tự nhiên. Các chất thải ra ngoài ảnh hưởng đến môi trường, tiếng ồn ảnh hưởng đến cuộc sống của người xung quanh. Khai thác đá phải dùng thuốc nổ gây ra tiếng ồn và ảnh hưởng đến hệ sinh thái con người cũng như động vật ở xung quanh.

Để khắc phục tác động trên nhưng vẫn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty thực hiện đầu tư các máy móc thiết bị sản xuất theo công nghệ hiện đại tại Xưởng Thanh Phước có các hệ thống xử lý bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường

Rủi ro thời tiết

Khai thác đá bị ảnh hưởng rất lớn bởi thời tiết. Khi trời mưa xuống, nước đọng lại thành hồ sâu dẫn đến khó khai thác nên gây giảm sản lượng cho các doanh nghiệp trong ngành. Tương tự đối với mảng xây lắp hạ tầng của công ty cũng sẽ bị đình trệ bởi vì trời mưa. Theo Trung tâm khí tượng thủy văn trung ương trong năm 2019, thời tiết của các tỉnh phía Nam sẽ xuất hiện các đợt mưa trái mùa, vì thế Công ty cần có những biện pháp quản trị rủi ro kịp thời cho những vấn đề thời tiết phát sinh.

Rủi ro khác

Tính chất ngành tiếp xúc với nhiều chất nổ, bụi bặm ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Ngành khai thác là một ngành rất nguy hiểm đòi hỏi công nhân phải có sức khỏe, sức bền, khéo léo và kinh nghiệm. Chỉ cần một sơ suất nhỏ trong công đoạn nổ mìn bắt đầu khai thác có thể dẫn đến tai nạn nghiêm trọng thậm chí làm gián đoạn toàn bộ quá trình khai thác.

Để đảm bảo công tác khai thác sản xuất diễn ra liên tục, Công ty luôn đặt mục tiêu "An toàn lao động là trên hết", theo đó mỗi năm Công ty đều trang bị đồ bảo hộ lao động đúng quy định, xây dựng quy trình an toàn lao động trong sản xuất.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Kinh tế thế giới

Kinh tế thế giới năm 2018 đầy biến động với những gam màu sáng tối đan xen lẫn nhau. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung gây ra thiệt hại lớn cho nền kinh tế nói chung và hai cường quốc nhất nhì thế giới nói riêng. Sắp tới, Mỹ và Trung Quốc sẽ đi đến một thỏa thuận được kí kết vào cuối tháng 2/2019. Khi đó, chúng ta sẽ xác định được cuộc chiến này sẽ dịu lại hay vẫn tiếp tục leo thang. Nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng thấp nhất trong những năm qua. GDP quý III/2018 của Trung Quốc chỉ tăng 6,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Đây là tốc độ chậm nhất kể từ khủng hoảng tài chính toàn cầu. Trung Quốc nới lỏng tiền tệ và giá phá đồng tiền để hỗ trợ doanh nghiệp trong nước cũng như hoạt động xuất khẩu. Đà tăng trưởng được dự báo còn xuống dốc trong cả năm 2019.

Kinh tế Việt Nam

Trái ngược với tình hình thế giới, kinh tế Việt Nam đang ngày càng tăng trưởng. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) Việt Nam năm 2018 tăng trưởng 7,08% cao nhất kể từ năm 2010, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%. Ngành công nghiệp năm 2018 duy trì mức tăng trưởng khá với 8,79%, đóng góp 2,85 điểm phần trăm vào tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế.

Nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng như giao thông, năng lượng, tiện ích và các công trình dân dụng tăng cao vì mức độ đô thị hóa được cải thiện, tiềm năng tăng trưởng dân số tại các thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh sẽ thúc đẩy. Đồng thời dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành bất động sản tăng mạnh và Chính phủ đang nỗ lực thoái vốn các doanh nghiệp nhà nước để bổ sung vốn phục vụ cho các công trình cơ sở hạ tầng cấp thiết cho thâu tóm tiềm năng tăng trưởng của ngành xây dựng, bất động sản.

Ở ngành vật liệu xây dựng: Giá các mặt hàng vật liệu có nhiều biến động vì nhu cầu xây dựng cao, cụ thể như giá cát xây dựng tăng khoảng 20% do ảnh hưởng từ việc kiểm soát chặt nguồn cung cát; diễn biến giá xăng dầu cũng tăng nhẹ lên mức giá 14.318 đồng/lít (giá chưa VAT) do chính sách cắt giảm sản lượng dầu từ khối OPEC; giá thép xây dựng trên thị trường chỉ điều chỉnh tăng nhẹ từ 1%-2% do nguồn cung từ thị trường Trung Quốc khá ổn định. Giá các vật liệu như bê tông tươi giảm 4,9%; bê tông nhựa nóng tăng 15% so với đầu năm 2018. Các sản phẩm gạch xây không nung cũng được sử dụng rộng rãi ở các công trình lớn, cao tầng thay thế gạch truyền thống, tuy nhiên giá các sản phẩm gạch trong năm nhìn chung được duy trì ở mức ổn định, riêng gạch tuynel giảm 8,9% so với đầu năm 2018.

Về ngành xây dựng: Ngành xây dựng là ngành tăng trưởng bền vững với tốc độ 8,46% và đóng góp 0,55 điểm phần trăm vào cơ cấu tăng trưởng GDP của cả nước, đặc biệt năm nay với việc triển khai nhiều dự án hạ tầng giao thông trọng điểm và bất động sản đã làm cho hoạt động ngành ngày càng sôi động đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng ngành đáng kể.

Ngành công nghiệp khai khoáng: vẫn tăng trưởng âm (giảm 3,11%) làm giảm 0,23 điểm phần trăm tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành xây dựng năm 2018 duy trì được mức tăng trưởng khá với tốc độ 9,16% đóng góp 0,65 điểm phần trăm.

Kết quả kinh doanh chung toàn công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	TH2017	KH2018	TH2018	TH2018/KH2018
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	136,64	150,3	150,30	100,00%
Doanh thu từ hoạt động SXKD	Tỷ đồng	559,75	680	722,33	106,23%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	144,68	144	115,14	79,96%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	91,65	115	92,45	80,39%
Tỷ suất LNST/doanh thu thuần	%	16,37	16,91	12,80	75,69%
Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	%	67,07	76,51	61,51	80,39%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	6.143	8.416	6.151	73,09%

Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2018 nhìn chung đạt kế hoạch đề ra. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh năm 2018 đạt hơn 722,33 tỷ đồng đạt 106,23% kế hoạch đề ra, tăng 29% so với năm 2017. Nguyên nhân doanh thu tăng cao do Công ty tập trung hoàn thành các công trình xây lắp ở Bình Dương và giá đá xây dựng trong những tháng đầu năm 2018 diễn biến tăng lên vì thiếu hụt nguồn cung đá do mỏ Tân Đông Hiệp bị ngưng hoạt động. Công ty đã tận dụng thời cơ này để tận thu nguồn đá xây dựng dự trữ trong năm 2017.

Lợi nhuận sau thuế tăng 0,87% so với năm 2017 nhưng chỉ đạt 80,39% kế hoạch. Nguyên nhân, do cơ cấu doanh thu có nhiều biến động. Doanh thu tăng ở các lĩnh vực có biên lợi nhuận không cao như xây dựng, công, dịch vụ gia công chế biến đá..., trong khi đó lại giảm mạnh ở mảng thành phẩm đá xây dựng do thiếu sản lượng đáp ứng nhu cầu thị trường. Thêm vào đó, giá vốn trong kỳ cũng tăng vì khai thác xuống sâu, diện tích khai thác chật hẹp, đường vận chuyển dốc, khiến máy móc phải làm việc hết công suất, gia tăng chi phí khấu hao.

Thuận lợi

Trong năm nguồn đá hộc dự trữ đủ cho hoạt động chế biến đá không bị gián đoạn và việc gia hạn khai thác mỏ đá kịp thời vào cuối quý III/2018 giúp đảm bảo doanh thu và sản lượng lĩnh vực đá xây dựng. Ở lĩnh vực công bê tông, Xưởng bê tông Thạnh Phước hoạt động ổn định giúp gia tăng năng lực sản xuất sản phẩm công bê tông, đáp ứng nhu cầu thị trường về các sản phẩm cầu kiện bê tông, do đó khối lượng đơn hàng sản phẩm công bê tông được duy trì ở mức khả quan đã giúp gia tăng sản lượng và thúc đẩy doanh thu lĩnh vực này; đồng thời việc vận hành Phòng LAS giúp Công ty tự chủ trong việc kiểm soát và nâng cao chất lượng sản phẩm. Trong năm 2018, Công ty cũng đã thực hiện cải tiến tinh gọn bộ máy nhân sự, sáp nhập XNXL và Phòng Đầu tư thành Phòng Đầu tư Xây dựng giúp nâng cao hiệu quả hoạt động và bước đầu ghi nhận kết quả khả quan khi hoạt động Xây Lắp đã có lãi

Khó khăn

Lĩnh vực đá xây dựng việc khai thác xuống sâu, kết hợp với mặt bằng chật hẹp, đường vận chuyển dốc nên khó gia tăng sản lượng khai thác và chế biến. Ở lĩnh vực xây lắp, khối lượng công trình trúng thầu trong kỳ đạt thấp so với kế hoạch đề ra nên khối lượng công trình Xây lắp chuyển tiếp hạn chế, hầu hết các công trình chậm tiến độ do Phòng ĐTXD vẫn đang trong giai đoạn ổn định cơ cấu nhân sự, các thầu phụ chưa huy động được nhân công để đáp ứng công tác thi công. Lĩnh vực công bê tông, hoạt động sản xuất còn gặp khó khăn do các đơn hàng tập trung lấp hàng khi thời tiết thi công thuận lợi nên việc tiếp nhận đơn hàng mới, cũng như tiến độ giao hàng bị ảnh hưởng, khi thời tiết mưa nhiều thì thành phẩm tiêu thụ không kịp nên gia tăng hàng tồn kho. Bên cạnh đó, một số thiết bị cũng thường xuyên hư hỏng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh

Tình hình sản xuất

Các hoạt động sản xuất của Công ty trong năm được duy trì ổn định, máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất tại các Xí nghiệp được vận hành tốt, nhìn chung chất lượng sản phẩm được đảm bảo.

Đá xây dựng

Lĩnh vực đá xây dựng gặp khó khăn do khai thác xuống sâu, kết hợp với mặt bằng chật hẹp, đường vận chuyển dốc nên khó gia tăng sản lượng khai thác và chế biến. Thị trường 3 tháng cuối năm bão hòa, khách hàng có xu hướng chuyển thương hiệu sang sử dụng đá khu vực Tân Cảng, Thạnh Phú; cùng với việc các công trình hạ tầng giao thông trong khu vực giảm sút, hoạt động tải trọng hàng hóa ngày càng siết chặt hơn dẫn đến thị trường tiêu thụ sản phẩm đá của Công ty trong giai đoạn cuối năm 2018 có phần giảm sút, không sôi động như các năm trước.



Xây lắp

Công ty đã thực hiện cải tiến tinh gọn bộ máy nhân sự, sáp nhập XNXL và Phòng Đầu tư thành Phòng Đầu tư Xây dựng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Khối lượng công trình trúng thầu trong kỳ đạt thấp so với kế hoạch đề ra nên khối lượng công trình Xây lắp chuyển tiếp hạn chế, hầu hết các công trình chậm tiến độ do Phòng Đầu tư Xây dựng vẫn đang trong giai đoạn ổn định cơ cấu nhân sự, các thầu phụ chưa huy động được nhân công để đáp ứng công tác thi công

Giá trị công trình trúng thầu ước đạt 115.111 tỷ đạt 64% kế hoạch, giảm 36% so với cùng kỳ năm 2017 do việc cạnh tranh giữa các nhà thầu ngày càng gay gắt, số lượng các nhà thầu mới có năng lực tham gia các công trình trong Tỉnh ngày càng nhiều.



Các loại nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất các sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty trong năm:

- Thép xây dựng
- Xi măng
- Dầu DO
- Sỏi đỏ
- Đá
- Cát
- Phế liệu thu hồi từ công cụ, dụng cụ hỏng

Công bê tông

Xưởng bê tông Thanh Phước giai đoạn 1 hoạt động ổn định giúp gia tăng năng lực sản xuất sản phẩm công bê tông, đáp ứng nhu cầu thị trường về các sản phẩm cầu kiện bê tông, do đó khối lượng đơn hàng sản phẩm công bê tông được duy trì ở mức khả quan đã giúp gia tăng sản lượng và thúc đẩy doanh thu lĩnh vực này. Công ty đã chú trọng công tác quản lý giá thành sản phẩm công bê tông thông qua việc cải tiến định mức sản xuất, tăng cường cải tiến công nghệ sản xuất để tăng năng suất lao động, thực hiện đánh giá chi phí tiền lương... nhằm giảm giá thành và tăng tính cạnh tranh trên thị trường của sản phẩm



Lĩnh vực khác - Sản xuất gạch bê tông tự chèn

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018 gặp nhiều khó khăn, do tình hình tiêu thụ chậm, công tác tiếp thị tìm kiếm đơn hàng được mở rộng nhưng chưa có kết quả khả quan. Năng lực sản xuất của Công ty còn hạn chế về sản lượng và mẫu mã nên đối với các đơn hàng lớn, tiến độ cung cấp nhanh thì Công ty chưa đáp ứng được yêu cầu. Bên cạnh đó, sản phẩm có trọng lượng lớn nên chi phí vận chuyển cao gây khó khăn trong quá trình thương thảo hợp đồng.



ĐIỂM MẠNH

- Uy tín và thương hiệu của Công ty trên thị trường tạo được sự tin cậy với các khách hàng, các nhà cung ứng, các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức tín dụng trên địa bàn hoạt động.
- Thị trường tiêu thụ sản phẩm phủ khắp trên địa bàn tỉnh Bình Dương, và ngày càng thâm nhập sâu rộng hơn vào thị trường các tỉnh lân cận như TP.HCM, Tây Ninh và thị trường các tỉnh miền Đông Nam Bộ.
- Chủ động được nguồn nguyên vật liệu giúp Công ty giảm giá thành các sản phẩm, giá thành thi công công trình và tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- Công ty đang triển khai ứng dụng công nghệ thông tin như sử dụng phần mềm kế toán Fast online, cổng thông tin điện tử Online office, ... vào hoạt động quản lý, điều hành nhằm tăng hiệu suất làm việc của các bộ phận.
- Sản lượng đá tại mỏ đá Tân Đông Hiệp đảm bảo cho hoạt động chế biến, kinh doanh đá xây dựng trong năm 2019. Đồng thời, việc đưa Xưởng bê tông Thanh Phước giai đoạn 2 sử dụng công nghệ rung lõi vào hoạt động giúp nâng cao năng lực và công suất sản xuất các sản phẩm cấu kiện bê tông lên đáng kể.
- Công ty đang vận hành hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007.



ĐIỂM YẾU

- Giấy phép khai thác mỏ đá Tân Đông Hiệp hết hạn vào cuối năm 2019 sẽ ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn sau năm 2020.
- Sản phẩm công và gạch bê tông chưa đa dạng nên phân khúc khách hàng còn hạn chế, sản phẩm tiêu thụ chủ yếu ở các công trình hạ tầng có vốn công.
- Hoạt động xây lắp, Công ty còn yếu ở cả 03 khâu là tiếp thị, tổ chức đấu thầu và tổ chức thi công.
- Việc huy động nguồn vốn phục vụ cho các dự án đầu tư, đầu tư vào các doanh nghiệp cùng ngành đang tạo ra những áp lực lớn hơn về nguồn vốn, chi phí tài chính.
- Năng suất lao động của Công ty so với mặt bằng chung của thị trường vẫn còn ở mức thấp, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, đội ngũ nhân viên kinh doanh còn "mỏng" so với yêu cầu về phát triển của Công ty



CƠ HỘI

- Theo dự báo của Moody's, Việt Nam nhiều khả năng sẽ duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân khoảng 6,4% trong giai đoạn 2018-2022,
- Dự báo sự phát triển của ngành công nghiệp xây dựng của Việt Nam sẽ tăng trưởng 9% vào năm 2019 và trung bình hàng năm là 8,2% trong giai đoạn 2017 đến năm 2021.
- Ở khu vực Đông Nam Bộ dự báo mức tăng trưởng GRDP vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2016-2020 là 9,5%, dự báo vẫn sẽ là khu vực tăng trưởng năng động nhất cả nước, tiếp tục là khu vực kinh tế trọng điểm của cả nước nhu cầu về phát triển hạ tầng ở mức cao, mức tăng trưởng của ngành xây dựng ở mức 10-12%/năm.
- Tại địa bàn tỉnh Bình Dương, trong năm 2019 Tỉnh tiếp tục chú trọng đầu tư cho lĩnh vực nâng cấp hạ tầng giao thông, chỉnh trang đô thị, cấp thoát nước công cộng, giáo dục, y tế với tổng nguồn vốn đầu tư phát triển dự kiến khoảng 110.161 tỷ đồng; nguồn vốn Đầu tư công của Bình Dương trong năm 2019 khá dồi dào, dự kiến theo kế hoạch là 8.211 tỷ đồng tăng 13% so với thực hiện năm 2018 và dự kiến sẽ được giải ngân mạnh trong giai đoạn cuối kỳ kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020. Trong đó, tập trung triển khai đảm bảo tiến độ các công trình trọng điểm như đường Thủ Biên – Đất Cuốc, thông tuyến đường Mỹ Phước – Tân Vạn và nối dài đến Bàu Bàng, đường ĐT 743 và ĐT 743B, nâng cấp mở rộng các nút giao Quốc lộ 13, đường Đại Lộ Đông Tây khu vực Dĩ An...



THÁCH THỨC

- Kinh tế thế giới có nhiều biến động trong năm 2019 và dự báo tiếp tục kéo dài sang năm 2020 do chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.
- Tăng trưởng kinh tế vẫn còn phụ thuộc vào khu vực FDI
- Các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT đang bị siết chặt hơn trong công tác triển khai như tổ chức đấu thầu công khai, nguồn vốn đối ứng để thực hiện dự án sẽ bị hạn chế cho vay từ Ngân hàng.
- Năm 2019, tình hình giá các nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng tăng, các mặt hàng như điện, sắt thép, than đá tăng giá, đồng thời là những diễn biến bất thường của thời tiết,



Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Ghi chú
1	Võ Văn Lãnh	Chủ tịch HĐQT, kiêm TGD	11/12/2008	
2	Trần Văn Bình	Thành viên HĐQT, kiêm Phó TGD	21/04/2017	
3	Lê Thị Quyết	Thành viên HĐQT độc lập	21/04/2017	
4	Thượng Văn Huyện	Thành viên HĐQT không điều hành	26/04/2018	Bổ nhiệm từ 26/04/2018
5	Nguyễn Lê Văn	Thành viên HĐQT độc lập	26/04/2018	Bổ nhiệm từ 26/04/2018

Thành viên Ban Tổng giám đốc

STT	Thành viên Ban TGD	Chức vụ	Ghi chú
1	Võ Văn Lãnh	Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc	
2	Trần Văn Bình	Phó Tổng giám đốc	
3	Nguyễn Xuân Hiếu	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	



ÔNG VÕ VĂN LÃNH

Ông VÕ VĂN LÃNH - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Năm sinh	1963
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính Xây dựng cơ bản Kỹ sư Xây dựng cầu đường bộ
Nơi công tác hiện nay	CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT CTCP Miền Đông
Số cổ phần cá nhân sở hữu	347.782 CP, chiếm 2,31% số cổ phần đang lưu hành
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1985 - 1992: Nhân viên Ủy ban Kế hoạch tỉnh Sông Bé; - Từ 12/1992 – 9/1995: Kế toán trưởng Công ty Kinh doanh Phát triển nhà Sông Bé - Từ 9/1995 - 12/2008: Giám đốc Công ty Kinh doanh Phát triển nhà Sông Bé (tháng 2/1997 Công ty đã đổi tên thành Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2, ngày 24/12/2008 Công ty chuyển đổi mô hình thành Công ty cổ phần) - Từ 12/2008 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Xây dựng 3 - 2



ÔNG TRẦN VĂN BÌNH

Ông TRẦN VĂN BÌNH - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Năm sinh	1965
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Nơi công tác hiện nay	CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	6.694 CP, chiếm 0,04% số cổ phần đang lưu hành
Quá trình công tác	
- Từ 1987 - 1993	Kế toán Công ty Dầu thực vật Đồng Nai
- Từ 1994 – 1998	Kế toán trưởng XN Khai thác và SX VLXD thuộc CTCP Đầu tư Xây dựng 3 - 2
- Từ 1999 – 06/2005	Giám đốc Xí nghiệp Khai thác & Sản xuất VLXD thuộc CTCP Đầu tư Xây dựng 3 - 2
- Từ 07/2005 - 09/05/2014	Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2.
- Từ 10/05/2014 - nay	Phó TGD CTCP Đầu tư Xây dựng 3 - 2.
- Từ 21/04/2017 - nay	TV. HĐQT kiêm Phó TGD



BÀ LÊ THỊ QUYẾT

Bà LÊ THỊ QUYẾT - Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Năm sinh	1965
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế - Ngành Tài chính Kế toán
Nơi công tác hiện nay	CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT độc lập
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0,00%
Số cổ phần đại diện sở hữu	-
Quá trình công tác	
- Từ 1984 - 1994	Nhân viên phòng Tài chính - Kế toán Công ty khai thác đá và VLXD Hóa An, thuộc tổng Công ty VLXD Số 1;
- Từ 1994 - 1997	Phó phòng Tài chính - Kế toán Công ty Khai thác đá và VLXD Hóa An, thuộc tổng Công ty VLXD Số 1
- Từ 1997 - 2000	Kế toán trưởng Công ty Khai thác đá và VLXD Hóa An, thuộc tổng Công ty VLXD Số 1
- Từ 4/2000 – 4/2017	Kế toán trưởng – Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hóa An;
- Từ 21/04/2017 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Xây dựng 3 - 2.



ÔNG NGUYỄN LÊ VĂN

Ông NGUYỄN LÊ VĂN - Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh	1983
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Nơi công tác hiện nay	Công ty chứng khoán Beta
Chức vụ hiện nay	TV HĐQT độc lập
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT CTCP NVN Việt Nam Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư & Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
Số cổ phần cá nhân sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0,00%
Quá trình công tác	
- Từ 2005 - 2007	Nhân viên kiểm toán Công ty Kiểm toán DTL
- Từ 2007 - 2009	Nhân viên phân tích đầu tư CTCP Đầu tư Sao Việt
- Từ 2009 - 2010	Trưởng phòng tư vấn TCDN CTCP Chứng khoán Gia Quyền
- Từ 2010 - 04/2018	Giám đốc tư vấn TCDN CTCP Chứng khoán Beta kiêm Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- Từ 26/04/2018 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Xây dựng 3 - 2.



ÔNG THƯỢNG VĂN HUYỆN

Ông THƯỢNG VĂN HUYỆN - Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh	1978
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ chuyên môn	Đại học Thương mại - chuyên ngành Kế toán
Nơi công tác hiện nay	CTCP Miền Đông – XN Sản xuất đá Miền Đông
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT không điều hành
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Giám đốc chi nhánh CTCP Miền Đông – XN Sản xuất đá Miền Đông
Số cổ phần cá nhân sở hữu	943 CP chiếm tỷ lệ 0,01%
Quá trình công tác	
- Từ 2000 - 2003	Nhân viên Kế toán XN Đá xây dựng, thuộc CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2
- Từ 2004 - 2006	Trưởng bộ phận KD-NS XN Đá xây dựng, thuộc CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2
- Từ 2007 - 2012	Phó TP KD-NS XN Đá xây dựng, thuộc CTCP Đầu tư Xây dựng 3 - 2
- Từ 2013 - 03/2017	TP KD-NS XN Đá xây dựng, thuộc CTCP Đầu tư Xây dựng 3 - 2
- Từ 03/2017 - 02/2018	Tổ trưởng TC-KD XN Đá xây dựng, thuộc CTCP Đầu tư Xây dựng 3 - 2
- Từ 03/2018 - 01/06/2018	Phó Giám đốc XN SX Đá Miền Đông, thuộc CTCP Miền Đông
- Từ 01/06/2018 - nay	Giám đốc XN Đá Miền Đông Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Xây dựng 3 - 2



ÔNG NGUYỄN XUÂN HIẾU

Ông NGUYỄN XUÂN HIẾU - Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Năm sinh	1982
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế - Ngành Tài chính Kế toán
Nơi công tác hiện nay	CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2
Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần cá nhân sở hữu	3.372 cổ phần, chiếm 0,02%
Số cổ phần đại diện sở hữu	-
Quá trình công tác	
- Từ 06/2004 - 2008	Nhân viên phòng Tài chính Tổng hợp Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2.
- Từ 2009 - 09/05/2014	Phó trưởng phòng Tài chính CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2.
- Từ 10/05/2014 - nay	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2.



Họp ĐHĐCĐ thường niên 2018

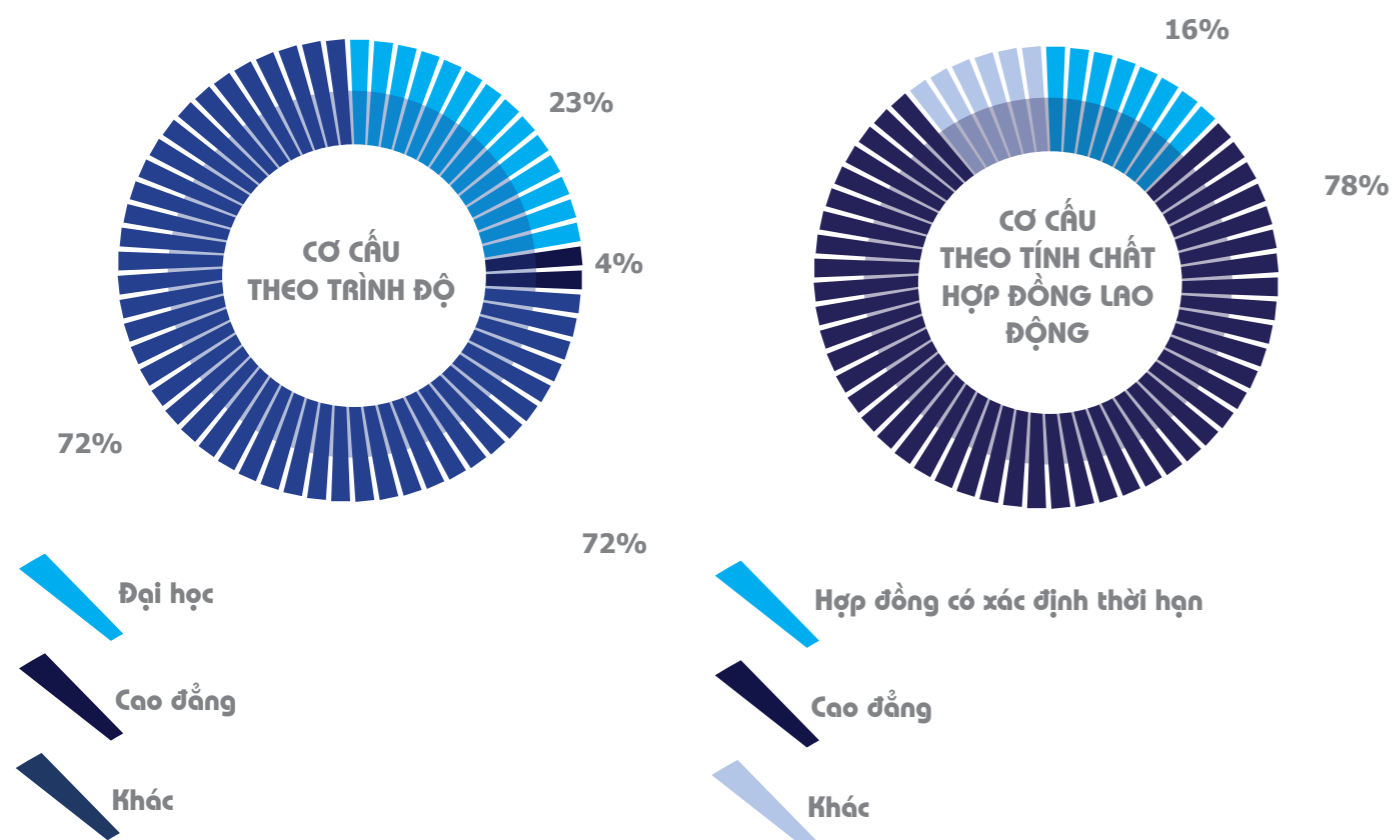
Cơ cấu lao động

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	338	100%
1	Trên Đại học	1	0%
2	Đại học	78	23%
3	Cao đẳng	14	4%
4	Khác	245	72%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	338	100%
1	Hợp đồng có xác định thời gian	54	16%
2	Hợp đồng không xác định thời gian	262	78%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	22	7%

Cơ cấu lao động theo trình độ tại Công ty hiện tại có tỷ trọng hợp lý giữa bộ phận chuyên môn nghiệp vụ và bộ phận trực tiếp sản xuất. Đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên, công nhân lành nghề đáp ứng cơ bản nhu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, tay nghề và tinh thần gắn bó với Công ty.

Độ tuổi lao động trung bình Công ty là 35 tuổi.

Thu nhập bình quân người lao động năm 2018: 12,3 triệu đồng/người/tháng



Tóm tắt chính sách và thay đổi

Trong năm 2018, số lượng lao động giảm đáng kể là 120 nhân sự, chủ yếu lao động tại khâu sản xuất lồng thép, sản xuất gạch, bảo dưỡng, đổ gổi cống và thi công điện nước. Công tác tuyển dụng năm 2018 đạt 21% kế hoạch (18LD/85LD). Số lượng lao động tuyển dụng chủ yếu là thay thế lao động tại các bộ phận sản xuất nghỉ việc. Tỷ lệ đạt thấp so với kế hoạch là do chủ trương giảm lao động và chuyển đổi sử dụng lao động qua hình thức hợp đồng với hộ kinh doanh.

Công tác chăm lo đời sống cho nhân viên công ty: thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời các trường hợp ốm đau, hữu sự góp phần động viên tinh thần cho người lao động, thể hiện sự quan tâm của Lãnh đạo Công ty đến đời sống nhân viên. Trong năm 2018 đã thực hiện hỗ trợ 361.200.000 đồng cho 169 lượt nhân viên và gia đình nhân viên có hữu sự.

Công tác tiền lương: Công tác tính và thanh toán tiền lương tại các đơn vị trong Công ty được thực hiện đúng quy định. Kịp thời chi trả tiền lương, các khoản lương bổ sung và chế độ khác cho người lao động vào các dịp Lễ, Tết. Trong năm, thực hiện tính lương khoán theo quy chế trả lương khối VPCT đối với nhân viên sáp nhập từ Xí nghiệp Xây lắp và áp dụng quy chế trả lương mới cho Ban chỉ huy công trình. Tiếp tục duy trì việc khoán lương cho bộ phận gián tiếp các đơn vị, trả lương gắn với đánh giá kết quả theo KPI, tạo được động lực tốt cho người lao động nâng cao năng suất làm việc, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả

Hoàn tất việc xây dựng thang lương cơ bản theo mức lương tối thiểu vùng năm 2018 và những thay đổi cơ sở của nhà nước tăng các khoản phụ cấp phải đóng bảo hiểm xã hội và các khoản hỗ trợ phù hợp với các quy định pháp luật về tiền lương, BHXH.



Tuyển dụng vị trí nhân viên kinh doanh gặp khó khăn do hạn chế về nguồn ứng viên, ứng viên không phù hợp với yêu cầu tuyển dụng. Công tác đào tạo năm 2018 đạt 116% so với kế hoạch (22/18 khóa), tính theo tổng số khóa đào tạo. Số khóa đào tạo tăng do phát sinh theo nhu cầu thực tế.



Tóm tắt chính sách và thay đổi

Diễn giải	VP Công ty	XN Đá xây dựng	XN Cống bê tông	Toàn Công ty
Đầu năm	151	103	203	457
Tăng	27	7	35	69
Giảm	63	14	111	188
Cuối năm	115	96	127	338

Số liệu thực hiện kế hoạch tuyển dụng năm 2018

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	HK năm 2018	Kế hoạch Quý IV	Thực hiện trong kỳ	Lũy kế thực hiện quý	% so với KH quý	Lũy kế thực hiện năm	% so với kế hoạch năm
1	Kế hoạch tuyển dụng	Người	85	-	-	-	-	69	81%
2	Kế hoạch đào tạo	Khóa	18	-	-	-	-	22	122%
3	Chi phí tuyển dụng	Triệu đồng	10	-	-	-	-	0	0%
4	Chi phí đào tạo	Triệu đồng	125,3	1	-	-	-	108,33	87%
5	Phúc lợi (CB-NV)	Triệu đồng	400	-	-	-	-	361,2	90%
6	Tổng số lao động	Người	478	-	338	-	-	-	71%

Đánh giá các chỉ tiêu

Công tác tuyển dụng năm 2018: nhìn chung công tác tuyển dụng năm đáp ứng yêu cầu sản xuất của các đơn vị, tuyển dụng vị trí NV Kinh doanh tại XN Cống bê tông tuyển dụng gặp nhiều vấn đề khó khăn do đặc thù sản phẩm, thị trường và khách hàng nên chưa thực sự thu hút ứng viên vào làm việc.

Tổng số lao động thực hiện năm 2018 bằng 81% (338/478) so với kế hoạch do đóng cửa Xưởng Thuận Giao, chuyển một số lao động từ Thuận Giao sang Xưởng Thanh Phước và giảm tuyển mới lao động. Thêm vào đó, trong năm 2018, Lãnh đạo có chủ trương sáp nhập XN Xây lắp và Phòng Đầu tư thành lập Phòng Đầu tư Xây dựng tinh giảm lao động và chuyển đổi sử dụng lao động qua hình thức hợp đồng với hộ kinh doanh cho các khâu sản xuất lổng thép, sản xuất gạch, bảo dưỡng, đổ gôl công và thi công điện nước tại các công trình, qua đó giảm lao động, giảm chi phí lao động trực tiếp sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Do đó, năm 2018 có số lượng lao động giảm đáng kể là 188 nhân sự.

Công tác quản lý hồ sơ và đề xuất kỷ HDLD người lao động đến hạn

Trong năm đã thực hiện trình lãnh đạo duyệt kỷ HDLD cho người lao động Công ty như sau:

- HDLD không xác định thời hạn : 24 trường hợp
- Xác định thời hạn 12 tháng : 75 trường hợp
- Thời vụ Công ty : 16 người.
- HDLD người cao tuổi : 01 trường hợp

Công tác đào tạo

Thực hiện kế hoạch đào tạo năm 2018 đăng ký tổ chức 18 khóa/lớp đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, an toàn toàn lao động, PCCC, Sơ cấp cứu...trong năm có thêm 04 khóa/lớp phát sinh. Công tác tổ chức đào tạo thực tế là 22/18 khóa/lớp đào tạo kế hoạch. Trong năm đã nhận bàn giao hồ sơ chứng chỉ, bậc nghề, thẻ ATLD từ nhân viên phòng Đầu tư Xây dựng quản lý và phục vụ công tác đầu thầu

Công tác tuyển dụng

Công tác tuyển dụng năm 2018 đạt 81% kế hoạch (69LD/85LD). Số lượng lao động tuyển dụng chủ yếu là thay thế lao động tại các bộ phận sản xuất nghỉ việc. Tỷ lệ đạt thấp so với kế hoạch là do chủ trương giảm lao động và chuyển đổi sử dụng lao động qua hình thức hợp đồng dịch vụ với hộ kinh doanh. Tuyển dụng vị trí nhân viên kinh doanh gặp khó khăn do hạn chế về nguồn ứng viên, ứng viên không phù hợp với yêu cầu tuyển dụng.

Công tác tổ chức

Thực hiện rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy định, Quy trình phù hợp cơ cấu tổ chức nhân sự mới khi chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp Xây lắp, chuyển trụ sở cũ Xí nghiệp Cống bê tông.



Tổng giá trị đầu tư năm 2018 ước thực hiện là 36.618 triệu đồng, đạt 36% kế hoạch. Nhìn chung công tác đầu tư trong năm đã được chú trọng, phù hợp với các chương trình chiến lược đề ra.

Đầu tư 36.618 Triệu đồng

Đầu tư xây dựng cơ bản là 13.339 triệu đồng, đạt 45% kế hoạch. Nhà xưởng công hợp tại dự án xí nghiệp bê tông Thanh Phước đã hoàn thành 70% dự toán; phần còn lại sẽ được chuyển tiếp sang năm 2019. Đầu tư máy móc thiết bị là 20.993 triệu đồng, đạt 48% kế hoạch đề ra. Thiết bị đầu tư chủ yếu cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh, một phần cung cấp thiết bị xây dựng cho xí nghiệp bê tông Thanh Phước.

Trong năm Công ty đã xây dựng và vận hành Phòng LAS đủ điều kiện thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, đây được xem là bước khởi đầu để nâng cao chất lượng sản phẩm công, đồng thời triển khai dự án mở rộng giai đoạn 2 xưởng sản xuất Công hợp công nghệ rung lõi. Tuy nhiên, thời gian triển khai chậm hơn dự kiến nên trong năm 2018 chưa kịp đưa vào vận hành sản xuất, dự kiến khoảng cuối quý I/2019 mới hoàn tất đi vào hoạt động sẽ thúc đẩy sản lượng công hợp và công tròn cỡ nhỏ và vừa các loại, giúp giảm áp lực có các giàn quay lự tâm các loại công có kích thước nhỏ để tập trung vào sản xuất các loại công lớn có giá trị kinh tế cao hơn.

Giai đoạn 2 của dự án xưởng bê tông Thanh Phước đang triển khai hoàn thiện Nhà Xưởng Công hợp, hệ thống cổng trục, cầu trục, hệ thống trạm trộn, hệ thống rung lõi, khuôn công tròn, công hợp rung lõi, Dự kiến trong quý I/2019 sẽ hoàn thiện đưa vào vận hành góp phần thúc đẩy sản lượng sản phẩm công bê tông trong năm 2019.

Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp cùng ngành là 5.286 triệu đồng, đạt 14% kế hoạch. Cụ thể đối với Công ty Cổ phần Miền Đông trong năm Công ty đã mua thêm cổ phần trên sàn chứng khoán, nâng lên sở hữu lên 28,91% số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Đối với Công ty Cổ phần bê tông Thủ Đức Long An Công ty đang tiến hành các thủ tục nâng sở hữu cổ phần theo chủ trương được duyệt.

Tổng kết hoạt động đầu tư giai đoạn 2014 - 2018

- Trong giai đoạn 2014-2018, Công ty tập trung đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, trong đó chú trọng đầu tư phát triển lĩnh vực cầu kiện bê tông và đầu tư vốn vào các doanh nghiệp cùng ngành để nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả hoạt động các lĩnh vực của Công ty cụ thể như sau:
- Năm 2014: Tổng giá trị đầu tư là 8.779 triệu đồng, trong đó tập trung đầu tư xe đầu kéo, cần cẩu, giàn giáo để phục vụ và nâng cao hoạt động tại các đơn vị.
- Năm 2015: Tổng giá trị đầu tư là 16.316 triệu đồng, trong đó đầu tư Nhà trẻ An Phú 4.400 triệu đồng, còn lại đầu tư xe lu rung, xe ben, khuôn công cho các đơn vị.
- Năm 2016: Tổng giá trị đầu tư là 138.734 triệu đồng. Trong đó đầu tư mua đất diện tích 4,5 ha và xây dựng hạ tầng Nhà xưởng bê tông dự án Thanh Phước là 57.602 triệu đồng; đầu tư máy móc phục vụ sản xuất như máy hàn tự động, xe lu rung, xe ben, khuôn công là 21.284 triệu đồng và đầu tư vốn vào các doanh nghiệp cùng ngành gồm Công ty cổ phần Bê tông Lự tâm Thủ Đức - Long An và Cty CP Hóa An với giá trị là 59.484 triệu đồng.
- Năm 2017: Tổng giá trị đầu tư là 195.570 triệu đồng. Trong đó, tập trung đầu tư xây dựng cơ bản để hoàn thiện Xưởng bê tông dự án Thanh Phước giai đoạn 1 là 72.022 triệu đồng với hệ thống 8 giàn quay sản xuất công bê tông lự tâm với công suất tăng thêm 180 cái công/ngày; đầu tư hệ thống máy nghiền cát nhân tạo là 1.990 triệu đồng và tiếp tục đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp cùng ngành 107.985 triệu đồng, nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Bê tông Lự tâm Thủ Đức - Long An là 24,16%, Công ty cổ phần Miền Đông là 24,90% và Công ty CP Hóa An là 8,16%.
- Năm 2018: Tổng giá trị đầu tư là 36.618 triệu đồng. Trong đó đầu tư giai đoạn 2 Xưởng công hợp công nghệ rung lõi với giá trị 19.460 triệu đồng; đầu tư mua đất làm kho bãi Xây lắp là 7.098 triệu đồng; đầu tư hệ giàn giáo đĩa giá trị 1.057 triệu và tiếp tục đầu tư tài chính vào Công ty CP Miền Đông là 5.286 triệu đồng, nâng tỷ lệ sở hữu lên 28,91%.

Kế hoạch đầu tư 2019

- Tổng giá trị đầu tư năm 2019 là 193.014 triệu đồng, bao gồm: Đầu tư xây dựng cơ bản là 19.803 triệu đồng; đầu tư máy móc thiết bị là 62.261 triệu đồng; đầu tư tài chính là 33.750 triệu đồng và đầu tư dự án là 77.200 triệu đồng.



Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	% tăng/giảm
Tổng tài sản	Triệu đồng	747.661	782.679	4,68%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	559.746	722.333	28,96%
Lợi nhuận HĐKD	Triệu đồng	108.434	114.070	0,37%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.161,68	1.074	5,19%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	114.675,5	115.144	0,41%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	91.653,3	92.446	0,87%

Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,47	1,63
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,16	1,39
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	41,15	37,19
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	69,93	59,21
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,97	7,79
	Vòng quay Tổng tài sản	Vòng	0,86	0,94
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	%	20,03	15,79
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	16,37	12,80
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	12,26	11,81
	Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân	%	20,83	18,81

Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán hiện hành công ty tăng nhẹ so với năm trước và luôn lớn hơn 1 từ năm 2016 đến nay, thể hiện mức độ uy tín của công ty trong thực hiện các nghĩa vụ thanh toán. Chỉ số thanh toán nhanh tăng so với năm 2017 vì trong năm 2018, nguồn cung đá xây dựng trên thị trường giảm nên hàng tồn kho đá xây dựng công ty dự trữ năm 2017 được tiêu thụ nhanh chóng.

Cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2017 nhưng vẫn cao hơn so với năm 2016. Áp lực vay chi đầu tư đã giảm so với năm 2017 nhờ xưởng bê tông Thạnh Phước đã đi vào hoạt động giai đoạn 1. Tuy nhiên giai đoạn 2 của dự án này vẫn tiếp tục thực hiện và Công ty phải đầu tư thêm một số phương tiện vận tải phục vụ hoạt động sản xuất nên nợ dài hạn tăng nhẹ. Tình hình chi trả nợ ngắn hạn của Công ty vẫn bình thường.

Hiệu quả hoạt động

Tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có những biến động tốt. Vòng quay hàng tồn kho tăng, số ngày hàng tồn kho giảm là một dấu hiệu tốt nhưng xét trong bối cảnh mỏ đá Tân Đông Hiệp đang đến hạn ngừng khai thác thì đây là biến động cần lưu ý theo dõi trong trung hạn. Vòng quay Tổng tài sản của Công ty tăng trong bối cảnh nhà xưởng bê tông Thạnh Phước giai đoạn 1 đang đi vào hoạt động và Hàng tồn kho giảm cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản tăng.

Khả năng sinh lời

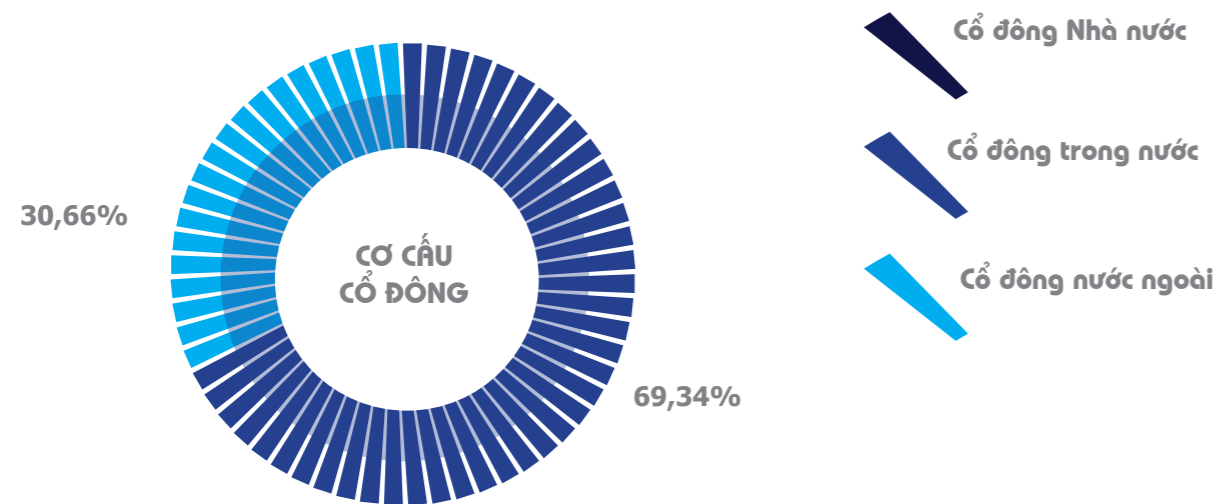
Nhóm các chỉ tiêu khả năng sinh lời giảm dần từ 2016 đến 2018 do cơ cấu tiêu thụ của công ty có sự biến đổi. Trong năm 2018, doanh thu chủ yếu đến từ các ngành có biên lợi nhuận thấp như xây lắp, công bê tông,... trong khi doanh thu ngành đá xây dựng với biên lợi nhuận cao lại bị sụt giảm bởi vì sự gián đoạn khai thác mỏ đá Tân Đông Hiệp khi xin gia hạn giấy phép khai thác. Thêm vào đó, dù đã xin được giấy phép khai thác đến cuối năm 2019 nhưng vì khai thác xuống sâu, diện tích khai thác hẹp, đường vận chuyển dốc đòi hỏi máy móc và công nhân phải vận hành nhiều công suất hơn nên đẩy giá vốn tăng lên khá nhiều.

Thông tin cổ phần tại thời điểm 31/12/2018

Tổng cổ phiếu phát hành: 15.030.145 cổ phần
 Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần
 Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 15.030.145 cổ phần
 Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
 Mệnh giá: 10.000 đồng/Cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 19/03/2019

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông trong nước			
	- Tổ chức	27	2.647.123	17,61%
	- Cá nhân	1.632	7.775.145	51,73%
3	Cổ đông nước ngoài			
	- Tổ chức	17	3.288.956	21,88%
	- Cá nhân	27	1.318.921	8,78%
4	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng		1.703	15.030.145	100%



Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	American LLC	1.245.177	8,28%
2	Pyn Elite Fund	1.101.848	7,33%
3	Peter Eric Dennis	1.222.064	8,13%

Tình hình thay đổi vốn góp chủ sở hữu

Đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSD và niêm yết bổ sung trên sàn HOSE.

Thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Trước khi thay đổi: 136.639.920.000 đồng

Thay đổi: 13.661.530.000 đồng

Sau khi thay đổi: 150.301.450.000 đồng

Lý do thay đổi: Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 1.366.153 cổ phiếu.

Thời điểm thay đổi vốn: Ngày 10/07/2018.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có giao dịch cổ phiếu quỹ

Các chứng khoán khác

Mua thêm 413.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Miền Đông, nâng số lượng cổ phần sở hữu lên 2.985.150 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 28,91% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Miền Đông

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Đánh giá chung về công tác quản lý

Kế hoạch phát triển tương lai

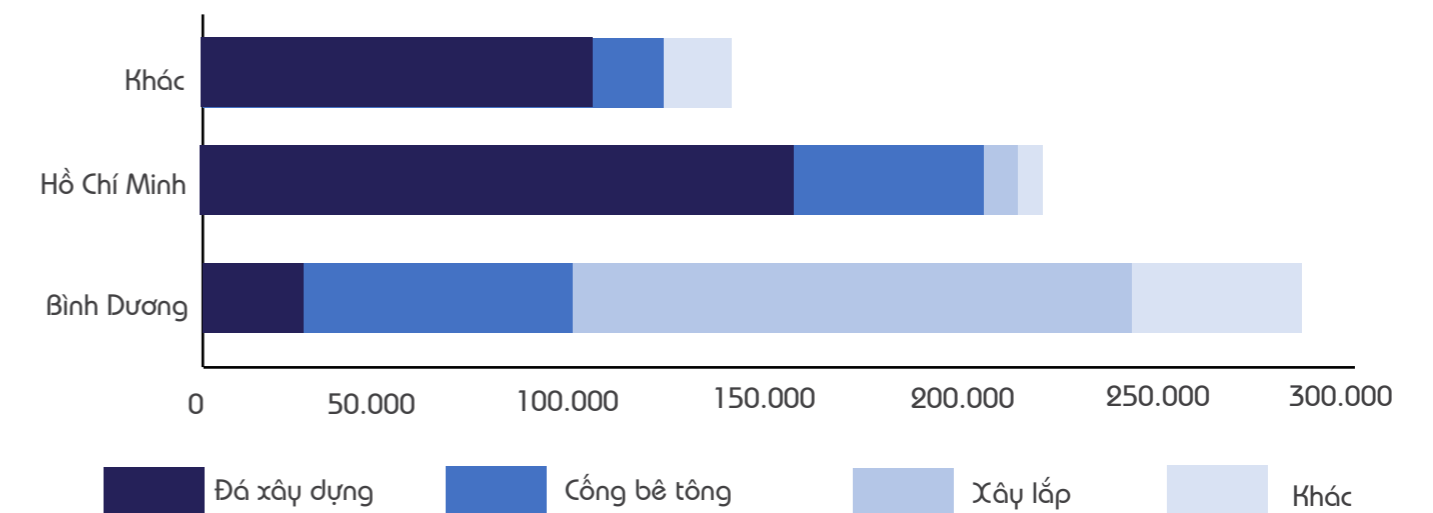
Các nhóm giải pháp chủ yếu

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 là 722.333 triệu đồng, đạt 106% kế hoạch năm, tăng 29% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, ghi nhận tăng trưởng doanh thu ở lĩnh vực công bê tông, xây lắp và kinh doanh nhiên liệu. Riêng doanh thu ở lĩnh vực đá xây dựng giảm nhẹ do thời gian làm thủ tục gia hạn giấy phép khai thác đá kéo dài đến cuối tháng 9/2018 mới hoàn tất, mặt khác giai đoạn Quý IV/2018 tình hình tiêu thụ đá ở thị trường miền Tây và các dự án hạ tầng giao thông sụt giảm, một số khách hàng có xu hướng chuyển sang sử dụng đá khu vực Đồng Nai dẫn đến sự sụt giảm doanh thu mạnh vào giai đoạn cuối năm. Ngoài ra trong năm 2018 do thủ tục điều chỉnh quy hoạch KDC Nguyễn Văn Tiết chậm hơn so với dự kiến nên Công ty chưa thể tiến hành bán sản phẩm đất nền khu dân cư.

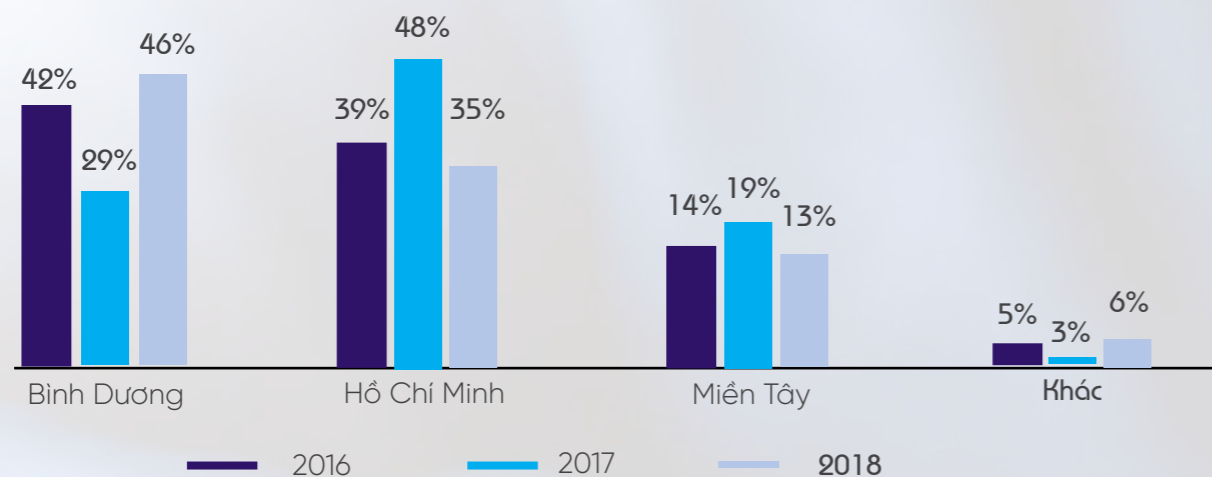
Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm



Về cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm, lĩnh vực Đá xây dựng vẫn là mảng kinh doanh cốt lõi khi doanh thu chiếm đến 46% trên tổng doanh thu, tiếp theo là Xây dựng chiếm 24%, công bê tông chiếm 19% các lĩnh vực khác chiếm 11%. Tình hình thị trường của Công ty trong năm 2018 vẫn tập trung vào hai thị trường chính là Bình Dương và Tp.Hồ Chí Minh, tuy nhiên xu hướng doanh thu tăng ở thị trường Bình Dương, Tây Ninh và giảm nhẹ ở thị trường Tp.Hồ Chí Minh.

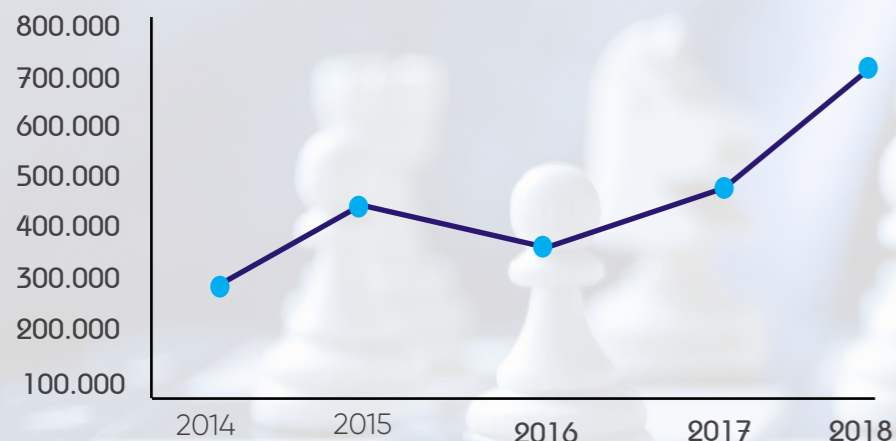
Cụ thể trong 03 năm gần nhất tỷ trọng doanh thu ở thị trường Bình Dương là 42%, 29%, 46% và tỷ trọng doanh thu khu vực TP.HCM lần lượt là 39%, 48%, 35%. Đối với thị trường miền Tây tỷ trọng doanh thu năm 2018 chiếm 13%, trong đó doanh thu chủ yếu từ sản phẩm đá xây dựng. Riêng thị trường mới Tây Ninh chiếm tỷ trọng 3% chủ yếu từ sản phẩm công bê tông và thép xây dựng

Cơ cấu doanh thu theo khu vực



Từ các biểu đồ có thể thấy thị trường của Công ty trong năm 2018 tập trung chủ yếu ở Bình Dương, Tp.Hồ Chí Minh. Đối với thị trường Miền Tây, tỷ trọng doanh thu năm 2018 chiếm 13%, trong đó doanh thu chủ yếu từ sản phẩm đá xây dựng.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DOANH THU

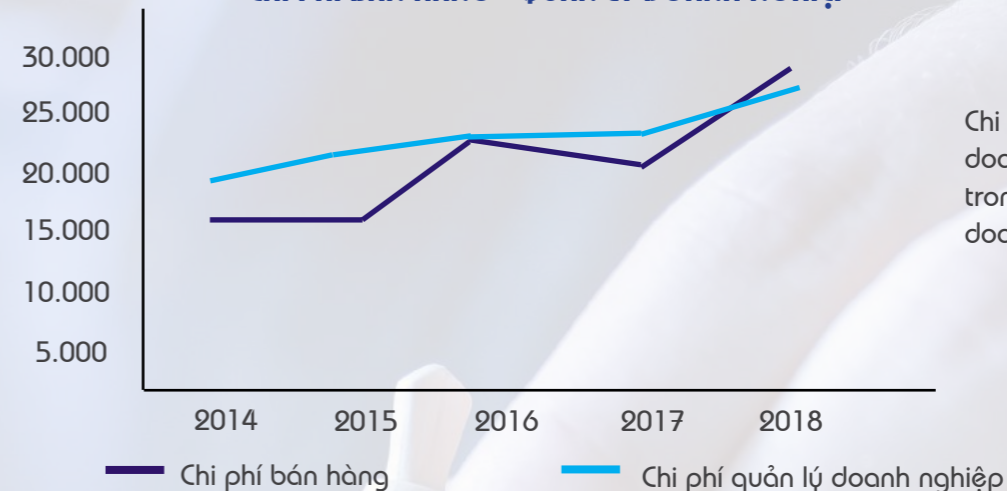


Doanh thu khá biến động trong giai đoạn 2014 – 2016, tuy nhiên từ 2016 trở đi doanh thu đều tăng trưởng. Nguyên nhân từ sự phục hồi của ngành bất động sản và xây dựng dân dụng hạ tầng. Thêm vào đó các dự án trong năm 2017 được chuyển sang năm 2018 nên có sự tăng cao doanh thu trong năm 2018 so với năm trước.

Cơ cấu chi phí

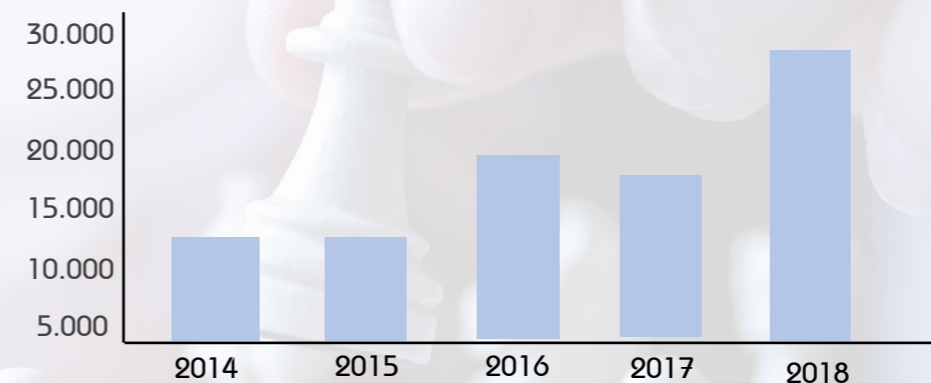
Công ty thuộc doanh nghiệp sản xuất nên giá vốn hàng bán chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí của doanh nghiệp. Giá vốn trong năm 2018 gia tăng chủ yếu đến từ lĩnh vực vật liệu xây dựng, cụ thể từ chi phí vận chuyển và chi phí khấu hao máy móc thiết bị khi khai thác đá xuống sâu khu vực mỏ Tân Đông Hiệp, kéo theo giá đầu vào của vật liệu xây dựng tăng theo.

CHI PHÍ BÁN HÀNG - QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP



Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng chiếm khá cao trong cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh.

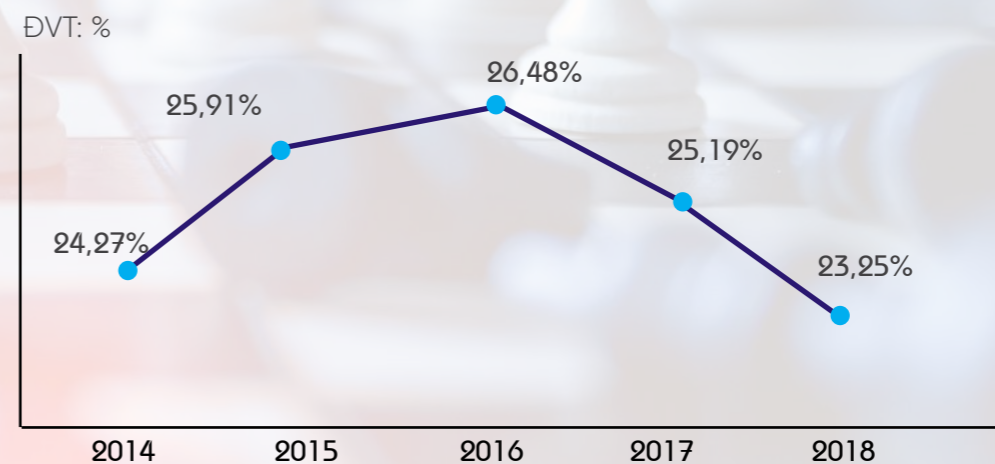
CHI PHÍ BÁN HÀNG



Chi phí bán hàng năm 2018 tăng 55% so với năm 2017, cho thấy Công ty đẩy mạnh quảng cáo marketing nâng cao hình ảnh của doanh nghiệp.

Trong năm 2018, Công ty đã đẩy mạnh công tác tiếp thị các sản phẩm xây lắp, công bê tông, các vật liệu xây dựng khác đến các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, khu công nghiệp tại Bình Dương, TP.HCM, Long An, Tây Ninh. Đặc biệt là các hợp đồng đấu thầu được Công ty chú trọng làm chất lượng và chính chu hơn.

BIÊN LỢI NHUẬN GỘP



Giai đoạn năm 2014 – 2015 là thời kỳ hoàng kim của ngành khai khoáng nên việc khai thác đá xây dựng có nhiều thuận lợi. Đá xây dựng là lĩnh vực đem lại biên lợi nhuận cao nên trong giai đoạn này, biên lợi nhuận tăng đáng kể. Kể từ năm 2016 – 2018, tốc độ tăng trưởng của ngành khai khoáng giảm mạnh có những thời điểm tăng trưởng âm, theo đó Công ty phải đẩy mạnh sang các lĩnh vực vật liệu xây dựng khác. Tuy nhiên trong năm 2018, Công ty phải ngừng khai thác mỏ đá Tân Đông Hiệp để xin giấy phép gia hạn, vì vậy biên lợi nhuận của công ty giảm dần.

Tình hình kết quả kinh doanh từng lĩnh vực của công ty

Đá xây dựng

Đây là lĩnh vực có tỷ trọng cao trong doanh thu và lợi nhuận trong các năm qua, trong kỳ mỏ đá Tân Đông Hiệp được tiếp tục gia hạn khai thác đến hết năm 2019 đã tạo động lực tăng trưởng cao trong giai đoạn 2014-2018. Mặc dù, hoạt động khai thác và chế biến còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do phải khai thác xuống sâu, mặt bằng chật hẹp, sản lượng khai thác và chế biến trong giai đoạn 2014-2018 giảm bình quân khoảng 3%, tuy nhiên do giá bán có xu hướng tăng khoảng 10-15% nên doanh thu lĩnh vực đá xây dựng vẫn được đảm bảo. Thị trường tiêu thụ sản phẩm ngày càng mở rộng sang các tỉnh như TP.HCM, Long An và một số tỉnh Miền Tây, nên doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng ổn định với mức tăng bình quân hàng năm lần lượt là 5% và 13%.



Cống bê tông

Tình hình cạnh tranh lĩnh vực cống bê tông khá gay gắt, ở mảng xây dựng khu công nghiệp, khu đô thị khách hàng chuộng sản phẩm cống rung ép, vì giá thường thấp hơn từ 10% - 15% so với cống lỵ tâm. Bên cạnh đó, khách hàng thường ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp có sản phẩm đa dạng vừa có cống rung ép, vừa cống lỵ tâm để đơn giản hóa khâu mua hàng. Vì vậy, đa dạng hóa sản phẩm là cần thiết. Sản phẩm cống lỵ tâm của Công ty hiện nay phục vụ chủ yếu cho các công trình xây dựng hạ tầng có vốn nhà nước, tuy nhiên việc giải ngân vốn ngân sách trong năm 2018 tương đối chậm nên phần nào ảnh hưởng đến doanh thu sản phẩm Cống bê tông của Công ty trong năm 2018.



Cho thuê thiết bị xây dựng

Ở lĩnh vực cho thuê thiết bị xây dựng, hiện thị trường có xu hướng chuyển sang sử dụng các loại hệ giàn giáo nêm, hệ giàn giáo đĩa, giàn giáo, coffa mạ kẽm nhúng nóng có chất lượng cao hơn các thiết bị truyền thống; trong khi các khách hàng nhỏ lẻ thì thường đầu tư mua giàn giáo về sử dụng nên việc tìm kiếm khách hàng cho thuê mới tương đối khó khăn; Công ty đã đầu tư hệ giáo đĩa Ringlock vào cuối quý 3/2018 để cho thuê. Tuy nhiên, vẫn chưa ghi nhận được kết quả khả quan, nên nhìn chung số lượng thiết bị cho thuê trong năm chỉ ở mức thấp. Kết quả kinh doanh trong năm đạt thấp so với kế hoạch đề ra, do số lượng hợp đồng mới thấp, các công trình có khối lượng thuê lớn đã hoàn tất thi công nên lượng thiết bị khách hàng trả về nhiều làm lượng thiết bị tồn kho chiếm tỷ trọng cao.

Kinh doanh vật liệu xây dựng

Trong năm 2018, hoạt động kinh doanh sắt thép tiếp tục cạnh tranh gay gắt với các đối thủ là các nhà phân phối lớn. Các yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định mua hàng của khách hàng là giá bán và thời gian công nợ, trong khi do tình hình thu hồi công nợ của các khách hàng cũ chậm, mức nợ cao nên Công ty hạn chế bán các đơn hàng mới để tập trung công tác thu hồi nợ nên phần nào ảnh hưởng đến doanh thu bán hàng ở lĩnh vực này. Trong năm, Công ty tăng cường tìm kiếm các khách hàng ở khu vực Bình Dương, Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh tuy nhiên số lượng khách hàng mới còn hạn chế, chủ yếu tập trung bán cho khách hàng lớn như Công ty BTLT Thủ Đức 1, Hải Đăng. Ở Khu vực Tây Ninh, công ty đã ký được hợp đồng cung cấp thép với đối tác lớn tại khu vực này nên trong tương lai đây là một thị trường tiềm năng cho vật liệu xây dựng. Khối lượng công trình chuyển tiếp từ năm 2017 sang năm 2018 tương đối lớn và đã bàn giao trong năm nên xây lắp đã hoàn thành chỉ tiêu đề ra



Kinh doanh nhiên liệu

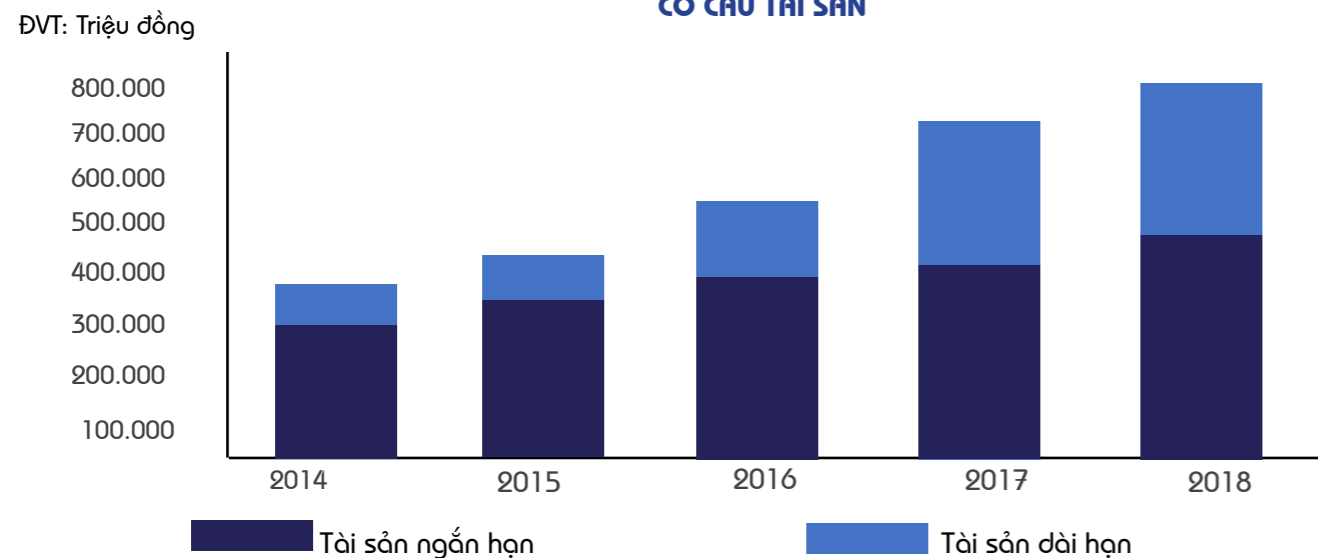
Hoạt động kinh doanh nhiên liệu vẫn tập trung vào các khách hàng là thầu phụ của Xí nghiệp Đá. Do đó, sản lượng dầu tiêu thụ duy trì ổn định ở mức 1.003.976 lít, tuy nhiên với diễn biến giá dầu trong năm có xu hướng tăng nên doanh thu đạt vượt kế hoạch đề ra, cụ thể ước giá trị sản lượng năm 2018 đạt 15.042 triệu đồng, đạt 107% kế hoạch. Việc gia tăng doanh thu và mở rộng bán hàng cũng khiến chi phí bán hàng tăng so với cùng kỳ 2,6 tỷ đồng năm 2017. Các yếu tố trên đã làm lợi nhuận trước quý 4/2018 giảm 9,2 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế giảm 6,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Bất động sản

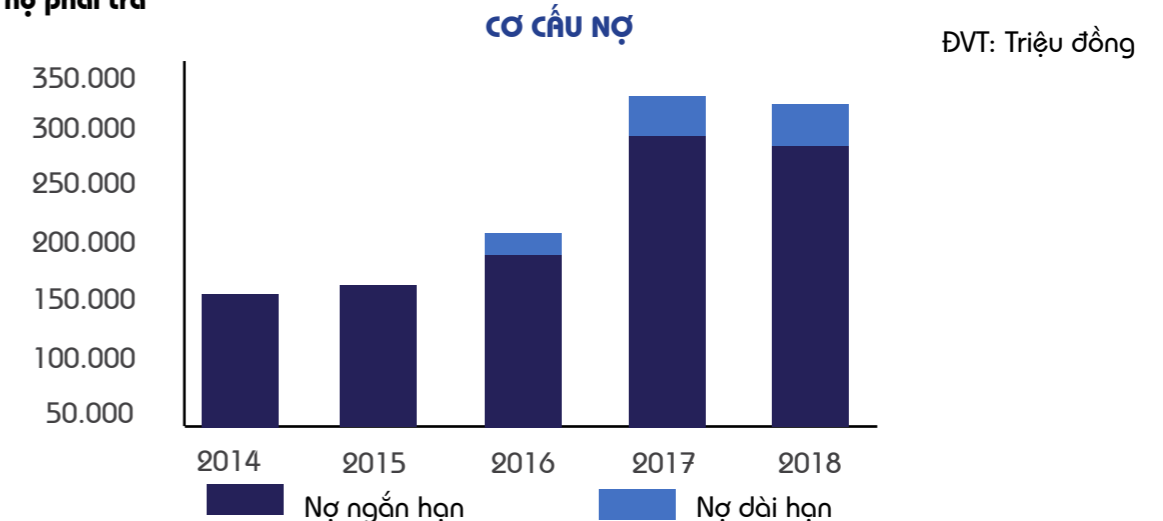
Trong năm 2018, thủ tục điều chỉnh quy hoạch Khu dân cư Nguyễn Văn Tiết chậm hơn so với dự kiến nên Công ty chưa thể tiến hành bán sản phẩm đất nền HDC, doanh thu mảng bất động sản chủ yếu từ cho thuê các mặt bằng hiện có nên chỉ đạt thấp so với kế hoạch đề ra.

Tình hình tài sản

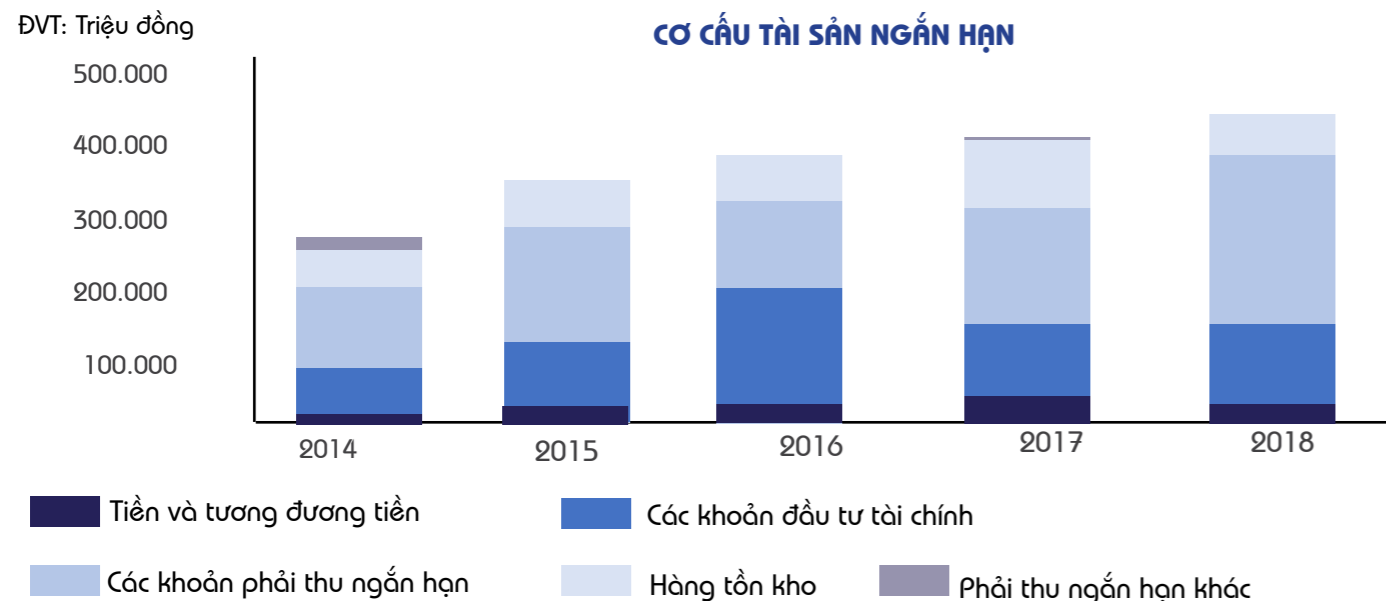


Tài sản của công ty chiếm phần lớn là tài sản ngắn hạn. Từ năm 2016 tới nay, Công ty tập trung tái cấu trúc, xây dựng nhà xưởng, cơ sở sản xuất nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của. Dự án đã hoàn thành và được đưa vào sử dụng, đóng góp vào doanh thu là Xưởng Bê tông Thạnh Phước giai đoạn 1. Công ty hiện đang triển khai giai đoạn 2 của nhà xưởng này, nên xây dựng cơ bản đỡ đang tăng mạnh gấp gần 2 lần so với năm 2017. Dự kiến dự án Xưởng Bê tông Thạnh Phước giai đoạn 2 đến Quý 1 2019 sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Tình hình nợ phải trả



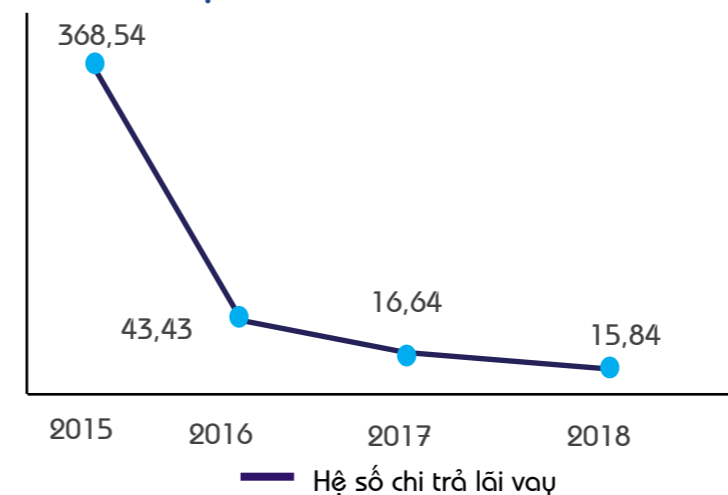
Nợ ngắn hạn tăng vào năm 2017, 2018 chủ yếu để trang trải chi phí vốn lưu động của công ty sau khi đã đưa nhà máy bê tông Thạnh Phước vào hoạt động vào đầu tháng Giêng.



Cơ cấu tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn bởi phải thu ngắn hạn. Phải thu ngắn hạn năm 2018 biến động khá lớn so với năm 2017, tăng hơn 38%. Nguyên nhân đến từ là khoản mục "Phải thu theo hợp đồng ủy thác đầu tư" tăng lên đến hơn 45 tỷ.

Hàng tồn kho giảm bởi vì số lượng bán thành phẩm đá xây dựng dự trữ trong năm 2017 để cung cấp cho sự thiếu hụt sản lượng trong thời gian xin giấy phép gia hạn khai thác mỏ Tân Đông Hiệp đã được bán trong năm 2018.

HỆ SỐ CHI TRẢ LÃI VAY



Công ty chủ yếu sử dụng nợ ngắn hạn để phục vụ hoạt động kinh doanh. Từ năm 2016 trở lại đây, công ty sử dụng nợ dài hạn cho mục tiêu đầu tư xây dựng. Việc gia tăng các khoản vay ngắn hạn để dành nguồn vốn tự có cho đầu tư các dự án đã làm tăng chi phí lãi vay. Tuy nhiên, hệ số chi trả lãi vay vẫn duy trì ở mức cao 15,84 và công ty vẫn nhận được các khoản chi trả cổ tức từ việc đầu tư tài chính dài hạn của mình cùng với các hệ số khả năng thanh toán hiện hành, thanh toán nhanh đều lớn hơn 1 nên khả năng thanh toán của Công ty trong thời gian tới vẫn đảm bảo an toàn.

Tình hình nợ phải thu đã được cải thiện so với các năm trước khi nguồn vốn được bố trí để thanh toán khối lượng các công trình. Ngoài các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh được đảm bảo, năm 2018 Công ty cũng đã nâng cao mức thu nhập bình quân của người lao động từ mức 11.330.000 đồng/người/tháng năm 2017 lên 12.300.000 đồng/người/tháng.

Các khoản công nợ cân đối tốt, không phát sinh thêm nợ xấu; các khoản tạm ứng đúng người đúng việc; các khoản hàng tồn kho phù hợp giữa nguồn vốn và tài sản. Tình hình sử dụng vốn và quản lý các khoản nợ trong Quý 1/2018 tương đối tốt.



- Trong năm 2018 Công ty đã thay đổi điều lệ, mô hình quản trị không có Ban Kiểm soát đáp ứng yêu cầu quản trị thực chất hơn, mô hình mới phù hợp với mô hình quản trị tiên tiến mà xã hội đang khuyến khích các doanh nghiệp cổ phần hướng tới. Mô hình mới tinh gọn hệ thống quản trị Công ty và giúp tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp.
- Thực hiện bổ nhiệm nhân sự cấp cao do thay đổi cơ cấu cổ đông.
- rà soát, điều chỉnh lại chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của các Phòng, Xí nghiệp, thực hiện sáp nhập XN Xây Lắp và Phòng Đầu tư thành Phòng Đầu Tư Xây dựng, thực hiện chuyển đổi sử dụng lao động qua hình thức hợp đồng với hệ kinh doanh cho các khâu sản xuất để tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và Hệ thống An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001:2007.
- Về công tác quản lý giá thành, Công ty đã chú trọng việc giảm giá thành sản phẩm thông qua việc cải tiến định mức sản xuất, tăng cường cải tiến công nghệ sản xuất để tăng năng suất lao động, thực hiện đánh giá lại chi phí tiền lương... nhằm giảm giá thành và tăng tính cạnh tranh về giá của sản phẩm. Trong năm 2018, Công ty cũng đã chia cổ phiếu thưởng để tăng vốn điều lệ Công ty, qua đó nâng vốn điều lệ của Công ty lên thành 150.301.450.000 đồng, số cổ phần đang lưu hành là 15.030.145 cổ phần.

Môi trường kinh doanh năm 2019 được dự báo vẫn còn nhiều thách thức, thực trạng doanh nghiệp còn nhiều khó khăn. Do đó, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đối mặt các rủi ro như sau:

- Rủi ro thị trường: Kế hoạch tăng trưởng doanh thu trong năm 2019 nhìn chung ở mức cao so với thực hiện năm 2018. Kế hoạch năm 2019 được xây dựng trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động và dự báo tăng trưởng sẽ giảm do ảnh hưởng từ cuộc chiến thương mại giữa 2 nền kinh tế lớn nhất thế giới là Mỹ và Trung Quốc, đồng thời các nền kinh tế mới nổi dễ bị tổn thương do chính sách tăng lãi suất của Cục dự trữ Liên bang Mỹ Fed. Để đảm bảo kế hoạch doanh thu đề ra, trong khi bối cảnh thị trường cạnh tranh gay gắt. Công ty cần phải nâng cao năng lực sản xuất để giảm giá thành sản phẩm và xây dựng chính sách giá bán cạnh tranh, linh hoạt. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh các chương trình tiếp thị, chăm sóc khách hàng, nâng cao năng lực tiếp thị, đầu thầu nhằm tăng cường tìm kiếm các đơn hàng mới.
- Rủi ro về biến động giá cả thị trường: Chi phí giá vốn năm 2019 được xây dựng trên cơ sở giá các nguyên liệu đầu vào tăng từ 3%-7% so với năm 2018. Tuy nhiên, năm 2019 giá một số mặt hàng cơ bản như điện, xăng dầu sẽ từng bước vận hành theo cơ chế thị trường và diễn biến của giá dầu thô, thép của thế giới làm ảnh hưởng đến giá cả các hàng hóa trong nước là yếu tố khó lường. Do đó, để đảm bảo hiệu quả chi phí cần chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, kế hoạch nguyên vật liệu và lưu kho hợp lý. Đồng thời, tăng cường công tác tìm kiếm các nguồn cung ứng mới để luôn đảm bảo đầu vào ổn định về chủng loại, số lượng và giá cả, giảm tối đa rủi ro có thể xảy ra từ áp lực tăng giá của nhà cung ứng.
- Rủi ro nợ phải thu khó đòi: Mặc dù, tình hình kinh tế đã có nhiều chuyển biến tích cực, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn đang đối mặt với nhiều khó khăn do tình hình cân đối vốn để thanh toán cho các công trình năm 2019 được chú trọng nhưng nguồn vốn bố trí còn hạn chế. Do đó trong các giao dịch mua bán cần tăng cường các biện pháp xác minh tình hình tài chính, uy tín của khách hàng, cũng như ưu tiên các đơn hàng có bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng để hạn chế phát sinh nợ phải thu khó đòi; tăng cường công tác theo dõi, đeo bám thu hồi công nợ. Ở lĩnh vực xây lắp, Công ty sẽ tập trung đầu thầu và thi công các công trình được bố trí vốn.
- Rủi ro an toàn lao động: Nguy cơ mất an toàn lao động trong sản xuất khi áp dụng các quy định về ATLĐ của người lao động chưa cao. Vì vậy Công ty cần tăng cường phổ biến và huấn luyện cho người lao động nâng cao nhận thức về an toàn vệ sinh lao động, các thao tác bắt buộc phải thực hiện trước và sau khi sản xuất, trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động. Hoạt động khai thác đá ngày càng xuống sâu, nguy cơ mất an toàn cao, do đó tăng cường việc đánh giá các nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra và đề ra biện pháp kiểm soát, đảm bảo nghiêm ngặt các biện pháp an toàn trong khai thác mỏ.
- Rủi ro mất dữ liệu: Hiện Công ty đã chuyển sang sử dụng các phần mềm Văn phòng điện tử Online Office, phần mềm kế toán Online FAST được vận hành trên nền internet. Do đó nguy cơ mất dữ liệu do nhiễm virus hoặc sự cố khi vận hành hệ thống thông tin mạng. Công ty cần thường xuyên bảo dưỡng hệ thống internet, các máy Server, cài đặt và cập nhật phần mềm chống virus, thực hiện kiểm tra bảo mật và sao lưu dữ liệu dự phòng.

Từ những nhận định rủi ro trên Công ty đề ra kế hoạch kinh doanh 2019 như sau:

- Doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ là 875.000 triệu đồng, tăng 21% so với ước thực hiện năm 2018.
- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD là 135.000 triệu đồng, tăng 17% so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế là 108.000 triệu đồng, tăng 17% so với năm 2018.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 7.186 đồng/cổ phiếu, tăng 17% so với năm 2018.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức là 24% vốn điều lệ, tương ứng với 2.400 đồng/cổ phần.

Căn cứ vào triển vọng thị trường, các nguồn lực sẵn có của Công ty để đề ra các mục tiêu tài chính giai đoạn 2019-2023 như sau:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2019	KH 2020	KH 2021	KH 2022	KH 2023
Doanh thu	875.000	850.000	735.000	795.000	950.000
Lợi nhuận trước thuế	135.000	162.000	83.000	69.000	77.000
Lợi nhuận sau thuế	108.000	130.000	66.000	55.000	62.000
Tổng vốn đầu tư	199.000	96.000	100.000	98.000	10.000
Vốn điều lệ	150.301	150.301	150.301	150.301	150.301
Lãi cơ bản/CP (đồng)	7.186	8.650	4.390	3.660	4.130
Trả cổ tức hàng năm	24%	20%	15%	15%	15%

Nhìn chung, các mục tiêu tài chính giai đoạn 2019-2023 đều thấp hơn so với giai đoạn 2014-2018. Cụ thể, tốc độ tăng trưởng doanh thu, tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS) bình quân hàng năm giai đoạn tới tăng lần lượt 7%, 13% và 10% thấp hơn so với mức 12%, 25% và 16% của giai đoạn trước. Giai đoạn này Công ty sẽ cơ cấu lại tỷ trọng doanh thu các lĩnh vực do doanh thu mảng đá xây dựng sụt giảm từ năm 2021 và sẽ bắt đầu chu kỳ tăng trưởng trở lại vào năm 2023.

- Về doanh thu: Trong giai đoạn 2019-2023, doanh thu lĩnh vực đá xây dựng giảm mạnh do mỏ đá Tân Đông Hiệp sẽ đóng cửa vào cuối năm 2019 và cải tạo tận thu đá đến năm 2021 trong khi nguồn mỏ mới chưa kịp thay thế do thời gian để đầu tư một mỏ mới phải mất từ 3-4 năm. Mặc dù, các lĩnh vực khác dự kiến sẽ tăng trưởng cao như xây dựng 10%/năm, cầu kiện bê tông 16%/năm, vật liệu xây dựng 18%/năm, bất động sản 60%/năm và các lĩnh vực khác là 10%/năm nhưng vẫn chưa bù đắp ngay được sự sụt giảm doanh thu từ lĩnh vực đá xây dựng. Về cơ cấu doanh thu của Công ty đến năm 2023 dự kiến đóng góp mảng đá xây dựng là 16%, Cầu kiện bê tông là 26%, xây lắp công trình là 27%, kinh doanh VLXD là 16%, bất động sản là 11%, các lĩnh vực khác chiếm 4%.

Vấn đề người lao động

Công tác tiền lương, BHXH, chế độ chính sách:

- Tiếp tục duy trì việc khoán lương cho bộ phận gián tiếp các đơn vị, trả lương gắn với đánh giá kết quả theo KPI, tạo được động lực tốt cho người lao động nâng cao năng suất làm việc, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả. Lương bình quân đầu người năm 2018 ước thực hiện là 10,5 triệu đồng/người/tháng đạt 108% so với kế hoạch, các chế độ lương thưởng được thực hiện đầy đủ và kịp thời đảm bảo cuộc sống người lao động.
- Hoàn tất việc xây dựng thang lương cơ bản theo mức lương tối thiểu vùng năm 2018 và những thay đổi cơ sở của nhà nước tăng các khoản phụ cấp phải đóng bảo hiểm xã hội và các khoản hỗ trợ phù hợp với các quy định pháp luật về tiền lương, BHXH.
- Công tác theo dõi và báo cáo tăng, giảm về các chế độ bảo hiểm bắt buộc thực hiện kịp thời, đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Công tác giải quyết các chế độ theo quy định cho người lao động được cải tiến thực hiện hàng tháng kịp thời thanh toán cho người lao động.
- Công tác nâng bậc lương cho người lao động kịp thời đúng quy định của pháp luật và quy định của Công ty.
- Công tác chăm lo đời sống cho nhân viên công ty như thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời các trường hợp ốm đau, hữu sự góp phần động viên tinh thần cho người lao động, thể hiện sự quan tâm của Lãnh đạo Công ty đến đời sống nhân viên. Trong năm 2018 đã thực hiện hỗ trợ 361.200.000 đồng cho 169 lượt nhân viên gặp khó khăn do ốm đau.

Công tác OHSAS 18001 (Tiêu chuẩn về Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe nghề nghiệp - Viện tiêu chuẩn Anh (BSI) xây dựng và ban hành):

- Trong năm tiến hành kiểm tra việc vận hành hệ thống OHSAS tại các đơn vị vào tháng 3/2018 như XNCBT, PĐT XD, TT279, công trình Minh Hòa, Công trình Minh Thạnh... nhằm chuẩn bị cho việc mời đánh giá chứng nhận hệ thống. Đồng thời tổ chức tiếp Đoàn đánh giá cấp giấy chứng nhận Hệ thống An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001 : 2007 trong tháng 04/2018, kết quả Công ty đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) cấp Giấy chứng nhận hệ thống đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn
- Tiến hành sửa đổi các Quy trình thuộc Hệ thống An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp do việc sáp nhập Xí nghiệp xây lắp vào Phòng Đầu tư thành Phòng Đầu tư Xây dựng
- Xây dựng Ban bảo hộ lao động ở các đơn vị và công trình cho phù hợp với quy định như thay đổi các thành viên Ban An toàn vệ sinh lao động tại XN Đá Xây dựng vào tháng 05/2018, XNCBT vào tháng 10/2018,
- Trong năm thành lập Ban An toàn vệ sinh lao động tại các công trình: trường THCS Trừ Văn Thố, Cơ quan PCCC Thuận An, trường cấp 1 Tân Đông Hiệp, đường DT746, đường DH406,... đồng thời bổ sung, thay đổi thành viên Ban An toàn vệ sinh lao động tại XN Cống Bê tông, XN Đá Xây dựng.



Công tác An toàn lao động:

- Trong năm đã tiến hành thực hiện ký hợp đồng may đồ BHLĐ, quần áo bảo vệ, đồ thủ kho năm 2018 với số lượng:
 - + 883 bộ đồ BHLĐ,
 - + 48 bộ đồng phục kỹ thuật,
 - + 102 bộ đồ cơ giới,
 - + 859 bộ cho công nhân xây dựng và phát nón cho các đơn vị như XN Đá, XNCBT, PĐT XD, TT279, công nhân xây dựng (545 nón), giày BHLĐ 100 đôi
 ----> Tổng chi phí trên 408 triệu đồng.
- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, tuyên truyền hưởng ứng tháng Quốc gia: treo băng rôn từ văn phòng công ty đến các đơn vị sản xuất và các công trình xây dựng từ ngày 01/05/2018 đến ngày 31/5/2018 với các khẩu hiệu như: "Hưởng ứng Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động lần thứ 1 năm 2018 (01/5/2018- 31/5/2018)" hoặc "Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ là trách nhiệm của mỗi người",

- Thực hiện các yêu cầu huấn luyện an toàn lao động tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn vệ sinh lao động trong việc thực hiện huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, trong năm đã tổ chức huấn luyện AT-VSLĐ cho:
 - + Nhóm 1 : 12 người
 - + Nhóm 2 : 17 người
 - + Nhóm 3: 117 người
 - + Nhóm 6: 28 người
- Tổ chức đo môi trường lao động và khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật, qua việc khám sức khỏe các đơn vị thống kê phân loại sức khỏe và có hướng tham mưu bố trí công việc cho phù hợp. Kết quả khám sức khỏe toàn Công ty có:
 - + Loại 1: 31 người chiếm 9.8 %,
 - + Loại 2: 104 người chiếm 33%,
 - + Loại 3: 96 người chiếm 30.4%,
 - + Loại 4: 60 người 19%,
 - + Loại 5: 05 người chiếm 1.59 % ;
 - + Tài xế: 20 người chiếm 5.9 % và đủ điều kiện lái xe.



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá các mặt hoạt động kinh doanh của công ty
Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc Công ty
Kế hoạch và định hướng phát triển của công ty

Lĩnh vực Xây dựng

Tình hình hoạt động trong năm gặp nhiều khó khăn do số lượng công trình mới sụt giảm; các công trình trúng thầu đa số đều trong tình trạng chậm tiến độ do công tác triển khai thi công khá chậm, các thầu phụ chưa huy động được nhân công để đáp ứng công tác thi công, cùng với việc Phòng Đầu tư Xây dựng đang trong giai đoạn ổn định cơ cấu nhân sự sau khi thực hiện sáp nhập XN Xây lắp và Phòng Đầu tư... Công tác tiếp thị đấu thầu tiếp tục khó khăn, giá trị công trình trúng thầu là 115.111 tỷ đạt 64% kế hoạch, giảm 36% so với cùng kỳ năm 2017 do việc cạnh tranh giữa các nhà thầu ngày càng gay gắt, số lượng các nhà thầu mới có năng lực tham gia các công trình trong Tỉnh ngày càng nhiều. Bên cạnh đó, việc đấu thầu của Công ty cũng bị ảnh hưởng do ràng buộc về Quy định xếp hạng năng lực nhà thầu và không có công trình bị trễ tiến độ. Tuy nhiên, do khối lượng công trình chuyển tiếp từ năm 2017 tương đối lớn và hầu hết các công trình đang trong giai đoạn hoàn thiện bàn giao trong năm 2018 nên doanh thu hoạt động xây lắp vẫn đảm bảo kế hoạch đề ra.



Công trình trường Trừ Văn Thố

Lĩnh vực Cho thuê thiết bị xây dựng

Ở lĩnh vực cho thuê thiết bị xây dựng, hiện thị trường có xu hướng chuyển sang sử dụng các loại hệ giàn giáo nêm, hệ giàn giáo đĩa, giàn giáo, coffa mạ kẽm nhúng nóng có chất lượng cao hơn các thiết bị truyền thống, trong khi các khách hàng nhỏ lẻ thì thường đầu tư mua giàn giáo về sử dụng nên việc tìm kiếm khách hàng cho thuê mới tương đối khó khăn; Công ty đã đầu tư hệ giàn giáo đĩa Ringlock vào cuối Quý III/2018 để cho thuê. Tuy nhiên, vẫn chưa ghi nhận được kết quả khả quan, nên nhìn chung số lượng thiết bị cho thuê trong năm chỉ ở mức thấp. Do đó, kết quả kinh doanh trong năm đạt thấp so với kế hoạch đề ra

Lĩnh vực Cống bê tông

Tình hình kinh doanh trong năm có nhiều thuận lợi, tiêu thụ được duy trì ở mức khá. Tuy nhiên tình hình cạnh tranh ở lĩnh vực này khá gay gắt, nhất là ở mảng xây dựng khu công nghiệp và khu đô thị khách hàng chuộng sản phẩm cống rung ép do giá thường thấp hơn từ 10% - 15% so với cống lỵ tâm. Bên cạnh đó, khách hàng thường ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp có sản phẩm đa dạng vừa có cống rung ép, vừa cống lỵ tâm để đơn giản hóa khâu mua hàng. Sản phẩm cống lỵ tâm của Công ty hiện nay phục vụ chủ yếu cho các công trình xây dựng hạ tầng có vốn nhà nước, tuy nhiên việc giải ngân vốn ngân sách trong năm 2018 tương đối chậm nên phần nào ảnh hưởng đến doanh thu của mảng này. Trong năm phân khúc khách hàng dân dụng và công nghiệp dần phục hồi, Công ty tiếp thị các loại cống thiết kế mới phù hợp với nhu cầu thị trường nên sản lượng cống nhỏ tiêu thụ tốt, loại fi 300-500 tăng 12% và cống fi 600-800 tăng 29% góp phần bù đắp cho sự sụt giảm sản lượng của các loại cống lớn. Công ty cũng đã xây dựng và vận hành Phòng LAS đủ điều kiện thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. Đây được xem là bước khởi đầu để nâng cao chất lượng sản phẩm cống, đồng thời triển khai dự án mở rộng giai đoạn 2 Xưởng sản xuất cống hộp công nghệ rung lồi ở Thạnh Phước. Tuy nhiên, thời gian triển khai chậm hơn dự kiến nên trong năm 2018 chưa kịp đưa vào vận hành sản xuất, dự kiến khoảng cuối Quý I/2019 mới hoàn tất và đi vào hoạt động sẽ thúc đẩy sản lượng cống hộp, cống tròn cỡ nhỏ, vừa và các loại, giúp giảm áp lực cho các giàn quay lỵ tâm các loại cống có kích thước nhỏ để tập trung vào sản xuất các loại cống lớn có giá trị kinh tế cao hơn.



Máy thử nén cốt liệu

Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng

Trong năm, hoạt động kinh doanh sắt thép tiếp tục cạnh tranh gay gắt với các đối thủ là các nhà phân phối lớn. Các yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định mua hàng của khách hàng là giá bán và thời gian công nợ, trong khi do tình hình thu hồi công nợ của các khách hàng cũ chậm, mức nợ cao nên Công ty hạn chế bán các đơn hàng mới để tập trung công tác thu hồi nợ nên phần nào ảnh hưởng đến doanh thu bán hàng ở lĩnh vực này. Trong năm, Công ty tăng cường tìm kiếm các khách hàng ở khu vực Bình Dương, Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh... Tuy nhiên số lượng khách hàng mới còn hạn chế, chủ yếu tập trung bán cho khách hàng lớn truyền thống.

Lĩnh vực sản xuất gạch bê tông (gạch Tụ chèn, gạch Terrazzo)

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018 gặp nhiều khó khăn, do tình hình tiêu thụ chậm, công tác tiếp thị tìm kiếm đơn hàng được mở rộng nhưng chưa có kết quả khả quan. Năng lực sản xuất của Công ty còn hạn chế về sản lượng và mẫu mã nên đối với các đơn hàng lớn, tiến độ cung cấp nhanh Công ty chưa đáp ứng được yêu cầu. Bên cạnh đó, sản phẩm có trọng lượng lớn nên chi phí vận chuyển cao gây khó khăn trong quá trình thương thảo hợp đồng.

Lĩnh vực Đá xây dựng

Công ty gặp không ít khó khăn do thời gian kéo dài khi làm thủ tục xin cấp phép gia hạn khai thác xuống sâu cos -150m, thời hạn khai thác đến hết năm 2019. Tuy nhiên, việc khan hiếm nguồn đá tại khu vực mỏ Tân Đông Hiệp đã thúc đẩy việc tăng giá bán đá, bù đắp phần sụt giảm về sản lượng đá tiêu thụ trong 9 tháng đầu năm 2018. Sau khi các doanh nghiệp trong cụm mỏ đá Tân Đông Hiệp và mỏ đá Núi Đá Nhỏ được cấp phép gia hạn khai thác đá trong tháng 9/2018 thì lợi thế về giá bán không còn nữa, Công ty phải giảm giá đá mạnh để cạnh tranh với các đối thủ, thị trường dần bão hòa, một số khách hàng có xu hướng chuyển thương hiệu sang sử dụng đá khu vực mỏ Tân Cang, Thạnh Phú, cùng với việc các công trình hạ tầng giao thông trong khu vực giảm sút, hoạt động tải trọng hàng hóa ngày càng siết chặt hơn dẫn đến thị trường tiêu thụ sản phẩm đá của Công ty trong giai đoạn cuối năm 2018 có phần giảm sút, không sôi động như các năm trước.

**Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 nhìn chung cơ bản hoàn thành các mục tiêu đề ra. Doanh thu đạt vượt so với kế hoạch, lợi nhuận dù tăng trưởng 15% so với năm 2017 nhưng chỉ đạt 91% kế hoạch đề ra, biên lợi nhuận ròng đạt 15%... HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Tổng Giám đốc (TGD) và Ban điều hành các cấp trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018.
- Trong năm, Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT. Các chủ trương, chỉ đạo mà HĐQT đưa ra cũng được Tổng Giám đốc triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có trình độ, năng lực và phẩm chất; được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách, có gần 30 năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành tại Công ty.
- Kết quả đạt được trong năm qua là sự đóng góp lớn của Ban Tổng Giám đốc và Ban điều hành các xí nghiệp, tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng và cổ đông. Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Tổng Giám đốc công ty và Ban điều hành các cấp sẽ góp phần gia tăng sự ổn định trong hoạt động sản xuất, từng bước chinh phục các thị trường mới, các thị trường khó tính trong khu vực trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phức tạp

Định hướng 2019

- ✓ Thành lập Công ty mới lĩnh vực Khoáng sản xây dựng với tỷ lệ góp vốn là 80% để tham gia đầu giá mỏ đá xây dựng với diện tích 106 ha khu vực Tân Lập - Đồng Phú - Bình Phước, và các mỏ đá tiềm năng trong khu vực để bù đắp cho sự thiếu hụt và đảm bảo nguồn đá khai thác ổn định khi Mỏ Tân Đông Hiệp hết hạn khai thác vào cuối năm 2019.
- ✓ Triển khai phương án dự trữ đá học trong năm 2019 nhằm tận thu nguồn đá học, đồng thời phối hợp với các đơn vị trong cụm mỏ Tân Đông Hiệp xây dựng phương án cải tạo đóng cửa mỏ sau khi hết hạn khai thác đá vào cuối năm 2019.
- ✓ Tham gia góp vốn vào dự án đầu tư dự án BOT giao thông để tạo nguồn thu nhập ổn định lâu dài.
- ✓ Mở rộng tiếp thị tìm kiếm công trình vốn công, vốn tư; liên kết đấu thầu và thi công để nâng cao năng lực cạnh tranh hoạt động xây lắp; tập trung cải tiến, phối hợp tốt giữa các bộ phận của Công ty để nâng cao chất lượng hồ sơ đấu thầu, quản trị giá thành, cung ứng vật tư, giám sát và điều phối thi công hiệu quả.
- ✓ Đảm bảo tỷ lệ giải ngân vốn cho kế hoạch đầu tư năm 2019 đạt trên 75%, đặc biệt tập trung hoàn tất giai đoạn 2 dự án Thạnh Phước xưởng công nghệ rung lõi để đưa vào vận hành trong Quý I/2019 để gia tăng công suất sản xuất. Triển khai dự án Nhà xưởng ở Long Nguyễn để sản xuất công bê tông công nghệ rung ép nhằm đa dạng hóa sản phẩm bê tông cấu kiện.
- ✓ Nâng cao tỷ trọng doanh thu tại thị trường TP.HCM lên mức 40%, thị trường Bình Dương phải đạt trên 40% trên tổng doanh thu. Chú trọng phát triển thị trường Đồng Nai, Tây Ninh, Long An. Đấu thầu và thi công ít nhất một công trình có quy mô trên 60 tỷ đồng.
- ✓ Hoàn tất các thủ tục điều chỉnh quy hoạch, xây dựng hạ tầng và triển khai kinh doanh BĐS dự án KDC Nguyễn Văn Tiết. Khai thác cho thuê khu đất và nhà xưởng ở Thuận Giao.
- ✓ Khảo sát tìm mua quỹ đất tiềm năng đủ lớn ở khu vực Tân Uyên để đầu tư dự án khu dân cư. Đây là một trong các động lực phát triển trong thời gian tới để bù đắp phần sụt giảm doanh thu từ sản phẩm đá sau năm 2020.
- ✓ Tăng cường công tác quản lý nội bộ, công tác giá thành và định mức nhằm kiểm soát chi phí, tiết kiệm tối đa các chi phí đầu vào để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm nhằm tăng tính cạnh tranh về giá trên thị trường.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019

Mục tiêu tài chính chung năm 2019

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 được xây dựng trong bối cảnh thị trường được dự báo có những thuận lợi và khó khăn đan xen. Căn cứ xây dựng kế hoạch dựa trên cơ sở mỏ đá Tân Đông Hiệp hoạt động ổn định trong năm 2019, đồng thời dựa trên cơ sở phân tích môi trường kinh doanh, thực trạng của doanh nghiệp để ra định hướng kinh doanh, mục tiêu kế hoạch kinh doanh phù hợp nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động, mang lại lợi ích cho các cổ đông, người lao động của Công ty.

Qua tham khảo những nhận định và dự báo cùng với việc đánh giá năng lực nội tại, HĐQT đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng trong năm 2019 gồm các chỉ tiêu cơ bản như sau:

- Doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ là 875.000 triệu đồng, tăng 21% so với ước thực hiện năm 2018.
- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD là 135.000 triệu đồng, tăng 17% so với năm 2018.
- Lợi nhuận sau thuế là 108.000 triệu đồng, tăng 17% so với năm 2018.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 7.186 đồng/cổ phiếu, tăng 17% so với năm 2018.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức là 24% vốn điều lệ, tương ứng với 2.400 đồng/cổ phần.

Kế hoạch sản xuất

- Giá trị sản lượng sản xuất và kinh doanh năm 2019 là 699.462 triệu đồng, tăng 18% so với thực hiện năm 2018. Trong đó, đá xây dựng 259.000 triệu đồng, chiếm 37%; xây lắp 176.500 triệu đồng, chiếm 25%; công bê tông và gôỉ công 126.222 triệu đồng, chiếm 18%; sản phẩm khác là 88.420 triệu đồng, chiếm 13%.

Kế hoạch doanh thu

- Doanh thu kế hoạch từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 là 875.000 triệu đồng, tăng 21% so với thực hiện năm 2018. Trong đó tăng trưởng doanh thu ở lĩnh vực đá xây dựng là 4%, công bê tông 14%, kinh doanh vật liệu 46%. Cơ cấu doanh thu sản phẩm đá xây dựng, xây lắp, công bê tông tiếp tục là sản phẩm chủ lực của Công ty: Đá xây dựng chiếm 29%, xây lắp chiếm 19%, công bê tông chiếm 18% và các lĩnh vực khác chiếm 16%. Kế hoạch doanh thu năm 2019 tăng trưởng khá so với năm 2018 nhờ có đóng góp doanh thu từ giai đoạn 2 xưởng công nghệ bê tông dự án Thạnh Phước, kinh doanh VLXD, bắt động sản, đồng thời mức tăng trưởng doanh thu sản phẩm đá, xây lắp cũng dự kiến ở mức khá hơn so với năm 2018.

Kế hoạch nhân sự

- Lao động giảm 12% (357/404) so với bình quân số lao động năm 2018 do chủ trương giảm lao động và chuyển đổi sử dụng lao động qua hình thức hợp đồng với hộ kinh doanh. Tuyển dụng tăng so với thực hiện năm 2018 do tuyển nhân viên kinh doanh và lao động phục vụ mở rộng sản xuất tại Xưởng công nghệ ở Thạnh Phước dự kiến trong Quý 2/2019. Lương bình quân người lao động là 11.700.000 triệu đồng/người/tháng, tương đương thu nhập bình quân 13.700.000 triệu đồng/người/tháng, tăng 11% so với thực hiện năm 2018. Chi phí nguồn nhân lực gồm tiền lương, tuyển dụng, đào tạo, phúc lợi dự kiến là 63.063 triệu đồng tăng 6% so với thực hiện năm 2018 nguyên nhân chủ yếu như lương cơ bản tăng 5,3%, tăng doanh thu theo kế hoạch của năm 2019 tại các đơn vị.

Hoạt động sản xuất kinh doanh

Lĩnh vực khai thác và chế biến đá xây dựng

Phối hợp với các Công ty trong khu mỏ Tân Đông Hiệp thực hiện đầy đủ các cam kết với các cơ quan, chính quyền địa phương về an toàn và môi trường trong hoạt động khai thác, chế biến. Có kế hoạch triển khai phương án đi dời tạo mặt bằng thông thoáng cho hoạt động khai thác và chế biến để dự trữ đá nguyên liệu, đá thành phẩm, phục vụ công tác tận thu sản phẩm đá sau khi mỏ đá hết hạn khai thác vào cuối năm 2019. Tập trung chế biến các sản phẩm đá mà thị trường có nhu cầu cao, duy trì hoạt động khai thác, sản xuất liên tục. Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt theo từng thời điểm thị trường, đảm bảo sản lượng tiêu thụ và lợi ích cho Công ty.

Lĩnh vực xây lắp

Tập trung công tác đấu thầu các công trình vốn công, vốn tư trên địa bàn tỉnh Bình Dương, TP.HCM và một số tỉnh lân cận, đảm bảo giá trị trúng thầu trong năm 2019 là 220.000 triệu đồng. Đẩy mạnh thi công các công trình đang thực hiện như công trình đường Trần Văn Ôn, trường Nguyễn Văn Trỗi hoàn thành đúng tiến độ. Tổ chức mô hình quản lý thi công theo tính chất phòng ban chức năng chuyên nghiệp, đẩy mạnh tính phối hợp tương tác giữa các Phòng, đẩy mạnh yếu tố chủ động phối hợp trong quá trình thực hiện. Tìm kiếm, củng cố danh mục các Nhà thầu phụ, Nhà cung cấp có năng lực và giá bán tốt, đặc biệt là các vật liệu tự nhiên như đá, sỏi, đất... nhằm kiểm soát tốt công tác xây dựng giá thầu. Tăng cường cải tiến và tối ưu hóa các biện pháp thi công để rút ngắn tiến độ, nghiên cứu áp dụng các biện pháp cơ giới hóa vào hoạt động thi công để tăng tiến độ, giảm giá thành xây lắp hướng tới tăng năng suất lao động.

Lĩnh vực công bê tông

Tập trung khai thác thị trường vùng ven TP.HCM như Huyện Nhà Bè, Quận 7, Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, Quận 2, Quận 9 và khu vực Bến Lức, Đức Hòa, Long An, khu vực Tây Ninh. Đồng thời, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp để đảm bảo giá cạnh tranh ở các khu vực này. Tiếp tục xây dựng và quảng bá thương hiệu thông qua website, google, tập trung vào thị trường TP.HCM, Bình Dương, Tây Ninh, đồng thời chú trọng tiếp thị các sản phẩm công bê tông mới sử dụng công nghệ rung lõi khi giai đoạn 2 dự án Thạnh Phước đi vào vận hành để đẩy mạnh hoạt động bán hàng. Tăng cường công tác quản lý chất lượng, đảm bảo mục tiêu tỷ lệ hàng lỗi khách hàng trả về dưới 1%. Trong đó, chú trọng vào việc kiểm soát, định lượng về chất lượng theo quá trình sản xuất, từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm.

Lĩnh vực gạch bê tông

Đẩy mạnh tiếp thị, giới thiệu sản phẩm đến các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, công trình xây dựng và xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, giá bán cạnh tranh để thu hút khách hàng. Ổn định sản xuất thông qua duy trì việc bảo trì máy móc thiết bị thường xuyên, bố trí sản xuất sản phẩm theo đơn hàng và dự trữ phù hợp.

Lĩnh vực cho thuê thiết bị xây dựng

Tăng cường tiếp thị, tìm kiếm khách hàng để tăng sản lượng cho thuê và giảm thiết bị tồn kho. Tăng cường bảo trì các thiết bị hiện tại để đảm bảo các thiết bị đáp ứng yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn để phục vụ khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng

Đẩy mạnh công tác tiếp thị tìm kiếm khách hàng mới, trong đó tập trung tiếp cận các đối tượng khách hàng là các Nhà thầu, Công ty xây dựng uy tín. Nghiên cứu biến động giá sắt thép thế giới và trong nước để chủ động nhập hàng nhằm phục vụ kinh doanh hiệu quả. Đồng thời, tăng cường công tác thu hồi công nợ, đảm bảo mức nợ phải thu các khách hàng phù hợp với quy định của Công ty.

Công tác đầu tư

- Tập trung triển khai ngay từ đầu năm các chương trình, dự án theo kế hoạch năm 2019, trong đó ưu tiên góp vốn thành lập Công ty lĩnh vực khoáng sản để tham gia đấu giá khai thác mỏ đá tại Tân Lập – Đồng Phú - Bình Phước, tham gia góp vốn vào dự án BOT Đồng Phú - Bình Dương, đầu tư hoàn thiện giai đoạn 2 Xưởng bê tông Thạnh Phước sử dụng công nghệ rung lõi để đưa vào hoạt động trong quý I/2019, và triển khai dự án sản xuất công rung ép tại Long Nguyễn sử dụng công nghệ rung ép trong năm 2019.
- Chú trọng công tác đánh giá hiệu quả dự án đầu tư, xác định nhu cầu vốn để bố trí cho từng dự án nhằm chủ động trong việc triển khai, thực hiện dự án.

Công tác tài chính

- Có kế hoạch sử dụng nguồn vốn vay, lợi nhuận giữ lại để tài trợ cho hoạt động đầu tư dài hạn và sẽ dùng tài sản hình thành từ hoạt động đầu tư để cầm cố vay bù đắp cho dòng tiền hoạt động nhằm đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình tài chính, quản lý công nợ phải thu, phải trả của khách hàng, thường xuyên tiến hành phân tích các chỉ tiêu tài chính nhằm đưa ra kế hoạch cũng như có những biện pháp phù hợp. Đồng thời, thường xuyên cập nhật các thay đổi của chế độ kế toán để xử lý đúng quy định.

Công tác nhân sự

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị công ty nhiệm kỳ 2019-2024.
- Thực hiện các chương trình tăng năng suất lao động như cơ giới hóa, ứng dụng máy móc vào sản xuất và cải tiến tổ chức sản xuất.
- Duy trì việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về tiền lương, chế độ chính sách tại các đơn vị cơ sở.
- Xây dựng phương án tuyển dụng, chế độ phúc lợi nhằm thu hút sự quan tâm của ứng viên có năng lực, làm việc gắn bó lâu dài với Công ty.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ thông qua việc xây dựng quy định về tổ chức đào tạo nội bộ, chế độ đối với người phụ trách đào tạo nội bộ



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY



Hội đồng quản trị

Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị và Ban

Tổng giám đốc có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Võ Văn Lãnh	Chủ tịch HĐQT, kiêm TGD	11/12/2008	10/10	100%	
2	Trần Văn Bình	Thành viên HĐQT, kiêm Phó TGD	21/04/2017	10/10	100%	
3	Lê Thị Quyết	Thành viên HĐQT độc lập	21/04/2017	10/10	100%	
4	Thượng Văn Huyện	Thành viên HĐQT không điều hành	26/04/2018	8/8	100%	Bầu bổ sung từ 26/4/2018
5	Nguyễn Lê Văn	Thành viên HĐQT độc lập	26/04/2018	8/8	100%	Bầu bổ sung từ 26/4/2018
6	Nguyễn Xuân Hiếu	Thành viên HĐQT, kiêm KTT		2/2	100%	Miễn nhiệm từ 26/4/2018
7	Nguyễn Thế Phi	Thành viên HĐQT, kiêm TP Kinh doanh		2/2	100%	Miễn nhiệm từ 26/4/2018

Tiểu ban Chính sách phát triển

Giúp HĐQT hoạch định những chính sách và chiến lược phát triển dài hạn của Công ty. Đánh giá, báo cáo về kết quả thực hiện chiến lược trong từng giai đoạn.

Trong năm 2018

- Đề xuất, thúc đẩy các hoạt động kinh doanh lĩnh vực công bê tông, xây lắp, kinh doanh vật liệu xây dựng để bù đắp sự sụt giảm doanh thu của lĩnh vực đá xây dựng do thời gian xin gia hạn giấy phép khai thác kéo dài.
- Theo dõi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Bê tông Lỵ Tâm Thu Đức – Long An; nâng tỷ lệ sở hữu lên 28,91% của công ty tại Công ty Cổ phần Miền Đông.
- Triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đã phát hành thành công 10% cổ phiếu thưởng để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Tham mưu HĐQT, định hướng và thực hiện đền bù 6,5 héc ta đất tại xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương phục vụ cho dự án giai đoạn sau năm 2020.
- Định hước mục tiêu tài chính, kinh doanh cho 2019

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

Thực hiện năm 2018

Trong năm 2018, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ giúp Hội đồng quản trị kiểm soát tất cả các hoạt động của Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị như kiểm soát chất lượng hàng hóa, sản phẩm và hoạt động sản xuất, kinh doanh, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, đầu tư mua sắm tài sản cố định, đầu tư các dự án... Đảm bảo mục tiêu một cách độc lập và các hoạt động tư vấn để làm tăng giá trị và cải thiện các hoạt động kinh doanh của Công ty. Giúp Công ty thực hiện mục tiêu thông qua tiếp cận một cách có hệ thống và có nguyên tắc để đánh giá và nâng cao hiệu quả của hoạt động quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát cũng như quy trình quản trị. Bảo vệ giá trị cho Công ty, giám sát các hoạt động của công ty trong việc tuân thủ các quy định pháp luật, đạo đức kinh doanh. Phát hiện ra những sai sót trong hoạt động kinh doanh của Công ty; tham mưu cho HĐQT định hướng chiến lược, chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện; kiểm soát rủi ro, cải tiến những điểm yếu từ hệ thống quản lý về quản trị doanh nghiệp; kiểm tra, giám sát quy trình hoạt động của các phòng ban trong bộ máy kinh doanh, giúp công ty hoạt động năng suất và hiệu quả hơn.

Chủ động lên kế hoạch thực hiện công việc theo nhiệm vụ được giao và tiến hành 2 đợt kiểm tra vào ngày 19/06/2018 và ngày 25/09/2018. Ngoài ra còn có nhiều cuộc họp khác theo chủ đề riêng biệt với sự tham gia của các thành viên có liên quan. Sau mỗi đợt kiểm tra, mỗi cuộc họp cũng như kết thúc năm tài chính năm 2018, Tiểu ban kiểm toán đã thực hiện tổng hợp và báo kết quả hoạt động lên HĐQT và ĐHĐCĐ thường niên hàng năm. Tóm tắt hoạt động của Tiểu ban kiểm toán như sau:

Về giám sát báo cáo tài chính:

Thực hiện việc giám sát, kiểm tra tính phù hợp của Báo cáo tài chính với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán hàng quý, 6 tháng và năm trước khi Ban Điều hành trình HĐQT, ĐHĐCĐ và công bố thông tin ra bên ngoài theo quy định của pháp luật;

Có ý kiến về tính trung thực, đầy đủ, đúng hạn và tính phù hợp của báo cáo tài chính với chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật hiện hành, không có ghi nhận bất thường đối với giao dịch các bên liên quan như mua bán hàng hóa, góp vốn, chia cổ tức...

Trong năm ngoài việc trích lập dự phòng 15.362.500.000 đồng khoản ứng trước tiền giao dịch với ông Trần Hữu Nghĩa còn lại không có thay đổi nào trong quản lý làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và báo cáo tài chính của Công ty.

Kiểm tra và xem xét tất cả các khía cạnh liên quan đến Báo cáo tài chính và nhất trí ghi nhận của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và những đề xuất kiến nghị của Công ty Kiểm toán.

Về giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập:

Kết quả giám sát cho thấy chất lượng kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2018 của kiểm toán độc lập là phù hợp với yêu cầu của Công ty về phạm vi, đối tượng, phương pháp, tiến độ kiểm toán; thỏa mãn được tính khách quan và độ tin cậy vào ý kiến kiểm toán. Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm, có những đóng góp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính của Công ty được kiểm toán theo đúng chế độ chính sách của nhà nước cũng như các qui định riêng của Công ty; Báo cáo kiểm toán, soát xét được phát hành theo đúng thời gian đã đề ra trong hợp đồng kiểm toán và chi phí cho dịch vụ kiểm toán ở mức độ phù hợp. Đối với việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2019, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ sẽ đề xuất thông qua HĐQT và trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết lựa chọn.

Kiểm soát tất cả các hoạt động của Công ty:

Kiểm tra tại Văn phòng Công ty: Về quỹ đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được lưu trữ hồ sơ đầy đủ tránh được tổn thất và tranh chấp về sau. Mở sổ theo dõi các khoản đầu tư tài chính đúng tên cá nhân để kiểm tra và có những nghiệp vụ kinh tế ghi nhận bảo đảm tính pháp lý; các khoản tạm ứng lớn có nguồn gốc rõ ràng; các khoản đầu tư tài chính, đầu tư cổ phiếu được ghi nhận và lập hồ sơ theo dõi cụ thể; quỹ đất hơn 10 héc-ta tại xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Công ty đang có định hướng hợp tác liên doanh để xin cấp phép khai thác mỏ đá.

Kiểm soát tất cả các hoạt động của Công ty:

Kiểm tra tại Văn phòng Công ty: Về quỹ đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được lưu trữ hồ sơ đầy đủ tránh được tổn thất và tranh chấp về sau. Mở sổ theo dõi các khoản đầu tư tài chính đúng tên cá nhân để kiểm tra và có những nghiệp vụ kinh tế ghi nhận bảo đảm tính pháp lý; các khoản tạm ứng lớn có nguồn gốc rõ ràng; các khoản đầu tư tài chính, đầu tư cổ phiếu được ghi nhận và lập hồ sơ theo dõi cụ thể; quỹ đất hơn 10 héc-ta tại xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Công ty đang có định hướng hợp tác liên doanh để xin cấp phép khai thác mỏ đá.

Tại Phòng Đầu tư Xây dựng: Tình hình lĩnh vực xây lắp năm 2018 gặp nhiều khó khăn do số lượng công trình mới sụt giảm, công tác tiếp thị đầu thầu tiếp tục khó khăn, số lượng các nhà thầu mới có năng lực tham gia các công trình trong tỉnh ngày càng nhiều, do ảnh hưởng quy định xếp hạng năng lực nhà thầu và không có công trình trẻ tiến độ... Tuy nhiên, khối lượng công trình chuyển tiếp từ năm 2017 sang năm 2018 tương đối lớn và đã bàn giao trong năm nên xây lắp đã hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Phòng cũng cần chú trọng công tác chuẩn bị hồ sơ phục vụ đấu thầu đầy đủ, chất lượng và phối hợp với bộ phận cung ứng vật tư của Phòng Kinh doanh cung cấp vật tư đến công trình đảm bảo kịp thời... Đơn đốc thu hồi nợ hoặc có hướng đề xuất xử lý nợ công trình nhà tư nhân của bà Xuân Loan đã nợ 6 năm.

Kiểm tra tại Phòng Tài chính:

Hiện tại Công ty có 2 Xí nghiệp và Trung tâm kinh doanh VLXD 279 trực thuộc Phòng Tài chính công ty đều nằm trên địa bàn tỉnh Bình Dương, tất cả hạch toán phụ thuộc không sử dụng hóa đơn riêng, hình thức kế toán nhật ký chung trên máy tính. Tiểu ban kiểm toán chọn mẫu một số chứng từ thanh toán; kiểm tra chi phí và giá thành, tình hình công nợ, nợ phải thu, nợ phải trả, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh... Qua kiểm tra chứng từ thu chi, chứng từ thanh toán, Công ty thực hiện quy trình kiểm tra giám sát chi phí có phối hợp từ Phòng Kinh doanh tới các Xí nghiệp và Trung tâm KD VLXD 279, quy trình luân chuyển chứng từ tỉ mỉ và hợp lý, ghi nhận phát sinh chi phí thực tế từ tổ đội sản xuất, lập chứng từ thông qua Phòng Kinh doanh kiểm tra đối chiếu, sau đó chuyển Phòng Tài chính kế toán ghi nhận phát sinh. Với quy trình giám sát này giúp Công ty giám sát các khoản chi phí, hạn chế tối đa sự gian lận trong sản xuất kinh doanh. Công ty theo dõi báo cáo và phân tích tuổi nợ theo tuần, từ đó giúp Tổng Giám đốc biết được tình hình phát sinh các khoản nợ.

Trong quá trình kiểm tra, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ nhận thấy Công ty áp dụng quy trình quản lý khá chặt chẽ, từ việc ghi nhận chi phí, đến việc ghi nhận và hạch toán công nợ ở các Xí nghiệp và bộ phận, việc theo dõi công nợ đều theo một quy trình tương đối tốt, số liệu sổ sách minh bạch rõ ràng

Tại XN Công bê tông:

Thực hiện tốt quy định về giá bán sản phẩm do Công ty ban hành; báo báo nhập xuất tồn, kiểm kê thành phẩm; kiểm soát giá thành. Tuy nhiên phải tăng tính cạnh tranh về giá bán hơn nữa, có kế hoạch phù hợp tăng sản lượng, giảm giá thành. XN chú ý thực hiện việc đối chiếu công nợ kịp thời, đúng quy định đặc biệt là đối với khách hàng thanh toán sau, đơn đốc thu hồi công nợ tốt hơn nữa. Về bán hàng cho thanh toán sau, không có bảo lãnh thanh toán, đề nghị XN làm việc với Ban TGD công ty có cơ chế rõ ràng cho XN, chẳng hạn như hạn mức nợ, thời hạn thanh toán... Tại thời điểm kiểm tra, Tiểu ban chưa phát hiện thiếu sót gì lớn trong hoạt động cũng như công tác quản lý tại XN. XN cũng kiến nghị đề xuất lãnh đạo Công ty xem xét khoán lương theo doanh thu thực hiện cho XN nhằm thúc đẩy tăng sản lượng, tăng doanh thu, góp phần mang lại hiệu quả hoạt động của XN. Hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018 đề ra.

Tại XN Đá xây dựng:

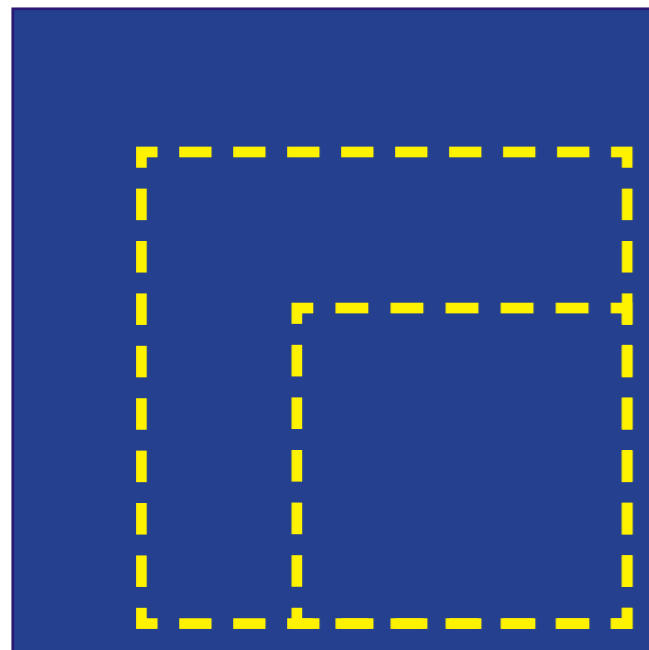
Hoàn thành cơ bản kế hoạch SXKD năm 2018 đề ra mặc dù doanh thu sụt giảm do thời gian làm thủ tục gia hạn giấy phép khai thác đá kéo dài đến cuối tháng 9/2018 và tình hình tiêu thụ ở Quý IV/2018 cũng sụt giảm mạnh ở thị trường miền Tây và các dự án hạ tầng giao thông... Công tác theo dõi công nợ phải thu khá tốt. Tuy nhiên, XN chú ý phải cho xác nhận biên bản đối chiếu công nợ hàng tháng, lưu hồ sơ đầy đủ, đặc biệt là các khách hàng còn nợ và trả sau. Nên duy trì chính sách hậu mãi, tạo sự gắn bó lâu dài với khách hàng, đặc biệt là các khách hàng lấy khối lượng lớn, thanh toán tốt. Đối với sản phẩm gạch có doanh thu thấp nhưng công nợ chiếm khá cao, đề nghị Xí nghiệp nên xác định tuổi nợ để theo dõi, đơn đốc thu hồi cho kịp thời. Cần tìm cách giảm giá thành để đẩy mạnh tiêu thụ, hiện tại giá bán cao nên khó cạnh tranh trên thị trường.

Các kiến nghị của Tiểu ban kiểm toán nội bộ:

- Về khoản tiền ứng trước cho ông Trần Hữu Nghĩa để mua 1.555.593 cổ phần của Công Ty Cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức Long An, đề nghị ban giám đốc đẩy nhanh tiến độ hoàn tất hồ sơ để tòa Án Nhân Dân tỉnh Long An sớm đưa ra phán quyết cuối cùng, hoàn thiện việc chuyển nhượng cổ phần bảo vệ tài sản cho Công Ty.
- Đối với một số cổ phiếu DHA và cổ phiếu MDG còn đứng tên cá nhân ban kiểm toán nội bộ đề nghị ban giám đốc nên làm thủ tục chuyển tên sang Công Ty nhằm tránh những rắc rối ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công Ty.
- Việc hạch toán chi phí quản lý phân xưởng cho Trung tâm KD VLXD 279 chưa hợp lý giữa hai bộ phận cho thuê thiết bị và kinh doanh vật liệu, làm cho giá vốn của hoạt động cho thuê thiết bị cao từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của bộ phận này chưa chính xác.
- Hiện nay Công ty đang sử dụng khoảng 350 lao động, riêng Xí Nghiệp Đá xây dựng khoảng 100 lao động. Năm 2018 theo quy định mới tỷ lệ đóng BHXH tính theo thu nhập thực tế của người lao động do vậy mức đóng BHXH rất cao ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tiểu ban Kiểm toán đề nghị những công việc đã giao cho thầu phụ thì điều chuyển luôn số lao động cho thầu phụ quản lý sử dụng.
- Công ty đang mất cân đối giữa nợ phải thu và nợ phải trả, nợ phải thu cao gấp 3,2 lần so với nợ phải trả từ đó làm tăng chi phí sử dụng vốn.
- Việc kinh doanh VLXD của Trung tâm 279 chưa có hiệu quả vì hầu hết khách hàng đều mua thiếu và nợ quá hạn, nếu Công ty không thay đổi phương án kinh doanh, nếu phát sinh nợ xấu phải trích lập dự phòng thì sẽ dẫn đến lỗ.
- Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, với phương án quản lý kinh doanh hiện tại chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm của người quản lý trực tiếp. Tiểu ban kiểm toán đề nghị Công ty nghiên cứu thay đổi phương án kinh doanh có thể khoán gọn, để bộ phận quản lý trực tiếp chủ động hơn.
- Đề nghị Công ty chấp thuận kiến nghị của XN Công bê tông là khoán lương theo doanh thu thực hiện cho XN, nhằm thúc đẩy tăng sản lượng, tăng doanh thu, phát huy hết tính chủ động sáng tạo của đội ngũ bán hàng và bộ phận quản lý.

Tiểu ban Nhân sự, lương thưởng và pháp lý

Chịu trách nhiệm về việc tuyển dụng nhân sự cấp cao cho bộ máy quản lý điều hành Công ty, cụ thể là ban Tổng Giám đốc. Tham mưu Hội đồng quản trị những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho công ty. Tư vấn và cung cấp ý kiến pháp lý cho HĐQT, Tổng giám đốc liên quan đến cách thức, trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư vốn ra bên ngoài (mua bán, chuyển nhượng, chia tách, sáp nhập, liên doanh, liên kết doanh nghiệp, đầu tư tài chính...)



STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung được thông qua
1	01/NQ-HĐQT	31/01/2018	Chọn ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
2	02/NQ-HĐQT	31/01/2018	Chủ trương mua cổ phiếu và nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty CP Miền Đông lên tối đa 49%.
3	03/NQ-HĐQT	31/01/2018	Chủ trương cho vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Nam Bình Dương.
4	04/NQ-HĐQT	31/01/2018	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của TGD về tình hình hoạt động SXKD tháng 12 năm 2017 và Báo cáo tổng kết năm 2017. Thưởng lãnh đạo đơn vị cơ sở năm 2017 là: 576.000.000 đồng. Thưởng tiết kiệm vật tư, chi phí cho XN Đá xây dựng năm 2017 là: 1.094.367.000 đồng. Quỹ lương thực hiện năm 2017 của Ban Tổng Giám đốc: <ul style="list-style-type: none"> + Lương của Tổng Giám đốc: 773.480.000 đồng + Lương của Phó Tổng Giám đốc: 565.235.000 đồng + Lương của Kế toán trưởng: 464.087.000 đồng Quỹ lương kế hoạch năm 2018 của Ban Tổng Giám đốc: Trên cơ sở mức tiền lương thực hiện năm trước liền kề với tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ phân bổ kết cấu tiền lương của các chỉ tiêu: Doanh thu (40%), Lợi nhuận (40%) và Năng suất lao động (20%). Được tính theo công thức: $QLKH = QLDT + QLUN + QLNSLD$ <ul style="list-style-type: none"> + Lương Tổng Giám đốc: 942.383.000 đồng + Lương Phó Tổng Giám đốc: 688.663.000 đồng + Lương Kế toán trưởng: 565.429.000 đồng Hàng tháng tạm ứng 80% quỹ lương kế hoạch được duyệt, khi quyết toán sẽ tính lại hệ số và quỹ lương thực tế. Kế hoạch và thành lập Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

5 05/NQ-HĐQT 19/03/2018 Các nội dung làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung được thông qua
6	06/NQ-HĐQT	19/03/2018	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo của TGD về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 02 năm 2018. Đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất công hộp thuộc dự án Xử lý bê tông Thạch Phước giai đoạn 2: <ul style="list-style-type: none"> + Trạm trộn bê tông mới 100%, giá trị đầu tư dự kiến là: 1.850.000.000 đồng. + Máy rung lõi đôi mới 100%, xuất xứ nước Đức sản xuất công tròn, công hộp, giá trị đầu tư dự kiến khoảng 620.000 Euro. Tiếp nhận Đơn xin từ nhiệm thành viên HĐQT của ông Nguyễn Xuân Hiếu và trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua. Giới thiệu ứng viên bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định để giới thiệu cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 dự phòng trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông không ứng cử, đề cử hoặc ứng viên ứng cử, đề cử không đảm bảo đủ tiêu chuẩn và điều kiện
7	07/NQ-HĐQT	21/05/2018	Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và triển khai thực hiện phương án phát hành.
8	08/NQ-HĐQT	21/05/2018	Chủ trương cho vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Nam Bình Dương.
9	09/NQ-HĐQT	21/05/2018	Chủ trương cho vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Bình Dương.
10	10/NQ-HĐQT	21/05/2018	Chủ trương cho vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng MB – Chi nhánh Bình Dương
11	11/NQ-HĐQT	21/05/2018	<ul style="list-style-type: none"> Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT và các thành viên giúp việc cho các Tiểu ban thuộc HĐQT: 1. Tiểu ban Chính sách phát triển: <ul style="list-style-type: none"> Ông Võ Văn Lãnh - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD - Trưởng Tiểu ban Ông Trần Văn Bình - Thành viên HĐQT điều hành - Thành viên Ông Dương Văn Quốc - NV Phòng KD - Thành viên.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung được thông qua
11			2. Tiểu ban Nhân sự, lương thưởng và pháp lý: <ul style="list-style-type: none"> • Ông Nguyễn Lê Văn - Thành viên HĐQT độc lập - Trưởng Tiểu ban • Ông Thượng Văn Huyện - Thành viên HĐQT không điều hành - Thành viên • Ông Lê Thái Tú - NV Phòng NS - Thành viên. 3. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ: <ul style="list-style-type: none"> • Bà Lê Thị Quyết - Thành viên HĐQT độc lập - Trưởng Tiểu ban • Ông Thượng Văn Huyện - Thành viên HĐQT không điều hành - Thành viên • Ông Phan Huy Thuận - NV Phòng KD - Thành viên.
12	12/NQ-HĐQT	21/05/2018	Phân chia thù lao HĐQT, các Tiểu ban thuộc HĐQT và Người phụ trách quản trị công ty.
13	13/NQ-HĐQT	21/05/2018	Phê chuẩn bổ nhiệm lại Giám đốc Xí nghiệp Công bê tông đối với ông Huỳnh Ngọc Hùng, thời hạn bổ nhiệm là 03 (ba) năm, kể từ ngày 01/06/2018.
14	14/NQ-HĐQT	21/05/2018	<ul style="list-style-type: none"> • Sáp nhập Xí nghiệp Xây lắp và Phòng Đầu tư hiện tại thành Phòng Đầu tư Xây dựng. • Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Xí nghiệp Xây lắp tại địa chỉ số 9C Nguyễn Văn Tiêt, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.
15	15/NQ-HĐQT	21/05/2018	<ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo của TGD về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng 4/2018. • Hủy bỏ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty do hầu hết các nội dung của quy chế đã được quy định trong Luật Doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
16	16/NQ-HĐQT	10/07/2018	<ul style="list-style-type: none"> • Đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSD và niêm yết bổ sung với HOSE. • Thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: <ul style="list-style-type: none"> + Trước khi thay đổi: 136.639.920.000 đồng + Thay đổi: 13.661.530.000 đồng + Sau khi thay đổi: 150.301.450.000 đồng <p>Lý do thay đổi: Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 1.366.153 cổ phiếu.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thời điểm thay đổi vốn: Ngày 10/07/2018.
17	17/NQ-HĐQT	28/07/2018	Cho thôi nhiệm vụ thành viên giúp việc Tiểu ban Nhân sự thuộc HĐQT đối với ông Lê Thái Tú – Nhân viên Phòng Nhân sự kể từ 28/07/2018 theo nguyện vọng cá nhân

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung được thông qua
17	17/NQ-HĐQT	28/07/2018	Cho thôi nhiệm vụ thành viên giúp việc Tiểu ban Nhân sự thuộc HĐQT đối với ông Lê Thái Tú – Nhân viên Phòng Nhân sự kể từ 28/07/2018 theo nguyện vọng cá nhân
18	18/NQ-HĐQT	28/07/2018	Dự án đầu tư xây dựng Văn phòng Xí nghiệp Xây lắp tại khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn và khu phố Bình Thuận 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Tổng giá trị đầu tư 13.250.000.000 đồng.
19	19/NQ-HĐQT	20/08/2018	<ul style="list-style-type: none"> • Chấp thuận cho Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng bán tài sản thanh lý, mua tài sản thanh lý, mua sản phẩm với Công ty Cổ phần Miền Đông (MDC), tổ chức có liên quan đến người nội bộ của CIC3-2. • Ủy quyền cho Tổng Giám đốc công ty ký các hợp đồng, giao dịch giữa CIC3-2 và MDC và có trách nhiệm công bố thông tin, báo cáo theo quy định các hợp đồng, giao dịch phát sinh trong tương lai.
20	20/NQ-HĐQT	24/08/2018	Cho thôi nhiệm vụ thành viên giúp việc Tiểu ban Chính sách phát triển thuộc HĐQT đối với ông Dương Văn Quốc – Nhân viên Phòng Kinh doanh kể từ 24/8/2018 theo nguyện vọng cá nhân.
21	21/NQ-HĐQT	10/09/2018	<ul style="list-style-type: none"> • Chủ trương cho Công ty mua đất để xây dựng nhà máy sản xuất gạch không nung theo tờ trình số 517/TTr-CTY ngày 08/9/2018 của Tổng Giám đốc. • Giao cho Tổng Giám đốc công ty đàm phán, thương thảo để mua khu đất ở xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với diện tích 65.577,4m². Giá tối đa để mua khu đất trên là: 350.731 đồng/m².
22	22/NQ-HĐQT	23/10/2018	Quy chế Công bố thông tin tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2.
23	23/NQ-HĐQT	23/10/2018	Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tạm ứng cổ tức công ty đợt 1 năm 2018 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ thực hiện 12%/cổ phiếu.
24	24/NQ-HĐQT	27/12/2018	Kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) ước thực hiện năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
25	25/NQ-HĐQT	27/12/2018	<ul style="list-style-type: none"> • Tạm ứng 70% thù lao HĐQT, BKS, Người phụ trách QTCT và thành viên các Tiểu ban năm 2018. • Tạm ứng 70% quỹ thưởng Ban quản lý điều hành năm 2018.

STT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Thù lao	Lương + Thưởng
I. Hội đồng Quản trị				
1	Võ Văn Lành	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc	343.815.000	
2	Trần Văn Bình	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc	180.955.000	
3	Lê Thị Quyết	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	220.266.000	
4	Thượng Văn Huệ	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành	117.934.000	
5	Nguyễn Lê Văn	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	157.245.000	
6	Nguyễn Xuân Hiếu	Thành viên Hội đồng Quản trị điều hành	63.021.000	
7	Nguyễn Thế Phi	Thành viên Hội đồng Quản trị điều hành	63.021.000	
II. Ban Tổng giám đốc				
1	Võ Văn Lành	Tổng giám đốc		1.634.170.000
2	Trần Văn Bình	Phó Tổng giám đốc		1.170.498.000
3	Nguyễn Xuân Hiếu	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng Tài chính kế toán		1.057.544.000

Giao dịch giữa Công ty với người nội bộ

Không có giao dịch

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TGD CÓ CHỨNG CHỈ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
I. Hội đồng quản trị			
1	Võ Văn Lành	Chủ tịch HĐQT	
2	Trần Văn Bình	Thành viên HĐQT	
3	Lê Thị Quyết	Thành viên HĐQT	
II. Ban kiểm soát			
1	Phan Thị Thanh Xuân	Trưởng BKS	
2	Văn Hoàng Tùng	Thành viên BKS	
3	Phạm Thị Thùy Tiên	Thành viên BKS	
III. Ban Tổng giám đốc			
1	Võ Văn Lành	Tổng giám đốc	
2	Trần Văn Bình	Phó Tổng giám đốc	
3	Nguyễn Xuân Hiếu	Kế toán trưởng	
IV. Người được ủy quyền công bố thông tin			
1	Lữ Minh Quân	Người phụ trách quản trị công ty	



06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

“ CIC 3-2 VÌ MỘT TƯƠNG LAI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ”

Các chỉ tiêu về môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,..)

Công ty thực hiện đáp ứng đủ các yêu cầu về việc tiêu thụ nước, năng lượng.....Thực hiện tiết kiệm và thường xuyên tìm các giải pháp đầu tư thay thế các máy móc thiết bị đã cũ bằng các máy móc thiết bị mới tiết kiệm năng lượng sử dụng.

Công ty đáp ứng tương đối đầy đủ các chỉ tiêu về môi trường, tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của pháp luật về môi trường. Cụ thể:

- Tổng lượng nước sử dụng trong năm 2018 là: 125.867.558 đồng.
- Tổng lượng điện toàn Công ty sử dụng trong năm 2018 là: 7.802.024.922 đồng.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Công ty áp dụng công nghệ mới sử dụng đèn led thay thế đèn huỳnh quang hiệu quả đem lại giảm lượng điện tiêu thụ và chi phí đến 23%, nguyên nhân giảm như sau:

- Khi sử dụng ánh sáng phục vụ yêu cầu công việc, số lượng bóng đèn led được sử dụng tại các phòng ít hơn khi sử dụng bóng đèn huỳnh quang, chỉ sử dụng 70% số lượng bóng đèn.
- Bóng đèn 1m2 công suất đèn led 1 bóng là 18W, trong khi đó bóng đèn huỳnh quang là 36W (theo lý thuyết), giảm lượng điện sử dụng đến 50%.
- Ngoài hiệu quả tiết kiệm điện việc sử dụng đèn led còn mang lại hiệu quả tiết kiệm chi phí đầu tư và thay thế, ví dụ khi sử dụng đèn huỳnh quang phải cần có máng đèn, chuột, tăng phô và bóng đèn chi phí cao hơn sử dụng đèn led chỉ cần máng và bóng đèn.
- Lượng điện sử dụng tiết kiệm được 1.346 KWh hàng tháng.

Công ty không vi phạm bất cứ điều luật hay quy định gì về môi trường.



Sử dụng tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải nhà kính, ứng phó và thích ứng biến đổi khí hậu

- Khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, tái chế sử dụng lại nước thải để bảo dưỡng cống, tưới cây, xử lý bụi....
- Tiết kiệm điện năng thay thế các bóng đèn điện quang thành các bóng đèn led theo công nghệ hiện đại, tắt điện khi không có nhu cầu sử dụng, sử dụng các thiết bị điện có mức tiêu thụ điện năng thấp, tiết kiệm điện....
- Tìm kiếm các nguồn năng lượng tái tạo để sử dụng đốt lò hơi và năng lượng thay thế khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất kinh doanh nhằm giảm tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước tại Văn phòng Công ty là nước thủy cục do Xí nghiệp Cấp nước Thuận An cung cấp, bình quân 01 tháng sử dụng 8m³ nước.
- Ngoài ra sử dụng nước ngầm tại VP Cty, lượng nước sử dụng 01 ngày 03m³ nước.

Bảo vệ và sử dụng tài nguyên nước.

- Thực hiện xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải đảm bảo nước sau xử lý đạt theo Tiêu chuẩn Việt Nam, nước sau khi xử lý được tái sử dụng như phục vụ tưới cây, bảo dưỡng cống, tưới đường xử lý bụi...
- Các hoạt động khai thác và xả thải đều được nhà nước cấp phép thực hiện và được Công ty duy trì thực hiện đúng theo giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp.



Phòng ngừa ô nhiễm và khắc phục sự cố, cải thiện môi trường

- Bố trí nhân sự bán chuyên trách về công tác môi trường tại các đơn vị và thực hiện các phương án bảo vệ môi trường.
- Đầu tư các trang thiết bị phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại các đơn vị sản xuất như đầu tư các máy móc đạt chuẩn về môi trường với công nghệ mới, cải tiến các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống chống ồn...ở các khu vực sản xuất công bê tông..
- Đầu tư thêm các hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường, đạt tiêu chuẩn Việt Nam.
- Tăng cường các hoạt động kiểm soát, giảm thiểu, xử lý khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung, đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật môi trường, đạt TCVN.
- Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức BVMT cho cán bộ quản lý và người lao động như làm các ấn phẩm tuyên truyền, ra quân làm vệ sinh môi trường, chăm sóc cây trồng xung quanh khu vực sản xuất công, đá....

Bảo vệ môi trường không khí, bụi, tiếng ồn, độ rung

Tiếp tục thực hiện đầu tư các máy móc thiết bị sản xuất theo công nghệ hiện đại tại Xưởng Thanh Phước có các hệ thống xử lý bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường.

Nhằm hạn chế bụi trong khai thác đá, Công ty dùng xe chuyên dụng tưới nước hạn chế bụi trong khu vực mỏ và tuyến đường vận tải từ mỏ tới Công ty



Hệ thống chống ồn khi quarry công



Xe tưới đường tại Xí nghiệp đá



Hệ thống thu khói

Bảo vệ và sử dụng tài nguyên đất.

- Công ty tăng cường sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, đúng mục đích tài nguyên đất đã được nhà nước giao quản lý sử dụng như bố trí văn phòng, khu vực sản xuất và trồng cây xanh đúng mục đích.
- Thực hiện sản xuất các sản phẩm không có nguy cơ làm suy thoái tài nguyên đất, ngăn ngừa ô nhiễm đất bởi các chất thải nguy hại...

Bảo vệ và sử dụng tài nguyên khoáng sản

- Công ty xây dựng kế hoạch khai thác, chế biến khoáng sản một cách hợp lý có quy hoạch tổng thể và định rõ ràng sau khi kết thúc mỏ đá trong thời gian tới.
- Thực hiện tuân thủ các quy định về thăm dò, khai thác, chế biến, khoáng sản theo quy định pháp luật hiện hành.
- Thực hiện kỹ quỹ môi trường trong khai thác khoáng sản, đồng thời thực hiện hoàn nguyên môi trường theo cam kết ĐTM tại mỏ đá Tân Đông Hiệp sau khi kết thúc giấy phép khai thác vào cuối năm 2019.



Bảo vệ tài nguyên rừng, bảo vệ đa dạng sinh học

Công ty tiếp tục duy trì chăm sóc các mẫn cây xanh trồng xung quanh khu vực sản xuất công và khu vực sản xuất đá, đồng thời tiếp tục trồng thêm mẫn cây xanh tại khu vực xưởng bê tông Thanh Phước nhằm giảm thiểu bụi phát tán.



Tuân thủ pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường đảm bảo tính bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh

- Thực hiện đầy đủ các cam kết bảo vệ môi trường theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo từng lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường tại các đơn vị sản xuất theo cam kết đã được duyệt.
- Các hoạt động xả thải, khai thác nước ngầm đều phải có giấy phép của các cơ quan có thẩm quyền.
- Thực hiện quản lý nguồn thải nguy hại, các hoạt động thu gom rác thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt đều được tập hợp đúng nơi quy định, có hợp đồng thu gom rác thải với các đơn vị có đầy đủ chức năng và điều kiện hoạt động được cơ quan nhà nước công nhận.
- Thực hiện đóng phí bảo vệ môi trường đối với nước xả thải, nước thải ...theo quy định pháp luật.
- Quan trắc môi trường và đảm bảo kết quả quan trắc đạt chuẩn theo yêu cầu của Tiêu chuẩn Việt Nam.
- Báo cáo, công bố, cung cấp thông tin môi trường; thông kê, báo cáo môi trường theo quy định.

Hợp đồng lao động:

- Công ty duy trì và tuân thủ các quy định về ký kết hợp đồng lao động với người lao động như ký hợp đồng thử việc, xác định thời hạn, không xác định thời hạn ..., tuân thủ thời gian thử việc theo quy định pháp luật.
- Thực hiện chấm dứt hợp đồng đúng theo quy định pháp luật, đảm bảo thời gian báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định.
- Không giữ bản chính các giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của người lao động hoặc yêu cầu người lao động phải thực hiện các biện pháp đảm bảo bằng tiền hoặc tài sản khác cho việc thực hiện hợp đồng lao động.
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của người sử dụng lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động như trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm cho người lao động, trả sổ bảo hiểm...

Thực hiện chăm sóc sức khỏe và chế độ phúc lợi cho người lao động như:

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 01 năm 02 lần cho người lao động, khám bệnh nghề nghiệp, ký hợp đồng y tế với các đơn vị y tế hỗ trợ cấp cứu tại các đơn vị.
- Duy trì việc tổ chức thăm hỏi hiếu, hỉ, thăm hỏi thân nhân người lao động khi có hiếu sự.
- Hàng năm, thực hiện trao thưởng cho các em học sinh là con em của nhân viên đạt thành tích tốt trong học tập.
- Duy trì việc chi tiền nghỉ mát hàng năm cho nhân viên, tổ chức tham quan nghỉ dưỡng cho lao động đạt thành tích lao động tốt trong phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi được phát động từ đầu năm.



Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao tay nghề cho người lao động

Hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch đào tạo và đưa người lao động đi đào tạo các lớp nghiệp vụ, chuyên môn nhằm nâng cao kiến thức phục vụ cho hoạt động sản xuất tại doanh nghiệp.



Thực hiện xây dựng nội quy lao động và đăng ký với cơ quan quản lý lao động tại địa phương. Tuân thủ các quy tắc về trình tự thủ tục xử lý bồi thường thiệt hại và các quy định về xử lý kỷ luật lao động.



Tuân thủ các quy định về thời giờ làm việc, nghỉ ngơi ngày làm việc tám giờ, một tuần không qua 48 giờ...Thỏa thuận với người lao động làm việc thêm giờ vào các ngày Lễ, Tết và trả lương theo đúng quy định pháp luật lao động.



Công ty duy trì thực hiện xây dựng thang bảng lương, xây dựng định mức lao động, tuân thủ quy định về trả lương làm thêm giờ, làm việc ban đêm, trả lương đầy đủ và đúng hạn vào ngày 15 hàng tháng



Tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động, ngoài ra công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động có ký kết hợp đồng lao động với Công ty.



Tuân thủ mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội và thời gian đóng bảo hiểm xã hội không để nợ tiền bảo hiểm đối với cơ quan BHXH.



Duy trì việc thực hiện công tác dân chủ tại nơi làm việc và thực hiện các yêu cầu của Thỏa ước tập thể được ký kết. Duy trì thực hiện tốt đối thoại định kỳ 03 tháng 01 lần và tổ chức Hội nghị Người lao động vào đầu năm



Thực hiện đầy đủ các quy định về công tác an toàn vệ sinh lao động như bố trí người làm công tác an toàn vệ sinh lao động, thống kê, phân loại các lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, lao động làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, bồi dưỡng bằng hiện vật cho các lao động này. Thực hiện xây dựng kế hoạch, biện pháp đảm bảo an toàn lao động, các lao động được huấn luyện an toàn lao động định kỳ theo quy định, thực hiện trang cấp đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân, thực hiện điều tra tai nạn đúng theo quy định, xây dựng phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp....



Vấn đề trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng tham gia tích cực các hoạt động xã hội, từ thiện, phát triển cộng đồng, bảo vệ môi trường. Cụ thể:

- Hàng năm mọi cán bộ nhân viên Công ty đều tham gia cuộc vận động ủng hộ 2 ngày lương cho Quỹ Vì người nghèo, ủng hộ Quỹ cứu trợ đồng bào bị thiên tai bão lụt.
- Công ty duy trì thường xuyên hàng năm ủng hộ Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Bình Dương. Quỹ được thành lập nhằm hỗ trợ cho trẻ em học giỏi vượt khó, trao học bổng cho các học sinh nghèo, hiếu học Thị xã Thuận An.
- Cuối năm ủng hộ cho các tổ chức nhân đạo chăm lo tết cho trẻ em, người già, người tàn tật như: Trung tâm nhân đạo Quê Hương, Trung tâm Bảo trợ người già neo đơn Tỉnh, Trung tâm Bảo trợ xã hội Chánh Phú Hòa, Trung tâm dạy nghề người tàn tật tỉnh Bình Dương, Hội nạn nhân chất độc da cam. Hội Người mù tỉnh, Hội Người mù Bến Cát,...

Kết quả hàng năm Công ty đã ủng hộ trên 1.158 triệu đồng cho các tổ chức xã hội, từ thiện, nhân đạo và được UBND tỉnh tặng bằng khen các hoạt động này.

Các hoạt động từ thiện trong năm 2018

Ngày	Chi hỗ trợ	Số tiền
03/01/2018	CHI HỖ TRỢ HỌC BỔNG THẤP SÁNG ƯỚC MƠ TUỔI TRẺ THỦ DẦU MỘT NĂM 2016-2017-ĐOÀN KHỐI DN TỈNH BD-BAN CHẤP HÀNH TP. THỦ DẦU MỘT	25.000.000
15/01/2018	CHI HỖ TRỢ TẶNG QUÀ TẾT CÁC GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH NĂM 2018-UBND P.HÒA LỢI-BẾN CÁT-BD	20.000.00
16/01/2018	CHI HỖ TRỢ TẶNG QUÀ TẾT CÁC GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH NĂM 2018-VP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN T. BD	30.000.000
23/01/2018	CHI HỖ TRỢ CHĂM LO CÁC EM LỚP HỌC TÌNH THƯƠNG PHƯỜNG AN PHÚ NĂM 2018	6.000.000
26/01/2018	CHI HỖ TRỢ QUÀ TẾT CHO ĐOÀN VIÊN CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN -BCH ĐOÀN KHỐI DOANH NGHIỆP T.BD	5.000.000
26/01/2018	CK HỖ TRỢ QUỸ BẢO TRỢ TRẺ EM TỈNH BÌNH DƯƠNG	65.000.000
27/01/2018	CHI HỖ TRỢ TỔ CHỨC CA NHẠC GÂY QUỸ CHO TRẺ EM NGHÈO ĐÓN XUÂN 2018 -NHÀ THIẾU NHI TỈNH BÌNH DƯƠNG	9.000.000
30/01/2018	CHI HỖ TRỢ QUÀ TẾT 2018 CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÓ KHĂN- BCH ĐOÀN PHƯỜNG THẠNH PHƯỚC	10.000.000
31/01/2018	CHI HỖ TRỢ QUÀ TẾT HỘ DÂN KP TÂN AN NĂM 2018 - XN ĐÁ	176.000.000
01/02/2018	CHI HỖ TRỢ QUÀ TẾT CHO HỘI NGƯỜI MÙ BÀU BÀNG ĐÓN XUÂN NĂM 2018	10.000.000
07/02/2018	CHI HỖ TRỢ QUÀ TẾT CHO TRUNG TÂM DẠY NGHỀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT T.BD ĐÓN XUÂN NĂM 2018	15.000.000
07/02/2018	CHI HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐÓN XUÂN 2018-TỈNH HỘI NGƯỜI MÙ BÌNH DƯƠNG	15.000.000
07/02/2018	CHI HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐÓN XUÂN 2018-HỘI NGƯỜI MÙ TX THUẬN AN	10.000.000

Ngày	Chi hỗ trợ	Số tiền
08/02/2018	CHI HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐÓN XUÂN 2018-HỘI BẢO TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT TMC BNN TP. THỦ DẦU MỘT	15.000.000
13/02/2018	CHI HỖ TRỢ QUÀ TẾT NĂM 2018 TRUNG TÂM BẢO TRỢ XÃ HỘI-SỞ LĐ TBXH T. BÌNH DƯƠNG	80.000.000
13/04/2018	CHI HỖ TRỢ BCH HỘI NGƯỜI CAO TUỔI PHƯỜNG HÒA LỢI-TX.BẾN CÁT	15.000.000
08/02/2018	CHI HỖ TRỢ QUÀ TẾT CHO HỘI NGƯỜI MÙ THỊ XÃ BẾN CÁT ĐÓN XUÂN NĂM 2018	10.000.000
08/02/2018	CHI HỖ TRỢ QUÀ TẾT CHO HỘI BẢO TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT TMC BNN TX THUẬN AN ĐÓN XUÂN NĂM 2018	15.000.000
09/02/2018	CHI HỖ TRỢ QUÀ TẾT NĂM 2018 HỘI BẢO TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT-TRẺ MỒ CÔI VÀ BỆNH NHÂN NGHÈO T. BÌNH DƯƠNG	20.000.000
21/05/2018	CHI HỖ TRỢ PHÁT THƯỞNG HỌC SINH GIỎI TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN HÙNG VƯƠNG-LÝ HOÀNG PHƯƠNG	44.500.000
23/05/2018	CHI HỖ TRỢ HỌC BỔNG CHO HỌC SINH NGHÈO P. HƯNG ĐỊNH-BCH ĐOÀN KHỐI DOANH NGHIỆP T.BD	10.000.000
30/05/2018	CHI HỖ TRỢ TỔ CHỨC KỶ NIỆM 35 NĂM THÀNH LẬP NHÀ THIẾU NHI TỈNH BÌNH DƯƠNG	10.000.000
01/06/2018	CHI HỖ TRỢ HỌC BỔNG CHO HỌC SINH NGHÈO VƯỢT KHÓ-BAN CHẤP HÀNH ĐOÀN TP. THỦ DẦU MỘT	15.000.000
07/06/2018	CHI HỖ TRỢ HỘI NGƯỜI CAO TUỔI KHU KHỐ BÌNH HÒA, LÁI THIÊU	3.000.000
24/07/2018	CHI HỖ TRỢ TẶNG QUÀ GĐ CHÍNH SÁCH UBND PHƯỜNG HÒA LỢI-TX.BẾN CÁT	15.000.000
26/07/2018	CHI HỖ TRỢ GIA ĐÌNH CNV NGÀY THƯƠNG BINH LIỆT SĨ 27/07/2018-HỒ QUẾ PHƯƠNG	34.000.000
31/07/2018	CHI HỖ TRỢ QUỸ VÌ NGƯỜI NGHÈO XÃ LONG NGUYÊN	1.000.000
13/08/2018	CHI HỖ TRỢ GIA ĐÌNH CNV NGÀY THƯƠNG BINH LIỆT SĨ 27/07/2018-HỒ QUẾ PHƯƠNG	500.000
14/08/2018	CK HỖ TRỢ HỘI KHUYẾN HỌC THỊ XÃ THUẬN AN	58.500.000
18/09/2018	CHI HỖ TRỢ KINH PHÍ TUYÊN DƯƠNG CON CBCNV CÓ THÀNH TÍCH HỌC TẬP TỐT NĂM HỌC 2017-2018	48.400.000
21/09/2018	CK HỖ TRỢ QUỸ BẢO TRỢ TRẺ EM TỈNH BÌNH DƯƠNG	73.500.000
26/09/2018	CHI HỖ TRỢ GIA ĐÌNH CNV NHÂN KỶ NIỆM QUỐC TẾ NGƯỜI CAO TUỔI-HỒ QUẾ PHƯƠNG	44.000.000
28/11/2018	CHI HỖ TRỢ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM DIOX-IN TỈNH BÌNH DƯƠNG-TRẦN VĂN BÌNH	50.000.000
20/12/2018	CK HỖ TRỢ QUỸ VÌ NGƯỜI NGHÈO TỈNH BD NĂM 2018	200.000.000
TỔNG CỘNG		1.158.400.000

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(đã được kiểm toán)

A member of  International

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 38
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2 theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 21 tháng 04 năm 2008 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700146225 ngày 24 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 08 tháng 08 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiêt, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Lành	Chủ tịch	
Ông Trần Văn Bình	Ủy viên	
Ông Nguyễn Lê Văn	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Thượng Văn Huyện	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2018)
Bà Lê Thị Quyết	Ủy viên	
Ông Nguyễn Xuân Hiếu	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)
Ông Nguyễn Thế Phi	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2018)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Văn Lành	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2018 của Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2018, Công ty đã thay đổi mô hình quản trị Công ty sang áp dụng mô hình quản trị quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 134, Luật Doanh nghiệp 2014 gồm Đại Hội Đồng Cổ đông, Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị và miễn nhiệm Ban Kiểm Soát.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng

Bình Dương, ngày 25 tháng 01 năm 2019

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Võ Văn Lãnh



Số: 25/2019.002/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 được lập ngày 25 tháng 01 năm 2019, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2018-002-1

Kiểm toán viên



Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		407.136.317.593	393.966.307.882
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	38.972.280.405	51.147.987.411
111	1. Tiền		33.972.280.405	41.147.987.411
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	10.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	98.468.222.182	96.647.486.557
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		98.468.222.182	96.647.486.557
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		210.019.210.842	163.091.482.277
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	78.196.025.068	57.217.359.660
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	49.674.931.981	44.072.440.937
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	98.383.134.982	62.593.444.478
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(16.234.881.189)	(791.762.798)
140	IV. Hàng tồn kho	09	59.676.604.164	82.132.329.700
141	1. Hàng tồn kho		59.929.857.789	82.339.343.362
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(253.253.625)	(207.013.662)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	947.021.937
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	-	947.021.937
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		375.542.563.537	353.694.459.253
220	II. Tài sản cố định		156.908.280.346	160.937.774.738
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	114.105.485.592	117.125.030.650
222	- Nguyên giá		215.466.404.362	203.879.341.800
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(101.360.918.770)	(86.754.311.150)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	42.802.794.754	43.812.744.088
228	- Nguyên giá		79.414.887.427	79.202.887.427
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36.612.092.673)	(35.390.143.339)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	5.939.464.817	4.284.876.479
231	- Nguyên giá		8.331.392.116	4.823.833.632
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.391.927.299)	(538.957.153)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		17.872.494.298	6.634.747.405
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	17.872.494.298	6.634.747.405
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	126.060.788.737	119.432.983.970
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		91.233.200.663	89.067.963.688
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		30.365.020.282	30.365.020.282
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(37.432.208)	-
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.500.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		68.761.535.339	62.404.076.661
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	66.587.716.793	60.230.258.115
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34	2.173.818.546	2.173.818.546
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		782.678.881.130	747.660.767.135

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		291.091.231.346	307.670.709.037
310	I. Nợ ngắn hạn		249.280.403.346	267.676.461.037
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	26.982.313.337	24.826.995.700
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	22.204.400.688	32.186.398.938
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	18.956.647.133	21.051.105.064
314	4. Phải trả người lao động		12.687.484.518	11.224.219.797
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	24.844.132.013	11.429.129.573
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	9.885.132.543	9.331.151.131
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	122.333.198.803	146.721.355.858
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	94.827.498	252.644.965
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		11.292.266.813	10.653.460.011
330	II. Nợ dài hạn		41.810.828.000	39.994.248.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	41.810.828.000	39.994.248.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		491.587.649.784	439.990.058.098
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	491.587.649.784	439.990.058.098
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.301.450.000	136.639.920.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.301.450.000	136.639.920.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.190.000.000	2.190.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		130.069.054.885	105.322.664.416
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		209.027.144.899	195.837.473.682
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		134.617.031.950	120.580.966.047
421b	LNST chưa phân phối năm nay		74.410.112.949	75.256.507.635
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		782.678.881.130	747.660.767.135

Bình Dương, ngày 25 tháng 01 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Việt Cường



Nguyễn Xuân Hiếu




Võ Văn Lành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	722.333.337.591	560.103.641.852
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	-	357.632.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		722.333.337.591	559.746.009.852
11	4. Giá vốn hàng bán	26	552.523.724.247	418.737.869.696
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		169.809.613.344	141.008.140.156
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	11.690.947.964	11.746.687.853
22	7. Chi phí tài chính	28	7.986.225.401	6.526.460.217
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.934.858.980	6.514.592.185
25	8. Chi phí bán hàng	29	23.828.310.385	15.346.437.713
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	35.616.207.647	17.227.682.011
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		114.069.817.875	113.654.248.068
31	11. Thu nhập khác	31	1.261.062.197	1.161.681.352
32	12. Chi phí khác	32	187.354.252	140.475.163
40	13. Lợi nhuận khác		1.073.707.945	1.021.206.189
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		115.143.525.820	114.675.454.257
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	22.697.238.871	23.022.156.222
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		92.446.286.949	91.653.298.035
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	6.151	6.143

Bình Dương, ngày 25 tháng 01 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Việt Cường

Nguyễn Xuân Hiếu

Võ Văn Lành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		670.328.022.761	639.016.812.801
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(431.249.878.929)	(446.912.981.725)	
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(56.291.741.123)	(59.061.516.715)	
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(9.342.394.633)	(6.514.592.185)	
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(24.569.511.177)	(23.576.547.382)	
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.101.547.226	1.402.666.933	
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(78.687.348.120)	(60.326.485.027)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		71.288.696.005	44.027.356.700
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(29.890.000.778)	(65.713.762.852)	
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	883.636.364	-	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(10.539.894.258)	(13.952.533.501)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	4.219.158.633	40.400.750.069	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(5.286.400.000)	(98.839.636.725)	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	7.429.359.830	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	14.740.667.203	11.872.453.011	
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(25.872.832.836)	(118.803.370.168)	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	4.430.000.000	
33	2. Tiền thu từ đi vay	408.974.441.058	288.820.431.570	
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	(431.546.018.113)	(164.784.934.213)	
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(35.019.993.120)	(29.238.482.440)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(57.591.570.175)	99.227.014.917	
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(12.175.707.006)	24.451.001.449	
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	51.147.987.411	26.696.985.962	
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	38.972.280.405	51.147.987.411

Bình Dương, ngày 25 tháng 01 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Việt Cường

Nguyễn Xuân Hiếu

Võ Văn Lành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

1 THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Đầu tư Xây dựng 3-2 theo Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 21 tháng 04 năm 2008 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700146225 ngày 24 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 08 tháng 08 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.301.450.000 VND tương đương với 15.030.145 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng dân dụng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Kinh doanh bất động sản; cho thuê đất; văn phòng; nhà xưởng (thực hiện theo quy hoạch);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ môi giới bất động sản, môi giới chứng khoán, môi giới kết hôn có yếu tố nước ngoài, môi giới nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; sản xuất gạch, ngói (theo công nghệ Tuynel);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt trang thiết bị: bảo vệ, báo động; hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét cho các công trình xây
- Hoạt động kho bãi (trừ than đá, phế liệu, hóa chất);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất, đất sét (chỉ được khai thác khi có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền);
- Chế biến đá;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại, đấu giá tài sản;
- Tư vấn công trình (trừ thiết kế công trình);
- Hoạt động trung gian tiền tệ khác: góp vốn, mua cổ phần.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã sáp nhập Xí nghiệp Xây lắp và Phòng Đầu tư, chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 Xí nghiệp Xây lắp.

Công ty cũng đã phát hành 1.366.153 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối và mua 413.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Miền Đông.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Xí nghiệp Đá xây dựng	Số 635/1A QL 1K, khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Khai thác, chế biến đá
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 - Xí nghiệp Công bê tông	Số 6, đường đôi 16, Khu phố Cây Sần xuất và kinh doanh Công bê tông ly Chàm, Phường Thạnh Phước, Thị Xã Tân Uyên, Bình Dương	Công bê tông ly

Thông tin về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Đối với hoạt động xây lắp: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.
- Đối với hoạt động sản xuất cơ khí và công bê tông: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	48 - 50 năm
- Phần mềm	03 - 08 năm

2.10 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao của nhà cửa, vật kiến trúc được ước tính là 15 năm.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thuê đất ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm tài chính được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm. Dự phòng bảo hành công trình xây lắp được trích với tỷ lệ 0,19% đối với công trình dân dụng và 0,45% đối với công trình hạ tầng căn cứ theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tỷ lệ sửa chữa bảo hành thực tế.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Thông tin bộ phận

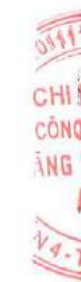
Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1.202.940.945	1.421.412.309
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.769.339.460	39.726.575.102
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	10.000.000.000
	38.972.280.405	51.147.987.411

(*) Tại ngày 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương với lãi suất 4,1%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	98.468.222.182	98.468.222.182	96.647.486.557	96.647.486.557
Đầu tư dài hạn				
- Trái phiếu (**)	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-
	102.968.222.182	102.968.222.182	96.647.486.557	96.647.486.557

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 98,468 tỷ VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 6,4%/năm đến 6,5%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 93,886 tỷ VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương (xem chi tiết tại Thuyết minh 17).

(**) Số lượng trái phiếu do Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương phát hành, bao gồm 252 trái phiếu kỳ hạn 07 năm có giá trị 2.520.000.000 đồng và 198 trái phiếu kỳ hạn 10 năm có giá trị là 1.980.000.000 đồng.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Mã chứng khoán	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức Long An	91.233.200.663	35.821.800.000	(37.432.208)	89.067.963.688
- Công ty Cổ phần Miền Đông (*)	35.859.232.208	35.821.800.000	(37.432.208)	33.693.995.233
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương	30.365.020.282	40.657.052.000	-	30.365.020.282
- Công ty Cổ phần Hóa An	200.887.800	200.887.800	-	200.887.800
	121.598.220.945	76.478.852.000	(37.432.208)	119.432.983.970
				80.442.698.500

17



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Miền Đông và Công ty Cổ phần Hóa An được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2018 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức Long An và Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Lý do thay đổi số dư của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Miền Đông như sau:

- Trong năm, Công ty đã mua thêm 413.000 cổ phần, tương đương với mệnh giá là 4.130.000.000 đồng, giá phí của khoản đầu tư thêm này là 5.286.400.000 đồng;
- Điều chỉnh giảm giá gốc khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Miền Đông với giá trị 3.121.163.025 đồng do nhận được cổ tức năm 2017, trước thời điểm Công ty đầu tư vào đơn vị này.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào Công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức Long An	Tỉnh Long An	24,16%	24,16%	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm, cấu kiện bê tông cốt thép
- Công ty Cổ phần Miền Đông	Tỉnh Đồng Nai	28,91%	28,91%	Khai thác khoáng sản, xây lắp
Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:				
Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	3,91%	3,91%	Tư vấn quản lý, hoạt động thiết kế chuyên dụng
- Công ty Cổ phần Hóa An	Tỉnh Đồng Nai	8,94%	8,94%	Khai thác khoáng sản, xây lắp

18



5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 14	3.987.609.955	-	6.759.426.459	-
- Ban quản lý dự án huyện Dầu Tiếng	8.010.167.547	-	6.798.320.587	-
- Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	4.348.685.450	-	4.883.209.328	-
- Ban quản lý dự án huyện Bàu Bàng	10.107.316.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Hải Đăng	4.999.861.979	-	4.939.385.992	-
- Các khoản phải khác	46.742.384.137	(872.381.189)	33.837.017.294	(791.762.798)
	78.196.025.068	(872.381.189)	57.217.359.660	(791.762.798)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ông Trần Hữu Nghĩa (*)	30.725.000.000	(15.362.500.000)	30.725.000.000	-
Hợp tác xã Phúc Tài	-	-	8.723.052.669	-
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thương mại Phú Đông Phát	3.795.296.583	-	-	-
PRINZING-PFEIFFER GMBH	2.700.000.000	-	-	-
Khách hàng khác	12.454.635.398	-	4.624.388.268	-
	49.674.931.981	(15.362.500.000)	44.072.440.937	-

(*) Khoản trả trước để thực hiện giao dịch kinh tế giữa Ông Trần Hữu Nghĩa và Công ty CP Đầu tư Xây dựng 3-2 theo hợp đồng mua bán ký ngày 29/05/2017 và phụ lục hợp đồng ngày 31/12/2018. Tiến độ theo nghĩa vụ thực hiện các bên trong điều khoản của hợp đồng hiện nay đang phụ thuộc vào tiến độ giải quyết của Tòa Án Nhân Dân Tỉnh Long An do Ông Trần Hữu Nghĩa đang xảy tranh chấp với một bên thứ ba. Hiện tại Tòa Án đang thụ lý và chưa có phán quyết về vụ việc này.

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về tạm ứng (*)	35.710.597.993	-	53.002.608.212	-
- Ký cược, ký quỹ	13.288.450.977	-	6.005.765.454	-
- Phải thu theo hợp đồng ủy thác đầu tư (**)	45.740.710.067	-	-	-
- Phải thu bảo hiểm xã hội	3.952.875	-	-	-
- Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn	3.616.059.268	-	3.544.615.482	-
- Phải thu thuế thu nhập cá nhân	-	-	23.095.150	-
- Phải thu khác	23.363.802	-	17.360.180	-
	98.383.134.982	-	62.593.444.478	-

(*) Trong số dư phải thu về tạm ứng tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm các khoản tạm ứng cho các cá nhân với số tiền 9,8 tỷ đồng để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mở rộng hoạt động khai thác khoáng sản theo Nghị Quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 03/09/2010.

(**) Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (Bên A) và Ông Lê Ngọc Đệ (Bên B) đã ký Hợp đồng ủy thác đầu tư chứng khoán số 04A/4/HĐ ngày 20/04/2018. Theo đó, Bên A đồng ý chuyển tiền vốn vào tài khoản của Bên B để triển khai ủy thác đầu tư theo cầu của Bên B và được Bên A phê duyệt với hạn mức không vượt quá 100 tỷ đồng, thời hạn của hợp đồng hợp tác đầu tư là 01 năm, lợi nhuận từ việc hợp tác đầu tư này sẽ được hai bên thống nhất bằng văn bản phân chia khi kết thúc hợp đồng. Tại thời điểm 31/12/2018, số tiền ủy thác đầu tư của Bên A theo hợp đồng đã ký giữa hai bên là 45,740 tỷ đồng, giá trị danh mục cổ phiếu niêm yết tại ngày 31/12/2018 với số tiền 45,887 tỷ đồng được Công ty Cổ phần Chứng khoán Yuanta Việt Nam phong tỏa để đảm bảo cho việc ủy thác đầu tư.

8 . NỢ XÁU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Ông Trần Hữu Nghĩa	30.725.000.000	15.362.500.000	-	-
+ Công ty TNHH Quang Phước	264.782.117	-	264.782.117	-
+ DNTN Xuân Loan	200.366.498	-	-	-
+ Đối tượng khác	499.186.006	91.953.432	567.030.073	40.049.392
	31.689.334.621	15.454.453.432	831.812.190	40.049.392

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.059.350.191	(22.363.264)	12.496.664.835	(22.667.393)
Công cụ, dụng cụ	505.359.795	-	497.723.431	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	9.858.718.145	-	31.222.333.312	-
Thành phẩm	33.534.837.516	(230.890.361)	38.122.621.784	(184.346.269)
Hàng hoá	1.971.592.142	-	-	-
	59.929.857.789	(253.253.625)	82.339.343.362	(207.013.662)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí dở dang của hoạt động sản xuất	869.216.378	6.434.518.934
Chi phí dở dang công trình xây lắp	8.989.501.767	24.787.814.378
+ Công trình hạ tầng Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành tài chính tại TP. Hồ Chí Minh	5.293.733.494	9.058.408.907
+ Công trình đường 8B - Khu công nghiệp quốc tế Protrade	-	6.652.122.797
+ Trường THCS Minh Hòa	-	1.951.083.479
+ Công trình Trường THCS Tân Đông Hiệp	1.459.136.332	-
+ Các công trình khác	2.236.631.941	7.126.199.195
	9.858.718.145	31.222.333.312

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Công trình Xưởng bê tông Thanh Phước - Giai đoạn 2 ⁽¹⁾	7.183.192.757	6.590.611.880
- Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ⁽²⁾	7.450.513.026	-
- Công trình khác	3.238.788.515	44.135.525
	17.872.494.298	6.634.747.405

⁽¹⁾ Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất công bê tông đúc sẵn và gạch không nung các loại tại Phường Thanh Phước, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương đã được Hội Đồng Quản Trị của Công ty thông qua theo Nghị Quyết số 13/NQ-HĐQT ngày 13/08/2016. Căn cứ Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 11/04/2016, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương đã chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của Công ty. Một số thông tin liên quan đến dự án như sau:

- + Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2;
- + Mục tiêu của dự án: Sản xuất gạch không nung, công bê tông các loại, gạch terrazzo, gạch bê tông tự chèn và gạch block bê tông;
- + Tổng vốn đầu tư: 151,788 tỷ đồng;
- + Công suất tối đa: công bê tông các loại 50.000 cái/năm; sản phẩm cấu kiện bê tông khác 2.200 m³/năm; Gạch không nung các loại 18,5 triệu viên/năm;
- + Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm. Giai đoạn 1 của dự án đã đưa vào hoạt động sản xuất trong quý 4 năm 2017, giai đoạn 2 dự kiến hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2019.

⁽²⁾ Dự án đầu tư Xây dựng Văn phòng Xí nghiệp Xây Lắp tại Khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn và Khu phố Bình Chuẩn 1, phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 69/QĐ-CTY ngày 31/07/2018. Một số thông tin liên quan đến dự án như sau:

- + Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2;
- + Diện tích: 2.052,3 m²;
- + Mục tiêu của dự án: Xây dựng văn phòng Xí nghiệp Xây Lắp;
- + Tổng vốn đầu tư: 13.250.000.000 đồng;
- + Thời gian thực hiện dự án: Dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2019.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	44.579.072.070	108.702.748.634	49.235.445.280	1.362.075.816	203.879.341.800
- Mua trong năm	-	3.087.471.218	3.187.910.370	100.900.000	6.376.281.588
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	11.408.009.658	522.149.711	-	-	11.930.159.369
- Phân loại lại	-	140.000.000	(140.000.000)	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.373.745.556)	-	-	-	(3.373.745.556)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(319.677.636)	(3.025.955.203)	-	(3.345.632.839)
Số dư cuối năm	52.613.336.172	112.132.691.927	49.257.400.447	1.462.975.816	215.466.404.362
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	12.757.011.505	49.915.827.063	22.972.721.734	1.108.750.848	86.754.311.150
- Khấu hao trong năm	3.727.091.249	9.023.266.559	5.810.591.105	128.831.347	18.689.780.260
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.419.354.621)	-	-	-	(1.419.354.621)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(225.177.609)	(2.438.640.410)	-	(2.663.818.019)
Số dư cuối năm	15.064.748.133	58.713.916.013	26.344.672.429	1.237.582.195	101.360.918.770
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	31.822.060.565	58.786.921.571	26.262.723.546	253.324.968	117.125.030.650
Tại ngày cuối năm	37.548.588.039	53.418.775.914	22.912.728.018	225.393.621	114.105.485.592

Trong đó

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 75.771.864.341 đồng;

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	78.581.967.427	620.920.000	79.202.887.427
- Mua trong năm	-	212.000.000	212.000.000
Số dư cuối năm	78.581.967.427	832.920.000	79.414.887.427
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	34.905.620.789	484.522.550	35.390.143.339
- Khấu hao trong năm	1.079.346.204	142.603.130	1.221.949.334
Số dư cuối năm	35.984.966.993	627.125.680	36.612.092.673
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	43.676.346.638	136.397.450	43.812.744.088
Tại ngày cuối năm	42.597.000.434	205.794.320	42.802.794.754

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 16.261.466.212 đồng.

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư tại thời điểm 31/12/2018 đang được sử dụng để cho thuê bao gồm Trường mẫu giáo An Phú và các kios cho thuê tại Khu dân cư Nguyễn Văn Tiết với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2018 là 8.331.392.116 đồng và 2.391.927.299 đồng.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.633.126.033	3.997.932.869
- Chi phí sửa chữa xe, nhà kho Xí nghiệp Xây lắp	-	189.495.727
- Quyền sử dụng đất thuê Thanh Phước (*) + Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất + Chi phí thuê đất trả tiền một lần	48.643.232.491 42.708.824.371 5.934.408.120	49.669.100.311 43.609.537.711 6.059.562.600
- Tiền thuê đất trả một lần	6.629.962.814	5.578.252.468
- Chi phí sửa chữa tài sản	1.421.839.878	795.476.740
- Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	3.696.430.948	-
- Chi phí thăm dò khai thác khoáng sản	1.563.124.629	-
	66.587.716.793	60.230.258.115

(*) Giá trị Quyền sử dụng đất để triển khai thực hiện dự án Xưởng bê tông Thanh Phước, khu đất nhận chuyển nhượng với diện tích 45.161,7 m² tại Phường Thanh Phước, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 621056 ngày 15/07/2016. Trong đó, giá trị nhận chuyển nhượng là 45,161 tỷ đồng và chi phí thuê đất trả tiền một lần là 6,216 tỷ đồng, thời hạn sử dụng đất đến ngày 03/06/2066 theo Quyết định số 2583/QĐ-UBND ngày 30/09/2016 của Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Bình Dương về việc cho phép Công ty CP Đầu tư Xây dựng 3-2 chuyển từ hình thức Nhà Nước cho thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị Quyền sử dụng đất này được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (xem chi tiết tại Thuyết minh số 17).

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Anh Khoa - Chi nhánh Gia Lai	1.114.781.000	1.114.781.000	1.651.415.565	1.651.415.565
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Hoàng Hùng	-	-	1.571.829.280	1.571.829.280
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phước Tiến	4.019.612.036	4.019.612.036	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại và Sản xuất Thép Việt	2.849.757.305	2.849.757.305	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	18.998.162.996	18.998.162.996	21.603.750.855	21.603.750.855
	26.982.313.337	26.982.313.337	24.826.995.700	24.826.995.700

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2
Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

16 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Bình Dương - Vay thấu chi	24.739.853.787	24.739.853.787	63.539.853.787	88.279.707.574	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Bình Dương ⁽¹⁾	114.877.742.071	114.877.742.071	334.063.597.271	334.888.212.539	114.053.126.803	114.053.126.803
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽²⁾	7.103.760.000	7.103.760.000	8.378.098.000	7.201.786.000	8.280.072.000	8.280.072.000
	146.721.355.858	146.721.355.858	405.981.549.058	430.369.706.113	122.333.198.803	122.333.198.803
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽²⁾	47.098.008.000	47.098.008.000	11.370.990.000	8.378.098.000	50.090.900.000	50.090.900.000
	47.098.008.000	47.098.008.000	11.370.990.000	8.378.098.000	50.090.900.000	50.090.900.000
	(7.103.760.000)	(7.103.760.000)	(8.378.098.000)	(7.201.786.000)	(8.280.072.000)	(8.280.072.000)
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	39.994.248.000	39.994.248.000			41.810.828.000	41.810.828.000
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng						

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiếu, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng số 045/2018/87982/HETD ngày 18/04/2018 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 400 tỷ VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh;
- Thời hạn vay: 12 tháng;
- Lãi suất vay: theo từng kế ước nhân nợ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Số dư tiền gửi 13 tỷ đồng theo hợp đồng cầm cố tiền gửi và quyền sử dụng đất số AP 93.4448 tại xã Long Nguyễn, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, tổng giá trị 22,7 tỷ đồng theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 0154/2016/87982/HBĐĐ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 114.053.126.803 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn:

(2) Số dư tại ngày 31/12/2018 bao gồm các hợp đồng sau:

(2.1) Hợp đồng tín dụng số 16.52.077/2016-HETD/NHCT640-CTCP DAU TU XAY DUNG 3-2 ngày 20/06/2016 với các điều khoản như sau:

- Hạn mức tín dụng: 8.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bù đắp chi phí đầu tư 06 phương tiện vận tải phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn vay: 60 tháng;
- Lãi suất: 8% cho năm đầu tiên, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất 10,5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng Quyền sử dụng đất số T313585 theo hợp đồng thế chấp số 09610202/HETC ngày 30/12/2009, giá trị tài sản đảm bảo theo Biên bản định giá lại số 02/BBĐGL ngày 19/12/2016 là 21.079.000.000 đồng;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 4.010.000.000 đồng, số nợ gốc phải trả trong năm 2019 là 1.596.000.000 đồng.

(2.2) Hợp đồng tín dụng số 16.51.0160/2016-HETD/NHCT640-CTCP DAU TU XAY DUNG 3-2 ngày 17/10/2016 với các điều khoản như sau:

- Hạn mức tín dụng: 1.698.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bù đắp chi phí đầu tư 01 xe ô tô đầu kéo và 01 xe sơ mi romooc tải;
- Thời hạn vay: 60 tháng;
- Lãi suất: 7,5% cho năm đầu tiên, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất 10,5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng các tài sản như sau:
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng Quyền sử dụng đất số T313585 theo hợp đồng thế chấp số 09610202/HETC ngày 30/12/2009, giá trị tài sản đảm bảo theo Biên bản định giá lại số 02/BBĐGL ngày 19/12/2016 là 21.079.000.000 đồng;
- + Số dư tiền gửi 3,5 tỷ đồng theo hợp đồng thế chấp số 16.51.0070/HETC ngày 06/04/2016, Số dư tiền gửi 8 tỷ đồng theo hợp đồng thế chấp số 16.51.0151/HETC ngày 29/06/2016;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 962.200.000 đồng, số nợ gốc phải trả trong năm 2019 là 339.600.000 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiếu, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(2.3) Hợp đồng tín dụng số 16.51.0160/2016-HETD/NHCT640-CTCP DAU TU XAY DUNG 3-2 ngày 27/12/2016 với các điều khoản như sau:

- Hạn mức tín dụng: 8.362.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bù đắp chi phí đầu tư 02 xe ô tô tải tự đổ và 01 máy hàn bán tự động lồng thép;
- Thời hạn vay: 60 tháng;
- Lãi suất: 7,5% cho năm đầu tiên, các năm tiếp theo áp dụng lãi suất 10,5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng Quyền sử dụng đất số T313585 theo hợp đồng thế chấp số 09610202/HETC ngày 30/12/2009, giá trị tài sản đảm bảo theo Biên bản định giá lại số 02/BBĐGL ngày 19/12/2016 là 21.079.000.000 đồng;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 5.017.120.000 đồng, số nợ gốc phải trả trong năm 2019 là 1.672.440.000 đồng.

(2.4) Hợp đồng cho vay số 17.510090/2017-HBCVDADT/NHCT640-CTCP ĐẦU TƯ XAY DUNG 3-2 ngày 03/07/2017 với các điều khoản như sau:

- Hạn mức tín dụng: 91.305.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất gạch không nung các loại và công bê tông đúc sẵn tại phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Thời hạn vay: 120 tháng;
- Lãi suất: 7,5% cho năm đầu tiên, lãi suất cho các năm còn lại bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của NHCT+biên độ 2,8%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của nhà máy sản xuất gạch không nung các loại và công bê tông đúc sẵn tại phường Thạnh Phước, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 40.101.580.000 đồng, số nợ gốc phải trả trong năm 2019 là 4.672.032.000 đồng.

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2
Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bàu Bàng	-	24.293.262.000
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Thành phố Thủ Dầu Một	15.793.512.000	-
- Các đối tượng khác	6.410.888.688	7.893.136.938
	<u>22.204.400.688</u>	<u>32.186.398.938</u>

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	2.842.260.961	27.770.697.409	28.571.555.888	-	2.041.402.482
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.758.336.733	22.697.238.871	24.569.511.177	-	4.886.064.427
- Thuế thu nhập cá nhân	165.993.273	3.403.300.337	3.531.372.735	-	37.920.875
- Thuế tài nguyên	947.021.937	13.389.792.063	11.599.035.826	-	843.734.300
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	1.195.275.100	1.195.275.100	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường	-	78.237.067	78.237.067	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.284.514.097	8.312.249.871	8.449.238.919	-	11.147.525.049
	<u>947.021.937</u>	<u>76.846.790.718</u>	<u>77.994.226.712</u>	<u>-</u>	<u>18.956.647.131</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Trích trước chi phí công trình xây lắp	16.747.206.585	7.278.497.534
- Chi phí phục hồi môi trường mỏ đá	4.250.308.734	4.050.632.039
- Chi phí thuê đất	1.026.852.420	-
- Trích trước chi phí hỗ trợ địa phương tại mỏ đá Tân Đông Hiệp	1.958.204.000	-
- Chi phí phải trả khác	861.560.274	100.000.000
	<u>24.844.132.013</u>	<u>11.429.129.573</u>

20 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	100.014.220	111.706.740
- Bảo hiểm xã hội	-	14.083.133
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	28.482.395	615.511.115
- Phải trả tiền tạm giữ bảo hành của các đội thi công, thầu phụ	9.088.381.410	6.796.421.832
- Phải trả tiền thù lao Hội đồng quản trị	-	1.374.000.000
- Lãi vay phải trả	-	200.254.361
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	668.254.518	219.173.950
	<u>9.885.132.543</u>	<u>9.331.151.131</u>

21 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	94.827.498	252.644.965
	<u>94.827.498</u>	<u>252.644.965</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2

Số 45A, đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Số dư đầu năm trước	112.000.000.000	-	-	-	102.524.405.374	-	165.752.006.322	-	380.276.411.696	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	91.653.298.035	-	91.653.298.035	-
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	25.198.179.042	-	(25.198.179.042)	-	-	-
Phát hành cổ phiếu ESOP 2017	2.240.000.000	-	2.190.000.000	-	-	-	-	-	4.430.000.000	-
Phát hành cổ phiếu thưởng 2017	22.399.920.000	-	-	-	(22.399.920.000)	-	-	-	-	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-	(13.440.000.000)	-	(13.440.000.000)	-
Tạm ứng cổ tức năm 2017	-	-	-	-	-	-	(16.396.790.400)	-	(16.396.790.400)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.666.329.452)	-	(4.666.329.452)	-
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(1.866.531.781)	-	(1.866.531.781)	-
Chia cổ tức đợt 2 từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tạm ứng cổ tức năm 2018 (**)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	136.639.920.000	-	2.190.000.000	-	105.322.664.416	-	195.837.473.682	-	439.990.058.098	-
Số dư đầu năm nay	136.639.920.000	-	2.190.000.000	-	105.322.664.416	-	195.837.473.682	-	439.990.058.098	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	92.446.286.949	-	92.446.286.949	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	24.746.390.469	-	(24.746.390.469)	-	-	-
Tăng vốn trong năm (*)	13.661.530.000	-	-	-	-	-	(13.661.530.000)	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.582.664.902)	-	(4.582.664.902)	-
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(1.833.065.961)	-	(1.833.065.961)	-
Chia cổ tức đợt 2 từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	-	-	-	(16.396.790.400)	-	(16.396.790.400)	-
Tạm ứng cổ tức năm 2018 (**)	-	-	-	-	-	-	(18.036.174.000)	-	(18.036.174.000)	-
Số dư cuối năm nay	150.301.450.000	-	2.190.000.000	-	130.069.054.885	-	209.027.144.899	-	491.587.649.784	-

(*) Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCD ngày 26/04/2018 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ như sau:

- + Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 1.366.153 cổ phiếu tương ứng với số vốn điều lệ tăng thêm là 13.661.530.000 đồng;
- + Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu từ nguồn Lợi nhuận chưa phân phối để bổ sung nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Đối tượng được phân phối: cổ đông hiện hữu;
- + Thời điểm hoàn thành việc tăng vốn: ngày 29/06/2018.



Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCD ngày 26 tháng 04 năm 2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2017	100,00	195.837.473.682
Trích Quỹ đầu tư phát triển	12,64	24.746.390.469
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2,34	4.582.664.902
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	0,94	1.833.065.961
Chi trả cổ tức 24%/vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.400 đồng)		32.793.580.800
- Đã tạm ứng cổ tức trong năm trước		16.396.790.400
- Chia 12% còn lại trong năm nay	8,37	16.396.790.400
Tăng vốn từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối	6,98	13.661.530.000
Lợi nhuận còn lại năm 2017 chưa phân phối	68,74	134.617.031.950

(**) Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐQT ngày 23/10/2018 của Hội đồng Quản trị.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND
- America LLC	6,82	10.243.370.000	6,77	9.251.160.000
- PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	7,33	11.018.480.000	5,41	7.396.800.000
- PETER ERIC DENNIS	8,13	12.220.640.000	7,91	10.809.680.000
- Cổ đông khác	77,72	116.818.960.000	79,91	109.182.280.000
	100,00	150.301.450.000	100,00	136.639.920.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018		Năm 2017	
	VND		VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu				
- Vốn góp đầu năm	136.639.920.000		112.000.000.000	
- Vốn góp tăng trong năm	13.661.530.000		24.639.920.000	
- Vốn góp cuối năm	150.301.450.000		136.639.920.000	
Cổ tức, lợi nhuận:				
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	615.511.115		17.203.155	
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	34.432.964.400		29.836.790.400	
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	16.396.790.400		13.440.000.000	
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	18.036.174.000		16.396.790.400	
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	35.019.993.120		29.238.482.440	
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	16.396.790.400		29.238.482.440	
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	18.623.202.720		-	
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	28.482.395		615.511.115	

d) Cổ phiếu	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.030.145	13.663.992
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	15.030.145	13.663.992
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	15.030.145	13.663.992
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.		
e) Các quỹ của công ty	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	130.069.054.885	105.322.664.416
	130.069.054.885	105.322.664.416

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương để sử dụng với mục đích làm xí nghiệp sản xuất. Diện tích khu đất thuê là 168.488 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Công ty TNHH Xây dựng Văn Hải	484.735.894	484.735.894
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Sắt thép Tiến Phát	660.504.913	660.504.913
- Các đối tượng khác	1.149.413.384	1.149.413.384
	2.294.654.191	2.294.654.191

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	476.806.561.852	370.527.734.260
Doanh thu bán hàng hóa	70.159.001.218	76.459.172.892
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.343.437.245	3.808.216.412
Doanh thu kinh doanh bất động sản	938.953.017	746.254.533
Doanh thu hợp đồng xây dựng	172.085.384.259	108.562.263.755
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm	172.085.384.259	108.562.263.755
- Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính	449.814.440.355	421.162.410.816
	722.333.337.591	560.103.641.852

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
- Hàng bán bị trả lại	-	357.632.000
	-	357.632.000

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	320.052.607.883	230.364.415.862
Giá vốn của hàng hóa đã bán	64.869.852.527	71.698.578.519
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.656.526.001	3.725.483.570
Giá vốn kinh doanh bất động sản	433.615.525	482.158.725
Giá vốn hoạt động xây dựng	164.511.122.311	112.464.139.992
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	3.093.028
	552.523.724.247	418.737.869.696

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi	6.765.039.248	8.709.145.400
Lãi bán các khoản đầu tư	-	482.661.670
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.925.908.716	2.551.840.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.040.783
	11.690.947.964	11.746.687.853

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	7.934.858.980	6.514.592.185
Phí môi giới bán chứng khoán	-	11.868.032
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	13.934.213	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	37.432.208	-
	7.986.225.401	6.526.460.217

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.371.492.573	786.407.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.456.817.812	14.560.030.239
	23.828.310.385	15.346.437.713

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	341.685.315	410.783.814
Chi phí nhân công	13.380.862.409	10.433.148.520
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.128.974.667	944.721.096
Chi phí dự phòng	15.443.118.391	274.552.506
Thuế, phí, lệ phí	36.562.645	17.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.780.623.048	1.569.241.143
Chi phí khác bằng tiền	3.504.381.172	3.578.234.932
	35.616.207.647	17.227.682.011

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	214.685.180	-
Cho thuê đất và nhà tại Khu dân cư Nguyễn Văn Tiết	77.037.637	186.949.534
Thu nhập phát sinh từ thu hồi nợ khó đòi đã xử lý	88.854.760	319.983.745
Thu nhập từ vi phạm hợp đồng	63.035.901	207.618.280
Hoàn nhập bảo hành công trình	-	74.845.128
Thu nhập khác	817.448.719	372.284.665
	1.261.062.197	1.161.681.352

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính	140.213.138	139.324.611
Chi phí khác	47.141.114	1.150.552
	187.354.252	140.475.163

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	114.638.188.328	114.640.007.117
Các khoản điều chỉnh tăng	3.268.577.251	724.521.808
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.925.908.716)	(2.551.840.000)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	112.980.856.863	112.812.688.925
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	22.596.171.373	22.562.537.785
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	452.529.009
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	6.758.336.733	7.312.727.893
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(24.468.443.679)	(23.569.457.954)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	4.886.064.427	6.758.336.733
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	505.337.492	35.447.140
Thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp	505.337.492	35.447.140
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	101.067.498	7.089.428
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm của HĐKD bất động sản	(101.067.498)	(7.089.428)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	22.697.238.871	22.569.627.213
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	4.886.064.427	6.758.336.733

34 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.173.818.546	2.173.818.546
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.173.818.546	2.173.818.546

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	92.446.286.949	91.653.298.035
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	92.446.286.949	91.653.298.035
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	15.030.145	14.919.376
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.151	6.143

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban Điều hành trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	243.265.797.866	150.878.706.917
Chi phí nhân công	71.690.339.478	64.077.897.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.345.345.119	13.780.362.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.755.273.067	111.711.981.128
Chi phí khác bằng tiền	66.061.826.929	63.287.592.502
	523.118.582.459	403.736.540.796

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.972.280.405	-	51.147.987.411	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	176.579.160.050	(872.381.189)	119.810.804.138	(791.762.798)
Các khoản cho vay	102.968.222.182	-	96.647.486.557	-
Đầu tư dài hạn	30.164.132.482	-	30.164.132.482	-
	348.683.795.119	(872.381.189)	297.770.410.588	(791.762.798)

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	164.144.026.803	186.715.603.858
Phải trả người bán, phải trả khác	36.867.445.880	34.158.146.831
Chi phí phải trả	24.844.132.013	11.429.129.573
	225.855.604.696	232.302.880.262

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Đầu tư dài hạn	-	30.164.132.482	-	30.164.132.482
	-	30.164.132.482	-	30.164.132.482
Tại ngày 01/01/2018				
Đầu tư dài hạn	-	30.164.132.482	-	30.164.132.482
	-	30.164.132.482	-	30.164.132.482

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.972.280.405	-	-	38.972.280.405
Phải thu khách hàng, phải thu khác	175.706.778.861	-	-	175.706.778.861
Các khoản cho vay	98.468.222.182	4.500.000.000	-	102.968.222.182
Đầu tư dài hạn	-	30.164.132.482	-	30.164.132.482
	313.147.281.448	34.664.132.482	-	347.811.413.930
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.147.987.411	-	-	51.147.987.411
Phải thu khách hàng, phải thu khác	119.019.041.340	-	-	119.019.041.340
Các khoản cho vay	96.647.486.557	-	-	96.647.486.557
Đầu tư dài hạn	-	30.164.132.482	-	30.164.132.482
	266.814.515.308	30.164.132.482	-	296.978.647.790

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	122.333.198.803	41.810.828.000	-	164.144.026.803
Phải trả người bán, phải trả khác	36.867.445.880	-	-	36.867.445.880
Chi phí phải trả	24.844.132.013	-	-	24.844.132.013
	184.044.776.696	41.810.828.000	-	225.855.604.696
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	146.721.355.858	39.994.248.000	-	186.715.603.858
Phải trả người bán, phải trả khác	34.158.146.831	-	-	34.158.146.831
Chi phí phải trả	11.429.129.573	-	-	11.429.129.573
	192.308.632.262	39.994.248.000	-	232.302.880.262

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . THÔNG TIN KHÁC

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản (khai thác đá). Theo điều 77 Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 và Nghị định số 203/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính Phủ, Công ty sẽ phải nộp phí cấp quyền khai thác khoáng sản căn cứ vào Thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ Cơ quan Thuế.

Từ năm 2013, Công ty đã trích trước khoản phải phí cấp quyền khai thác khoáng sản từ khi Luật khoáng sản năm 2010 có hiệu lực, theo đó phí cấp quyền khai thác khoáng sản qua các năm phải nộp như sau:

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	Giá trị	Số đã nộp	Số còn phải nộp tại 31/12/2018
	VND	VND	VND
Năm 2013	10.869.092.730	-	10.869.092.730 (*)
Năm 2014	3.221.030.340	(3.221.030.340)	-
Năm 2015	7.986.260.880	(7.986.260.880)	-
Năm 2016	13.682.990.880	(13.682.990.880)	-
Năm 2018	4.928.574.600	(4.928.574.600)	- (**)
Cộng	22.076.383.950	(11.207.291.220)	10.869.092.730

(*) Khoản phí tính từ năm 2011 - thời điểm Luật Khoáng sản có hiệu lực đến năm 2013. Theo Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 18/09/2015, UBND tỉnh Bình Dương đã phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá của Công ty xuống cote -100m, khoản phí này tạm thời Ngân sách Nhà nước chưa thu cho đến khi có văn bản yêu cầu nộp của Cơ quan có thẩm quyền.

(**) Khoản phí cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 2455/QĐ-UBND ngày 04/09/2018 của UBND Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá của Công ty xuống cote -150m, tổng trữ lượng tính quyền khai thác là 1.216.932 m3.

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	172.085.384.259	476.806.561.852	73.441.391.480	722.333.337.591
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.574.261.948	156.753.953.969	5.481.397.427	169.809.613.344
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	29.756.187.850	133.812.928	29.890.000.778
Tài sản bộ phận	186.461.830.019	516.640.181.097	79.576.870.014	782.678.881.130
Tổng tài sản	186.461.830.019	516.640.181.097	79.576.870.014	782.678.881.130
Nợ phải trả của các bộ phận	69.348.241.032	192.147.035.143	29.595.955.171	291.091.231.346
Tổng nợ phải trả	69.348.241.032	192.147.035.143	29.595.955.171	291.091.231.346

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

Mối quan hệ	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Miền Đông		
Công ty liên kết		
- Bán hàng hóa	58.166.223	-
- Bán tài sản thanh lý	940.000.000	-
- Mua hàng hóa, tài sản thanh lý	1.954.279.132	-
- Cổ tức được chia	3.858.225.000	-
- Góp vốn đầu tư	5.294.329.600	33.693.995.233

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Miền Đông		
Công ty liên kết		
- Phải thu khách hàng ngắn hạn	805.459.945	-
- Phải trả người bán ngắn hạn	85.371.917	569.993

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
- Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.962.197.698	1.919.194.664
- Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.300.539.103	3.986.179.118

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC kiểm toán.

Người lập



Đỗ Việt Cường

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Hiếu

Bình Dương, ngày 25 tháng 01 năm 2019
Tổng Giám đốc



Võ Văn Lãnh



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3 - 2

Bình Dương, ngày 12 tháng 04 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng Giám đốc



VÕ VĂN LÃNH